

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN KHOÁT

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA
KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN CỐ Ý GÂY
THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TÔN HẠI CHO SỨC KHỎE
CỦA NGƯỜI KHÁC Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 9 38 01 04**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nguyễn Văn Khoát

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTV	Điều tra viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSĐT	Kiểm sát điều tra
KSV	Kiểm sát viên
KSXX	Kiểm sát xét xử
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TTHS	Tố tụng hình sự
THTT	Tiến hành tố tụng
VAHS	Vụ án hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSNDTC	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	8
1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và ở Việt Nam	8
1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án	23
1.3. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu	24
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	27
2.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	27
2.2. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	51
2.3. Đánh giá quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	76
Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	85
3.1. Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	85
3.2. Đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	99
Chương 4: GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	117
4.1. Yêu cầu của các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	117
4.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	118
4.3. Một số kiến nghị về hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và tiếp tục hoàn thiện quy định về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	141
KẾT LUẬN	146
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	148
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, trên địa bàn cả nước tình hình tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn cả nước và từng địa phương diễn ra phức tạp và có chiều hướng ngày càng gia tăng cả về số vụ, số người phạm tội lẫn tính chất, mức độ phạm tội. Hành vi phạm tội không chỉ xảy ra ở các thành phố mà còn xảy ra nhiều ở các địa phương vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Loại tội phạm này chiếm tỷ lệ cao trong tổng số các vụ phạm tội xảy ra, làm tổn hại đến sức khỏe, tinh thần và cả tính mạng của những người bị hại, gây ra tâm lý bất an, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở các địa phương và để lại nhiều hệ lụy xấu cho gia đình và xã hội. Đặc biệt, do tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế với những ảnh hưởng trực tiếp của nhiều yếu tố tiêu cực như game online, phim ảnh bạo lực, văn hoá phẩm không lành mạnh... làm cho tình hình tội phạm cố ý gây thương tích có xu hướng diễn biến mạnh động, với những phương thức, thủ đoạn rất đa dạng và tinh vi, đối tượng phạm tội ở đủ mọi lứa tuổi và có xu hướng ngày càng trẻ hoá. Người phạm tội ngày càng liều lĩnh, mà nguyên nhân trong nhiều trường hợp xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ nhất, bột phát; người phạm tội sử dụng ngày càng nhiều hơn các loại hung khí, phương tiện nguy hiểm gây thiệt hại sức khỏe cho nhiều người, đặc biệt có cả trường hợp con cái gây thương tích cho bố mẹ, cháu gây thương tích cho ông bà do mâu thuẫn gia đình, mâu thuẫn chia thừa kế, đất đai... Với tính chất nguy hiểm và hậu quả mà tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác gây ra, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng và chính quyền địa phương phải tăng cường hơn nữa công tác đấu tranh phòng, chống và từng bước ngăn chặn, giảm thiểu đến mức thấp nhất loại tội phạm này.

Là cơ quan do Quốc hội thành lập, thừa hành quyền lực từ Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, VKSND là cơ quan được giao chức năng THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp, được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho trọng trách phối hợp với các cơ quan trực tiếp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng; đồng thời, tham mưu với Đảng, Nhà nước đề ra chủ trương, biện pháp đấu tranh và phòng, chống hiệu quả đối với loại tội phạm này, góp phần quan trọng vào việc thực hiện công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta. Trong thời gian vừa qua, toàn ngành Kiểm sát

đã có nhiều cố gắng về mọi mặt nên đã góp phần to lớn trong việc bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tấn công mạnh mẽ và có hiệu quả vào các tội phạm nói chung, tội phạm cố ý gây thương tích nói riêng và đã đạt được những kết quả quan trọng, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận. Thực tiễn hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKSND các cấp thời gian qua cho thấy, đã có sự tiến bộ rõ rệt, góp phần đảm bảo cho hoạt động điều tra, xét xử của Cơ quan điều tra, TAND các cấp tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Đồng thời, thông qua hoạt động này, VKSND đã góp phần vào việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này ở các địa phương trong cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc như: Hoạt động kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm còn nhiều hạn chế nên dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm, không quản lý được tình hình tội phạm này đã xảy ra; chất lượng công tác kiểm sát điều tra chưa cao; tình trạng bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố oan, sai vẫn còn xảy ra; còn nhiều vụ án bị Tòa án trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung; việc áp dụng pháp luật vào từng trường hợp cụ thể còn chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và giữa các VKS địa phương; hoạt động xét hỏi, tranh luận giữa các bên tại phiên tòa còn chưa thực chất và còn thiếu tính chủ động; việc xác định thiệt hại để giải quyết vấn đề bồi thường trong một số trường hợp chưa chính xác... Những hạn chế nêu trên dẫn đến hậu quả nhiều vụ án có quá trình điều tra kéo dài, không đủ căn cứ để truy tố, hoặc bị cấp phúc thẩm cải sửa, huỷ án để điều tra lại, làm ảnh hưởng đến việc xử lý tội phạm và người phạm tội. Những hạn chế, tồn tại đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng điều tra và hoạt động kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn cả nước thời gian qua.

Với mục đích tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của VKSND trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, ngành Kiểm sát đã tổ chức nghiên cứu nhiều nội dung và vấn đề khác nhau, bằng nhiều đề tài khoa học ở các cấp độ khác nhau. Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được đưa vào vận dụng trong thực tiễn và đã mang lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, đối với hoạt

động của VKSND trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cho tới nay vẫn chưa có một nghiên cứu toàn diện và có hệ thống được thực hiện, nên chưa tạo ra được cái nhìn tổng quan về cơ sở lý luận và đánh giá đúng thực trạng cũng như xác định đầy đủ và chính xác những nguyên nhân, điều kiện của các ưu, nhược điểm trong hoạt động; chưa đưa ra được các giải pháp hữu hiệu để khắc phục những vướng mắc, tồn tại, hạn chế của VKSND trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thực tế.

Vì vậy, để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam, tác giả đã lựa chọn vấn đề "***Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam***" làm đề tài luận án tiến sĩ là mang tính cấp thiết hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá về lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thời gian vừa qua, luận án đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam trong thời gian tới.

Để thực hiện mục đích đó, luận án có những nhiệm vụ sau:

- Khảo sát, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở Việt Nam và ở nước ngoài đối với hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận như: Khái niệm, đối tượng, phạm vi, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm đối với các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Phân tích những quy định của pháp luật về THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của BLTTHS năm 2003 và những điểm mới của BLTTHS năm 2015.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động của VKSND trong THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của BLTTHS năm 2003. Đồng thời, chỉ ra kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của thực trạng đó và đưa ra những giải pháp, kiến nghị để khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong công tác này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án này được xác định là: Những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKSND theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu được xác định và giới hạn, gồm:

Về nội dung: Đề tài Luận án chỉ giới hạn trong nghiên cứu lý luận, pháp luật và thực tiễn hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKSND ở Việt Nam trong hai giai đoạn đó là: Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra (bắt đầu từ khi khởi tố vụ án và kết thúc khi CQĐT làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ vụ án) và THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (bắt đầu từ khi Tòa án vào sổ thụ lý và kết thúc khi Tòa án sơ thẩm ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật) theo quy định của BLTTHS năm 2003.

Xác định đây là một đề tài có phạm vi nghiên cứu rất rộng và có tính thực tiễn cao, nên luận án chỉ nghiên cứu những quy định cơ bản của pháp luật về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác làm cơ sở cho việc đánh giá thực tiễn.

Về không gian, thời gian nghiên cứu: Đề tài Luận án tập trung nghiên cứu ở Việt Nam, địa bàn khảo sát, phân tích trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ở những tỉnh, thành phố trọng điểm. Các số liệu liên quan đến đề tài được tham khảo từ số liệu thống kê về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ năm 2007 đến 2016 của Cục thống kê tội phạm VKSND tối cao, thực tế hồ sơ vụ án lưu giữ tại VKSND các cấp.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật XHCN, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chiến lược cải cách tư pháp; về đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng, chống tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của khoa học Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự và cách tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Luận án được thực hiện dựa trên tổng thể các phương pháp đặc thù của Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự như: Diễn giải, quy nạp, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, khảo sát, điều tra xã hội học có tính điển hình, tổng kết rút kinh nghiệm thực tiễn, phỏng vấn, tọa đàm, trao đổi trực tiếp với Điều tra viên, KSV, Thẩm phán có năng lực, có kinh nghiệm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tùy thuộc vào yêu cầu giải quyết và đối tượng nghiên cứu của từng chương, mục trong đề tài Luận án, tác giả lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, khi sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể này, tác giả luôn tuân thủ cách tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học nhằm đạt được mục đích nghiên cứu đặt ra.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam, cụ thể là:

- Luận án đã luận giải và làm rõ hơn một số vấn đề lý luận như khái niệm, đặc điểm, đối tượng, phạm vi, nội dung và ý nghĩa của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Luận án khảo cứu, đánh giá tình hình hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người

khác từ năm 2007 đến 2016, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của nó.

- Luận án đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Bên cạnh đó, luận án còn đưa ra một số kiến nghị để bổ sung, hoàn thiện các quy định trong Bộ luật hình sự, BLTTHS liên quan đến việc giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm này trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về hoạt động của VKSND trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Các nghiên cứu của luận án sẽ là nguồn tư liệu mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc có thể làm cơ sở cho việc nhận thức thống nhất pháp luật của các cơ quan tư pháp khi giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Luận án là tài liệu hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy và tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của các cơ quan tư pháp, đặc biệt cho cán bộ, công chức làm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm 4 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam

Chương 3: Thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam

Chương 4: Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và ở Việt Nam

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Qua nghiên cứu một số công trình nghiên cứu của các tác giả ở nước ngoài đã cung cấp nhiều thông tin về mô hình tổ tụng, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của VKS hoặc Viện công tố (Cơ quan công tố) và sự tác động giữa công tác THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp của Cơ quan công tố đối với các cơ quan tư pháp khác trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự. Theo đó, mỗi mô hình tổ tụng khác nhau hoặc nhóm các nước có hệ thống pháp luật giống nhau đều có những điểm khác biệt hoặc tương đồng. Cụ thể như:

- Despina Kyprianou (2008), *“Comparative Analysis of Prosecution Systems”* (Vai trò của Cơ quan công tố trong hoạt động điều tra) [142]. Trong công trình nghiên cứu của mình, Despina Kyprianou đã trình bày vai trò của Cơ quan công tố trong hoạt động điều tra ở nhóm các quốc gia theo truyền thống luật án lệ và nhóm các quốc gia theo truyền thống pháp luật Châu Âu lục địa. Qua nghiên cứu, tác giả nhận định rằng ở cả hai nhóm quốc gia nêu trên, vai trò của Cơ quan công tố đã thay đổi so với mô hình truyền thống. Ở các quốc gia theo truyền thống luật án lệ, Cơ quan công tố đã có sự tham gia tích cực hơn trong giai đoạn điều tra, được ghi nhận trong luật (tại Anh và xứ Wales) hoặc thông qua thỏa thuận không chính thức với Cảnh sát. Ở nhóm các quốc gia theo truyền thống pháp luật Châu Âu lục địa, Công tố viên chỉ trực tiếp chỉ đạo hoạt động điều tra trong những vụ án rất quan trọng nhưng vẫn luôn kiểm soát và chịu trách nhiệm chung về kết quả điều tra của Cảnh sát.

- Jorg - Martin Jehle (2005), *The Function of Public Prosecution from a Europe Comparative Perspective - How international Research can Contribute to the Development of Criminal Justice*. Tạm dịch là: Chức năng của Cơ quan công tố từ góc nhìn so sánh tại Châu Âu - Các nghiên cứu quốc tế có thể đóng góp vào sự phát triển của Tư pháp hình sự như thế nào [143]. Trong bài viết của mình, tác giả đã chỉ rõ tại hầu hết các nước châu Âu (trừ Anh và Ailen), Cơ quan công tố được xem là cơ quan đứng đầu trong giai đoạn điều tra. Điều này đồng nghĩa với việc cơ quan công tố phải kiểm soát các bước và các hoạt động điều tra tội phạm của cảnh sát. Tuy nhiên, trong thực tiễn tố

tụng hình sự ở châu Âu, Cơ quan công tố rất hiếm khi tham gia vào giai đoạn điều tra. Thông thường, Cơ quan công tố chỉ được thông báo sau khi Cảnh sát đã hoàn thành việc điều tra, trừ trường hợp, đối với những tội rất nghiêm trọng thì Cơ quan công tố phải tham gia ngay từ đầu giai đoạn điều tra.

- Giáo trình (2002), “*Giáo trình Công tác kiểm sát*” [39] của Học viện Cán bộ kiểm sát quốc gia Trung Quốc (Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội biên dịch và hiệu đính). Đây là công trình nghiên cứu tổng thể, toàn diện về quá trình hình thành, phát triển và chức năng, nhiệm vụ của VKSND Trung Quốc. Tại Trung Quốc, mô hình tổ tụng hình sự về cơ bản là mô hình tổ tụng thẩm vấn. VKSND là cơ quan tư pháp, được tổ chức thành một hệ thống độc lập, có chức năng THQCT và giám sát pháp luật của nhà nước nói chung, giám sát các hoạt động tư pháp trong TTHS sự nói riêng một cách độc lập theo quy định của pháp luật mà không bị can thiệp bởi bất kỳ cơ quan hành chính, tổ chức hoặc cá nhân nào.

- Nghiên cứu các báo cáo theo Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (2010) “*Research studies on the organization and functioning of the justice system in five selected countries (China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation)*” (Báo cáo nghiên cứu về tổ chức bộ máy và chức năng của hệ thống tư pháp tại năm quốc gia chọn lọc: Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên bang Nga) của GS. William E Buttler, Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Pennsylvania [149], đã nghiên cứu về bối cảnh chính trị, văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hệ thống tư pháp, về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, luật sư và vấn đề cải cách tư pháp ở những quốc gia này, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến Viện kiểm sát/công tố và mối quan hệ giữa các cơ quan tư pháp, cụ thể ở từng nước như sau:

+ Báo cáo nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (2010) của PGS. Vivienne Bath, Đại học Tổng hợp Sydney, PGS. Sarah Biddulph, Đại học Tổng hợp Melbourne [147]. Báo cáo này nêu rõ: Sau khi chuyển đổi nền kinh tế về cơ bản, Trung Quốc vẫn giữ mô hình VKS trước khi chuyển đổi. Viện kiểm sát vẫn trực thuộc cơ quan đại diện, không nằm trong hệ thống các cơ quan hành chính. Hệ thống CQĐT ở Trung Quốc thuộc Bộ Công an. VKS có chức năng THQCT, kiểm sát điều tra các vụ án hình sự; được trao thẩm quyền điều tra nên có vị trí, vai trò, quyền hạn rất lớn và có thực lực so với các cơ quan công tố trên thế giới hiện nay. Viện kiểm sát Trung Quốc, ngoài việc chịu sự giám sát theo hệ thống ngành dọc còn chịu

sự giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân cùng cấp. Hệ thống VKS ở Trung Quốc được tổ chức thành bốn cấp phù hợp với hệ thống tổ chức Tòa án. VKS Trung Quốc bảo đảm việc độc lập thực hiện chức năng kiểm sát trong khi không thiết lập nên một hệ thống quyền lực mới. Đây là bảo đảm pháp lý để VKS có thể thực hiện thẩm quyền của mình mà không chịu sự can thiệp của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Nó cũng hạn chế khả năng của VKS trong việc can thiệp vào việc thực thi các thẩm quyền hợp pháp của các cơ quan khác, như tòa án, cảnh sát, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

Viện kiểm sát Trung Quốc hoạt động trên nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc; tuân thủ nguyên tắc pháp quyền và các quy tắc kỷ luật nghề nghiệp; bảo đảm quyền bình đẳng tố tụng và sự đối xử bình đẳng trước pháp luật của tất cả mọi người. VKS cũng được giao trách nhiệm trấn áp các hành vi phản động, bảo vệ sự thống nhất của đất nước, đấu tranh chống lại các hoạt động phản cách mạng và tội phạm, bảo vệ nền chuyên chính vô sản và hệ thống pháp luật XHCN, duy trì trật tự công cộng, bảo vệ tài sản, giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành pháp luật và tích cực đấu tranh phòng, chống tội phạm.

+ *Báo cáo nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Nhật Bản* (2010), của PGS. Luke Nottage, Đại học Tổng hợp Sydney, GS. Kent Anderson, Đại học Quốc gia Úc, GS. Makoto Ibusuki, Đại học Tổng hợp Seijo [145], nghiên cứu, phân tích: Viện Công tố Nhật Bản, cũng có chức năng, nhiệm vụ rất quan trọng trong điều tra và xét xử các vụ án hình sự.

Hệ thống cơ quan Công tố Nhật Bản gồm: Văn phòng công tố tối cao là cơ quan cao nhất của hệ thống công tố, dưới đó là 8 Văn phòng cấp cao, 50 văn phòng cấp quận và 203 văn phòng địa phương. Theo lý thuyết và trên thực tế, các cấp được gắn với nhau bằng “Nguyên tắc công tố thống nhất”, một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của tổ chức công tố tại Nhật Bản. Cơ sở của nguyên tắc này là nhận thức “Công tố là một tổ chức quốc gia, thống nhất và có thứ bậc, mà ở đó người cấp trên chỉ huy người cấp dưới và tất cả Công tố viên cùng nhau tạo thành một thể thống nhất. Tuy nhiên, theo nguyên tắc của Luật cơ quan Công tố thì trong hầu hết các hoạt động nghề nghiệp của mình, Công tố viên ở Nhật Bản có sự độc lập rất cao. Sự độc lập này được bảo đảm bởi hai yếu tố: Thứ nhất, Công tố viên không bị sa thải, bị đình chỉ công tác, hoặc bị trừ lương, trừ một số trường hợp được quy định cụ thể theo luật và sau khi thông qua các thủ tục pháp

lý cụ thể. Thứ hai, Bộ trưởng Tư pháp có rất ít thẩm quyền chỉ đạo và quản lý Công tố viên. Trong thực tế, nguyên tắc độc lập của công tố viên thường được xếp sau nguyên tắc công tố thống nhất.

Nghiên cứu báo cáo trên, nhận thấy hệ thống pháp luật của Nhật Bản rất đa dạng, có sự đan xen, kết tinh những giá trị, ưu điểm của hệ thống pháp luật theo truyền thống án lệ, truyền thống pháp luật Châu Âu và đặc điểm truyền thống, pháp luật, văn hóa, chính trị.

+ *Báo cáo nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Hàn Quốc* (2010), của GS. Byung-Sun Cho, Trường Cao đẳng luật, Đại học Tổng hợp Chongju, Hàn Quốc, GS. Tom Ginsburg, Trường Luật, Đại học Tổng hợp Chicago [141], đánh giá: Tại Hàn quốc, mô hình tổ chức của hệ thống công tố Hàn Quốc được xây dựng từ khái niệm độc lập công tố (Prosecutorial Independence) vốn tương đồng với khái niệm độc lập tư pháp. Khái niệm độc lập tư pháp phát sinh từ “nguyên tắc phân quyền để kiểm chế và cân bằng quyền lực giữa các cơ quan nhà nước”. Tuy nhiên, đặc điểm của hệ thống công tố là nó lại nằm ở giữa quyền hành pháp và tư pháp. Bởi vì nó có liên quan đến việc buộc tội và tham dự xét xử nhưng bên cạnh đó nó lại mang mục đích áp đặt hình phạt thích đáng cho các tội phạm.

Trong thực tiễn, các Công tố viên Hàn Quốc bình thường chỉ truy tố khi đã thu thập các bằng chứng mà Công tố viên thấy đủ cho hành vi phạm tội của một nghi can. Tòa án, về mặt lịch sử, thiên hướng chấp nhận những khẳng định về sự kiện của Công tố viên trong bản cáo trạng. Nói cách khác, Công tố viên báo cáo kết quả điều tra của mình (hồ sơ do công tố viên lập) cho Tòa án xét xử và quyết định của Tòa án phần lớn dựa trên các báo cáo đó như một điều đương nhiên. Theo quy định của pháp luật Hàn Quốc, Công tố viên có toàn quyền đình chỉ truy tố ngay cả khi có đủ bằng chứng buộc tội nghi can. Điều này được gọi là nguyên tắc toàn quyền buộc tội và ngược lại với nguyên tắc truy tố bắt buộc. Mục đích của nguyên tắc toàn quyền buộc tội là cho phép Công tố viên cân nhắc chính sách hình sự để quyết định xem có truy tố một nghi can cụ thể không.

Pháp luật Hàn quốc còn quy định về hệ thống công tố viên đặc biệt được thiết lập cho phép các luật sư độc lập giữ vai trò Công tố viên trong việc điều tra vụ án (hệ thống này bắt nguồn từ Hoa Kỳ). Theo đó các luật sư, vốn độc lập với chính quyền, sẽ được chỉ định làm Công tố viên đặc biệt để điều tra các vụ việc được cho là không bình thường

hoặc hoạt động trái pháp luật của quan chức cấp cao chính phủ. Việc chỉ định các Công tố viên đặc biệt đòi hỏi phải có các quy định pháp luật đặc biệt. Một Công tố viên đặc biệt, có thể do Tổng thống, Quốc hội hoặc Chánh án Tòa án tối cao chỉ định, sẽ hành động một cách độc lập và có quyền buộc tội bất kỳ người nào dựa trên kết quả điều tra của mình.

+ *Báo cáo nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Indonsia* (2010) của TS. Simon Butt, Đại học Sydney [146]. Báo cáo đã nghiên cứu, phân tích: Chức năng công tố tùy thuộc vào Tổng Công tố - người giữ vị trí cao nhất dưới tư cách công tố tối cao. Chức vụ Tổng Công tố ngang với thành viên trong chính phủ, độc lập với Bộ trưởng pháp luật và nhân quyền và cả hai đều báo cáo trực tiếp lên Tổng thống. Nhiệm vụ khởi tố một vụ án hình sự thông qua hệ thống Tòa án thẩm quyền chung thuộc trách nhiệm của các biện lý, ủy viên công tố, và Công tố viên. Tất cả các Công tố viên và hoạt động khởi tố đều do Cơ quan Công tố quản lý. Cơ quan Công tố là một tổ chức thuộc chính phủ được thành lập theo luật để thực hiện và thi hành quyền lực Nhà nước đối với các hoạt động công tố và các nhiệm vụ khác được quy định của pháp luật.

Báo cáo cũng phân tích và làm rõ sau khi có kết luận trong việc điều tra, Cảnh sát phải gửi một bản tóm tắt chứng cứ của vụ việc cho Công tố viên. Công tố viên sẽ kiểm tra các tài liệu, chứng cứ này và quyết định tiếp tục điều tra, không cần xét xử nữa hoặc truy tố để theo đuổi việc xét xử. Theo báo cáo thì Cơ quan công tố Indonsia có sự phối hợp không chặt chẽ với cảnh sát, nên làm cho tính hiệu quả trong điều tra, truy tố tội phạm ở nước này không cao.

+ *Báo cáo nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Liên bang Nga* (2010) của GS. William E Buttler, Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Pennsylvania [148] đã phân tích CQĐT Liên bang Nga thuộc Bộ Nội vụ và điều trực thuộc chính phủ. Ngoài ra, Liên bang Nga có CQĐT trực thuộc VKS. Viện kiểm sát ở Liên bang Nga có vị trí độc lập với các cơ quan hành pháp, tư pháp và là một hệ thống tập trung thống nhất, trong đó các Kiểm sát viên cấp dưới phục tùng và chịu sự chỉ đạo của các Kiểm sát viên cấp trên và của Tổng kiểm sát trưởng Liên bang Nga. Các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của VKS được quy định tại Luật Liên bang về VKS Liên bang Nga năm 1992. Để phản ánh tính chất tập trung và thống nhất của mình, VKS thực thi các quyền hạn được giao một cách độc lập với các cơ quan quyền lực nhà nước liên bang,

các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể thuộc Liên bang Nga, các cơ quan tự quản địa phương, các tổ chức xã hội và bảo đảm tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật đang có hiệu lực trên lãnh thổ Liên bang Nga.

Mô hình tổ chức của hệ thống các cơ quan kiểm sát bao gồm các cấp hoặc các bộ phận chức năng sau đây: VKS trung ương Liên bang Nga, VKS của từng chủ thể trong 84 chủ thể thuộc Liên bang Nga, VKS quân sự và các VKS chuyên ngành tương ứng khác, các cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo thuộc VKS trung ương, các ban biên tập của các cơ quan xuất bản thuộc VKS trung ương, VKS của các thành phố, quận, Viện kiểm sát theo lãnh thổ, VKS quân sự và chuyên ngành khác. Luật liên bang về kiểm sát của Liên bang Nga liệt kê chín chức năng và nhiệm vụ cơ bản của ngành Kiểm sát. Tất cả các chức năng và nhiệm vụ đều được thực hiện ở từng cấp của hệ thống kiểm sát và các hoạt động kiểm sát của ngành kiểm sát hợp với nhau tạo nên nét độc đáo của ngành kiểm sát Nga.

- Luận án tiến sĩ luật học, mã số 12.00.08, Makhachkala L. G. Ibragimov (2005), *“Giết người và gây thương tích hoặc làm tổn hại sức khỏe của người khác - nhìn từ khía cạnh nạn nhân học tội phạm”* [144]. Trong luận án, tác giả đã tập trung nghiên cứu và làm rõ những đặc điểm chung của các vụ án giết người và cố ý gây thương tích từ góc độ hình sự và nạn nhân học tội phạm ở nước Cộng hòa tự trị Dagestan. Đặc biệt, tác giả đã đi sâu làm rõ vai trò của nạn nhân trong các vụ án giết người và cố ý gây thương tích, cụ thể là đặc điểm tính cách của nạn nhân, hành vi, ứng xử cũng như những hành động phản kháng hay tự vệ của nạn nhân; phân loại nạn nhân, để từ đó đưa ra những giải pháp đấu tranh và phòng, chống loại tội phạm này.

Qua nghiên cứu các công trình khoa học của một số nước trên thế giới, tác giả nhận thấy Viện Công tố/Viện kiểm sát, mặc dù với tên gọi khác nhau, đều có trong bộ máy nhà nước của tất cả các nước. Song, không có nghĩa là nhà nước nào cũng áp dụng một khuôn mẫu cơ quan Công tố với vị trí, chức năng, nhiệm vụ giống nhau. Tại các quốc gia như Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc cơ quan Công tố được đặt trong hệ thống hành pháp thuộc chính phủ, còn một số quốc gia theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, điển hình như Cộng hòa Pháp cơ quan Công tố được tổ chức bên cạnh hệ thống các cơ quan tư pháp. Một số nước như Liên bang Nga, Trung Quốc... thì cơ quan Công tố không thuộc các cơ quan

hành pháp mà có một vị trí riêng, do cơ quan quyền lực Nhà nước là Quốc hội thành lập ra, chịu trách nhiệm và báo cáo trước Quốc hội.

Nghiên cứu pháp luật các nước về cơ quan Công tố, tác giả cũng thấy rằng mặc dù đều có chung mục đích bảo vệ pháp chế, bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nhưng chức năng, thẩm quyền của cơ quan Công tố mỗi nước cũng rất khác nhau. Có nước cơ quan Công tố chỉ đạo hoạt động điều tra, trực tiếp điều tra, quyết định việc phân công Điều tra viên, có nước vai trò của cơ quan Công tố hạn chế hơn, thể hiện chủ yếu ở giai đoạn xét xử, khi đó Công tố viên đóng vai trò như một bên trong tranh tụng như ở Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc. Ở một số nước như Liên bang Nga, Trung Quốc... lại quy định cơ quan Công tố không chỉ thực hành quyền công tố giám sát việc điều tra mà còn tiến hành tham gia trực tiếp vào hoạt động điều tra một số vụ án để bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng và lợi ích của công dân. Như vậy, mô hình tổ chức và hoạt động của cơ quan Công tố trên thế giới rất đa dạng và phong phú. Bởi lẽ cũng như những chế định pháp luật khác, chế định cơ quan Công tố chịu sự chi phối của rất nhiều yếu tố như truyền thống văn hoá, hoàn cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế, xã hội, quan điểm về nhà nước và pháp luật của mỗi quốc gia.

Những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đã tiếp cận, nghiên cứu nhiều chiều, phong phú, cung cấp nhiều thông tin về hệ thống pháp luật, mô hình tổ tụng; về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ; về hoạt động của Cơ quan công tố/Viện kiểm sát một số nước trên thế giới. Tuy nhiên, các công trình trên chưa tập trung nghiên cứu có hệ thống, chuyên sâu vào hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng là một trong những chức năng, nhiệm vụ của VKSND. Vì vậy, đây là vấn đề thu hút các nhà nghiên cứu lý luận, pháp luật và những người hoạt động thực tiễn quan tâm nghiên cứu ở những mức độ, phạm vi khác nhau. Trong những năm qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về mô hình tổ tụng hình sự; về vai trò, chức năng, hoạt động của VKSND, của CQĐT và TAND; về mối quan hệ giữa các cơ quan tư pháp; về đấu tranh phòng, chống tội phạm

nói chung và các nhóm, loại tội phạm cụ thể trong đó có tội phạm cố ý gây thương tích đã được các cá nhân, tổ chức tiến hành nghiên cứu. Mỗi công trình có phạm vi nghiên cứu riêng, ở các góc độ, mức độ khác nhau và được tiến hành nghiên cứu bằng nhiều phương pháp khác nhau. Cụ thể như:

- Nhóm các công trình nghiên cứu về lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, mô hình tổ tụng hình sự có liên quan đến đề tài.

+ Sách chuyên khảo (2010), “*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” [87], của GS.VS. Nguyễn Duy Quý, TS. Nguyễn Tất Viễn (Đồng chủ biên) đã khái quát lịch sử hình thành và phát triển của học thuyết nhà nước pháp quyền; nghiên cứu về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp quyền; những đặc trưng cơ bản, chức năng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; các yếu tố quy định, chi phối quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, xác định hệ thống các cơ quan tư pháp ở nước ta gồm Tòa án, CQĐT, Viện kiểm sát, Cơ quan Thi hành án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp như tổ chức giám định tư pháp, tổ chức các luật sư, cơ quan công chứng nhà nước, lý lịch tư pháp; đồng thời, đề cập các giải pháp đổi mới các cơ quan tư pháp hiện nay ở nước ta.

+ Sách chuyên khảo (2009), “*Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*” [59, tr 175, 471], của PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh đã nghiên cứu lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2009, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Ở mỗi thời kỳ tác giả đều đề cập đến quá trình hình thành, phát triển của hệ thống các cơ quan tư pháp của Nhà nước ta, trong đó có cơ quan công tố, nay là VKSND.

+ Sách chuyên khảo (2009) “*Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” [109], của GS.TSKH Đào Trí Úc và PGS.TS Phạm Hữu Nghị (đồng Chủ biên). Trong đó, các nhà khoa học đã phân tích, lý giải và đề xuất các giải pháp liên quan, như: Những định hướng lớn của nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; đổi mới vai trò, chức năng của nhà nước ta trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; dân chủ và thực hiện dân chủ, xã hội dân sự và xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam; xây dựng cơ chế bảo vệ hiến pháp ở Việt

Nam; cải cách tư pháp; các yêu cầu và định hướng cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay [109, tr 338-339].

+ Đề án nghiên cứu cấp Nhà nước (2011), *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”* [115], do VKSND tối cao chủ trì thực hiện. Trong đó có đề tài nhánh IX (2010), *“Bảo đảm tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế gắn công tố với hoạt động điều tra - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* [67], của TS. Nguyễn Hải Phong đã đi sâu vào nghiên cứu những chủ trương, định hướng cơ bản, chủ yếu liên quan đến việc sửa đổi BLTTHS năm 2003, đổi mới về tổ chức và hoạt động của VKSND trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp ở nước ta.

+ Giáo trình (2006), *“Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam”* [96], của Trường Đại học Luật Hà Nội. Trong nội dung của giáo trình, có một phần đã đề cập đến hoạt động của Cơ quan điều tra, VKS và Tòa án trong tố tụng hình sự, trong đó việc phân tích, lý giải theo hướng làm rõ các chế định cụ thể của BLTTHS.

+ Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 01 (2014), *“Mô hình lập pháp về hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam vì con người”* [12], của PGS. TSKH Lê Cẩm đã nghiên cứu một số nhược điểm cơ bản của hệ thống pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành, đồng thời tác giả đã đưa ra Mô hình lập pháp về hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự vì con người, trong đó đặc biệt là mô hình các nguyên tắc của pháp luật TTHS.

Những công trình trên đã khái quát tình hình nghiên cứu về lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, mô hình nhà nước pháp quyền, mô hình tố tụng hình sự, trong đó đề cập các chủ trương, định hướng cải cách tư pháp, hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở nước ta nói chung, hoàn thiện cơ chế pháp lý và mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra, VKS và Tòa án nói riêng có liên quan mật thiết và là nguồn tài liệu quan trọng, hữu ích để tham khảo khi nghiên cứu đề tài này.

- Nhóm các công trình nghiên cứu về Viện kiểm sát nhân dân.

+ Đề tài khoa học cấp Bộ (2008), *“Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị”* [92], của TS. Lê Hữu Thê đã hệ thống các chuyên đề có liên quan trực tiếp đến vai trò của VKSND trong THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự, như: Vai trò,

nhiệm vụ của VKSND trong THQCT và kiểm sát các vụ án hình sự theo Luật Tổ chức VKSND năm 2002 và Bộ luật TTHS năm 2003; sự thể chế hoá tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị về vai trò của VKSND trong việc THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trong pháp luật thực định và thực tiễn hoạt động; thực trạng THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự thời gian qua; một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong hoạt động xây dựng cáo trạng của VKSND thời gian qua; vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện công tố và Công tố viên trong việc giải quyết vụ án hình sự ở Australia và một số nước Châu Á... Nội dung của các chuyên đề trong đề tài đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của VKSND trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự, đồng thời đưa ra các giải pháp, kiến nghị với từng vấn đề cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

+ Sách chuyên khảo (1997), *“Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự”* [72], của PGS.TS Đỗ Ngọc Quang đã phân tích cơ sở pháp lý mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với VKS, Tòa án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp trong tố tụng hình sự; đồng thời, đề xuất các giải pháp hoàn thiện mối quan hệ này. Đây là một trong những công trình nghiên cứu đầu tiên, khá toàn diện và trực tiếp đến mối quan hệ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, việc nghiên cứu BLTTHS năm 1988 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989 nên đến nay nhiều vấn đề đã được sửa đổi, bổ sung.

+ Đề tài khoa học cấp Bộ (2008), *“Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp”*[52], của TS. Nguyễn Ngọc Khánh đã tập trung nghiên cứu về mối quan hệ giữa công tố với điều tra của một số quốc gia và quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về việc tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp, đã xác định vị trí, thẩm quyền của VKSND, của Kiểm sát viên trong hoạt động điều tra và THQCT, kiểm sát hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra hiện nay.

+ Luận án tiến sĩ luật học (1995), *“Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*[61], của TS. Khuất Văn Nga. Trong luận án của mình, tác giả đã nghiên cứu dưới góc độ lý luận một cách chuyên sâu, toàn diện về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong bộ máy

nhà nước ta; đây là cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu về mối quan hệ giữa VKS với Cơ quan điều tra, giữa VKS với Tòa án nhân dân.

+ Luận án tiến sĩ luật học (2012), *“Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự Việt Nam”* [89], của TS. Nguyễn Tiến Sơn. Trong luận án của mình, tác giả đã nghiên cứu một cách tổng quan về mối quan hệ trong tố tụng hình sự giữa Cơ quan điều tra với VKS từ khi tội phạm xảy ra đến khi kết thúc việc điều tra vụ án hình sự. Luận án đã góp phần thống nhất về nhận thức mối quan hệ phối hợp, chế ước giữa CQĐT với VKS trong tố tụng hình sự; góp phần nâng cao chất lượng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta trong tình hình hiện nay.

+ Nguyễn Hoài Nam (2015), *Một số ý kiến về việc xác định mối quan hệ giữa các cấp Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay* [60]. Trong bài viết của mình, dựa vào quy định của BLTTHS và nội dung của mối quan hệ nói trên, tác giả đã chia mối quan hệ giữa các cấp của VKS trong tố tụng hình sự thành các nhóm như: Nhóm có nội dung VKS cấp trên điều chỉnh hoạt động tố tụng của VKS cấp dưới; nhóm quy định về quyền kháng nghị của VKS cấp trên; nhóm quy định về việc VKS cấp trên giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyết định, hành vi tố tụng của VKS cấp dưới. Trên cơ sở đó, tác giả đã nêu ra các quan điểm định hướng, yêu cầu cho việc bảo đảm thực hiện mối quan hệ giữa các cấp kiểm sát trong tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay.

Những công trình trên đã nghiên cứu chuyên sâu về vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn của VKSND; về tổ chức, hoạt động của VKSND; về thực trạng công tác THQCT, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử của VKS cũng như những yêu cầu đặt ra nhằm nâng cao chất lượng hoạt động THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp để đáp ứng thực tiễn và cải cách tư pháp ở nước ta. Đây là nguồn tài liệu rất quan trọng và có giá trị cả về lý luận và thực tiễn đối với việc nghiên cứu đề tài.

- Nhóm công trình nghiên cứu về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

+ Luận án tiến sĩ luật học (2017), *“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay”* [30] của tác giả Hoàng Xuân Đàn. Luận án đã giải quyết được một số vấn đề lý luận liên quan đến công tố, quyền công tố và THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; Khái quát được sự hình thành và phát triển của pháp

luật về THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam, đồng thời cũng nêu được pháp luật về THQCT trong điều tra vụ án hình sự của một số nước trên thế giới (theo truyền thống Common law và theo truyền thống luật Châu Âu lục địa); khái quát được việc tổ chức thực hành quyền công tố ở một số nước châu Á; phân tích và chỉ ra được thực trạng THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam trong những năm gần đây, những tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của nó; trên cơ sở làm rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về nâng cao chất lượng THQCT cũng như nguyên nhân của những hạn chế. Luận án đã nêu ra giải pháp nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, tập trung vào việc hoàn thiện pháp luật và công tác cán bộ cũng như công tác tổ chức điều hành.

+ Luận án tiến sĩ luật học (2015), *“Hoạt động của Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp”* của tác giả Đoàn Tà Cửu Long [57]. Luận án đã làm rõ một số vấn đề lý luận về hoạt động của VKSND trong điều tra vụ án hình sự như khái niệm THQCT và khái niệm kiểm sát hoạt động tư pháp trong điều tra vụ án hình sự; mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong điều tra vụ án hình sự cũng như hoạt động của Viện công tố trong giai đoạn điều tra ở một số nước trên thế giới; đánh giá được thực trạng hoạt động THQCT, hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKS trong điều tra vụ án hình sự và việc áp dụng ở Việt Nam. Đồng thời, luận án phân tích chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật tố tụng hình sự về hoạt động của VKS trong điều tra vụ án hình sự, những vướng mắc trong áp dụng cũng như nguyên nhân của nó. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất được một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của VKS trong điều tra vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp. Đó là giải pháp về hoàn thiện pháp luật; các thiết chế về hỗ trợ tư pháp; giải pháp về tổ chức, về tăng cường sự giám sát đối với các hoạt động tư pháp hình sự...

+ Tổng Kim Hương (2013), *Về kiểm sát điều tra vụ án hình sự và mối quan hệ giữa kiểm sát điều tra và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát số 06. Bài viết đã phân tích rõ đặc điểm của hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự, về mối quan hệ giữa kiểm sát điều tra với THQCT trong tố tụng hình sự. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự và mối quan hệ giữa kiểm sát điều tra và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự [49].

- Nhóm công trình nghiên cứu về thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử sơ thẩm.

+ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Vụ (2010), “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự*” [37], (của Viện Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự - VKSND tối cao) do ThS. Nguyễn Thanh Hạo làm Chủ nhiệm đề tài. Trong đề tài này, tác giả đã đề cập khá toàn diện về vị trí, vai trò, nội dung của công tác THQCT và kiểm sát xét xử hình sự cũng như mối quan hệ của công tác THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự với các công tác khác trong ngành KSND với công tác xét xử các vụ án hình sự. Tác giả cũng đã khái quát và đánh giá tương đối toàn diện kết quả công tác thực hành quyền công tố và KSXX các vụ án hình sự (từ năm 2006 đến tháng 6/2010); trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ ra những ưu, nhược điểm trong công tác THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự và đưa ra các giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao chất lượng công tác này.

+ Luận văn thạc sĩ (2017), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh* [26], của tác giả Trương Khắc Dương. Trên cơ sở đưa ra các quan điểm khác nhau về quyền công tố, tác giả đã đưa ra khái niệm quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho VKS thực hiện các quyền năng theo quy định của pháp luật để phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, trên cơ sở bảo đảm thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội; Luận văn đã chỉ ra được nội dung của quá trình THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự dưới góc độ nghiệp vụ; phân tích được quy định của pháp luật TTHS hiện hành về THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; Đồng thời, đánh giá thực tiễn THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKSND ở thành phố Bắc Ninh trong những năm gần đây, từ đó luận văn đưa ra các nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của VKSND thành phố Bắc Ninh.

- Nhóm những công trình nghiên cứu khác có liên quan đến thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử.

+ Luận án tiến sĩ luật học (2002), “*Quyền Công tố ở Việt Nam*” [38], của TS. Lê Thị Tuyết Hoa. Trong luận án của mình, tác giả đã nghiên cứu tổng quan về quyền công tố nói chung nhưng chủ yếu là quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng

hình sự Việt Nam. Luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của quyền công tố, xây dựng các khái niệm mới về quyền công tố nói chung và quyền công tố trong tố tụng hình sự nói riêng; nội dung, phạm vi quyền công tố và thực hành quyền công tố; thực trạng thực hành quyền công tố... Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất được những giải pháp về hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực tiễn để nâng cao chất lượng hoạt động công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong tình hình mới.

+ Luận án tiến sĩ luật học (2017), “*Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*” [69], của tác giả Tôn Thiện Phương. Luận án đã giải quyết được một số vấn đề lý luận liên quan đến quyền công tố và THQCT trong tố tụng hình sự; khái quát được lịch sử chế định THQCT trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cũng như vấn đề THQCT của một số nước trên thế giới; trên cơ sở nghiên cứu, làm rõ quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về THQCT và thực tiễn áp dụng của VKSND hai cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, luận án đã chỉ ra một số bất cập, thiếu sót và nguyên nhân của nó và nêu được một số giải pháp bảo đảm thực hiện tốt hơn nữa công tác thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của VKSND tỉnh Nghệ An.

+ Luận án tiến sĩ luật học (2012), “*Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người ở Việt Nam*” [58], của TS. Lê Minh Long, đã nghiên cứu tổng quan những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người ở Việt Nam. Luận án góp phần làm sáng tỏ hơn những dấu hiệu đặc thù của các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người, từ đó giúp KSV có nhận thức đúng đắn hơn về loại tội phạm này trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Luận văn thạc sĩ luật học (2013), “*Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tỉnh Lâm Đồng trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án cố ý gây thương tích*” [139], của Trịnh Minh Vũ đã nghiên cứu khái quát lý luận về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, VKSND và Tòa án nhân dân trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án cố ý gây thương tích. Đồng thời, tác giả tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng quan hệ phối hợp giữa ba cơ quan trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ năm 2008 đến năm 2012. Trên cơ sở đó,

tác giả đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, VKSND và Tòa án nhân dân trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn.

+ Luận văn thạc sĩ (2017), *“Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh”* [63], của tác giả Nguyễn Thiện Nhân. Theo tác giả, THQCT là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các hoạt động do nhà nước quy định nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm. Luận văn cũng nêu ra các đặc điểm của quyền công tố; khái quát được lịch sử hình thành và phát triển quyền công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam; Phân tích được quy định của pháp luật về THQCT theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và thực trạng công tác này ở VKSND huyện Tiên Du, đồng thời đưa ra được một số kiến nghị nâng cao chất lượng THQCT khi giải quyết các vụ án hình sự của VKSND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

+ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Khoa (2013), *“Một số kỹ năng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”* [100], do Ths. Vũ Minh Hằng và Ths. Nguyễn Văn Khoát thực hiện. Trong nội dung đề tài đã đánh giá, phân tích chuyên sâu về một số kỹ năng THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích như: Đặc điểm hoạt động điều tra, xử lý tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; kỹ năng THQCT kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, kiểm sát việc áp dụng, hủy bỏ hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn trong các vụ án cố ý gây thương tích; kỹ năng đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu trưng cầu giám định, đánh giá và sử dụng kết quả giám định; kỹ năng tranh luận, đối đáp tại phiên tòa sơ thẩm của KSV trong các vụ án cố ý gây thương tích.

Ngoài các công trình nghiên cứu nêu trên, còn nhiều công trình nghiên cứu khác có liên quan đến nội dung luận án của các tác giả như: Đào Việt Yên (2016), *Thực hành quyền công tố trong điều tra các tội phạm về ma túy từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn Thạc sĩ; Phùng Đức Khiêm (2016), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Luận văn Thạc sĩ; Nguyễn Quang Tuấn (2016), *Kiểm sát điều tra vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn Thạc sĩ; Đặng Văn Hạnh

(2015), *Thực hành quyền công tố trong xét xử vụ án hình sự cấp huyện từ thực tiễn tỉnh Nam Định*, Luận văn Thạc sĩ; Tổng Thị Bích Hồng (2016), *Thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án về tội mua bán người theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hà Giang*, Luận văn Thạc sĩ; Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội; Hà Như Khuê (2009), *Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ; Nguyễn Thái Phúc (1999), *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Kỷ yếu đề tài cấp bộ; Lê Hữu Thê (chủ biên), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, NXB Tư pháp, Hà Nội 2008; Trần Văn Độ (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố*, Kỷ yếu đề tài cấp bộ “*Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*”, Hà Nội.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

Qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu có liên quan đến lý luận về lịch sử Nhà nước và pháp luật; về hệ thống pháp luật và mô hình tố tụng, cơ quan công tố một số nước trên thế giới; về công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đặc biệt là các công trình nghiên cứu ở trong nước, tác giả có một số nhận xét, đánh giá về các kết quả nghiên cứu như sau:

- Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã đề cập, phân tích về lịch sử Nhà nước và pháp luật; về hệ thống pháp luật và mô hình tố tụng; về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của VKS hoặc Cơ quan công tố và sự tác động của công tác THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp của VKS đối với CQĐT và Tòa án trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, trong đó có liên quan đến việc giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Theo đó, các nước với hệ thống pháp luật và mô hình tố tụng khác nhau thì việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan công tố ở mỗi nước hoặc nhóm nước có sự khác nhau, từ đó dẫn tới cách thức, trình tự cũng như mối quan hệ giữa các cơ quan tố tụng trong việc tham gia vào giải quyết vụ án hình sự cũng có những đặc điểm tương đồng và khác biệt nhất định. Đây là điểm xuất phát rất quan trọng, là cơ sở lý luận mang tính tiền đề để tác giả tiếp tục đi sâu vào

nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu trên thế giới cũng cho tác giả có một cái nhìn toàn diện, đa chiều về hệ thống pháp luật, mô hình tổ tụng; về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan công tố, CQĐT và Tòa án của các nước trong việc giải quyết vụ án hình sự. Mặc dù, ở mỗi nước với hệ thống pháp luật và mô hình tổ tụng khác nhau nhưng tổng quan các công trình nghiên cứu đã giúp cho tác giả có cơ sở để khái quát về công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp ở Việt Nam một cách đa chiều và có tính liên hệ, so sánh, đối chiếu.

- Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã phân tích và khái quát tình hình nghiên cứu về lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, mô hình nhà nước pháp quyền, mô hình tổ tụng hình sự, trong đó đề cập các chủ trương, định hướng cải cách tư pháp, hoàn thiện mô hình tổ tụng hình sự ở nước ta nói chung, hoàn thiện cơ chế pháp lý giữa Cơ quan điều tra, VKS và Tòa án nói riêng. Đặc biệt, một số công trình nghiên cứu trong nước đã đề cập trực tiếp về mặt lý luận cũng như đánh giá thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cố ý gây thương tích ở Việt Nam; về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm liên quan đến loại tội phạm này. Các nội dung hợp lý của các công trình nghiên cứu trên sẽ được tác giả kế thừa, tiếp tục nghiên cứu phát triển trong luận án này.

- Kết quả nghiên cứu giúp cho tác giả nhận thức được tổng quan vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của VKSND; nhận thức được tổng quan về lý luận, pháp luật, về thực tiễn của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu trên chưa nghiên cứu một cách tổng thể, đồng bộ và chuyên sâu về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam, đặc biệt trên cả ba bình diện lý luận, thực tiễn và giải pháp về hoạt động này trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và theo yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra hiện nay.

1.3. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án có nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu một số vấn đề cơ bản sau đây:

- Làm rõ hơn lý luận và pháp luật về THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, như: Khái niệm, đối tượng, phạm vi, đặc điểm, căn cứ pháp lý và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm đối với các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Nghiên cứu, đánh giá những vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động của VKSND trong THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong giai đoạn 10 năm (từ năm 2007 đến năm 2016). Qua đó, phân tích, đánh giá rút ra những kết quả đạt được, đồng thời làm rõ những hạn chế, vướng mắc, khó khăn và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc, khó khăn đó.

- Trên cơ sở tổng hợp kết quả nghiên cứu, đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam trong thời gian tới.

Kết luận Chương 1

Trong Chương một của Luận án, tác giả đã tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản sau đây:

1. Các công trình nghiên cứu của các tác giả ở nước ngoài đã cung cấp những thông tin về mô hình tổ tụng, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của VKS hoặc Cơ quan công tố và sự tác động giữa công tác THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp của Cơ quan công tố đối với các cơ quan tư pháp khác trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự. Theo đó, mỗi mô hình tổ tụng khác nhau hoặc nhóm các nước có hệ thống pháp luật giống nhau đều có những điểm khác biệt, hoặc tương đồng. Cụ thể, nhóm các quốc gia theo truyền thống luật án lệ và nhóm các quốc gia theo truyền thống pháp luật Châu Âu lục địa (Cơ quan công tố được đặt trong hệ thống hành pháp thuộc chính phủ, hoặc được tổ chức bên cạnh hệ thống các cơ quan tư pháp) về chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan công tố đều có chức năng truy tố và buộc tội, nhưng vai trò và mức độ tác động, tương tác có sự khác

nhau. Còn nhóm các quốc gia mà cơ quan công tố không thuộc các cơ quan hành pháp mà có một vị trí riêng, do Cơ quan quyền lực Nhà nước là Quốc hội thành lập ra, chịu trách nhiệm và báo cáo trước Quốc hội như Trung Quốc, Liên bang Nga,...thì bên cạnh chức năng thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát còn có chức năng kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự.

2. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước nghiên cứu về mô hình tổ tụng hình sự; về vai trò, chức năng, hoạt động của VKSND, của CQĐT và TAND; về mối quan hệ giữa các cơ quan tư pháp; về đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các nhóm, loại tội phạm cụ thể. Mỗi công trình có phạm vi nghiên cứu riêng, ở các góc độ, mức độ khác nhau và được phân thành các nhóm cụ thể. Qua việc nghiên cứu các công trình ở nước ngoài và ở Việt Nam giúp cho tác giả nhận thức được tổng quan vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của VKSND; nhận thức được tổng quan về lý luận, về pháp luật và thực tiễn của hoạt động THQCT, kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án hình sự. Đây chính là những kiến thức nền tảng làm cơ sở để nghiên cứu lý luận, pháp luật cũng như thực tiễn hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở những chương tiếp theo.

3. Đánh giá được tình hình nghiên cứu về lý luận, về thực tiễn và giải pháp của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Bên cạnh đó, còn nêu cụ thể những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC Ở VIỆT NAM

2.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1.1.1. Khái quát về các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Thứ nhất, khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Về khái niệm cố ý gây thương tích cũng có những quan điểm khác nhau. Theo Từ điển Luật học: “Cố ý gây thương tích là hành vi cố ý xâm phạm thân thể, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích” [8, tr.283]. Theo Thạc sĩ Đinh Văn Quế: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi của một người cố ý làm cho người khác bị thương hoặc tổn hại đến sức khỏe [86, tr.126]. Đối với tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngoài những dấu hiệu pháp lý đặc trưng chung thì còn có dấu hiệu pháp lý riêng đó là: Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cố ý gây thương tích được biểu hiện tập trung nhất ở hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động trực tiếp lên cơ thể của người khác, làm tổn thương một bộ phận hay toàn bộ cơ thể, làm tổn hại, làm mất hần hay làm mất một chức năng của một cơ quan nào đó trên cơ thể con người như làm gãy tay, gãy chân, cắt tay, cắt chân, mù mắt...; Tính có lỗi thể hiện thái độ tâm lý của một người đối với tội phạm mà người đó gây ra. Việc xác định lỗi là rất cần thiết bởi lỗi là đặc điểm quan trọng của tội phạm nói chung và tội phạm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Về mặt hình sự, lỗi của người phạm tội được xác định trên cơ sở làm rõ người phạm tội có nhận thức về hành vi phạm tội hay không, có ý thức thế nào

đối với hậu quả của hành vi. Tính trái pháp luật của tội phạm cố ý gây thương tích nói cũng như các loại tội phạm khác theo quy định của pháp luật thì chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Tính phải chịu hình phạt: BLHS quy định tính chịu hình phạt là đặc điểm cơ bản của tội phạm, tính chịu hình phạt là thuộc tính bên ngoài của tội phạm nó thể hiện đã có tội thì phải chịu hình phạt, không áp dụng hình phạt đối với người vô tội hoặc người có hành vi vi phạm pháp luật khác. Tuy nhiên, trong thực tiễn có nhiều trường hợp người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt theo quy định của pháp luật [78, Đ.25], [79, Đ.29 và Đ.62].

Về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định ở Điều 104 BLHS năm 1999 (Điều 134 BLHS năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tội này bao gồm hành vi: "*Gây thương tích cho người khác*" là hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể con người làm cho con người có những thương tích nhất định (để lại dấu vết) và "*Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" là hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể con người làm cho sức khỏe của nạn nhân yếu đi, không còn nguyên vẹn như trước mặc dù không để lại dấu vết trên thân thể họ, hoặc làm mất chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân, làm giảm chức năng hoạt động của bộ phận đó [7, tr.12].

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như sau: *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý nhằm gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác.*

Thứ hai, dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là tội ghép gồm hai tội quy định trong cùng một điều luật: Tội cố ý gây thương tích cho người khác và tội gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Theo tiến sĩ Nguyễn Hữu Cầu, gây thương tích là gây ra, để lại các dấu vết trên thân thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, còn gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là làm mất mát, hư hại một phần, không còn nguyên vẹn như trước nữa đối với sức khỏe con người [13].

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tuy là hai tội, song hành vi khách quan và hậu quả của nó rất giống nhau, có nhiều điểm tương đồng nhau. Do vậy, các nhà làm luật đã xếp trong cùng một điều luật. Để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì phải xác định được tội danh mà người đó đã phạm phải, được quy định trong BLHS. Căn cứ để xác định tội danh phải dựa vào các dấu hiệu cấu thành tội phạm pháp lý cơ bản đặc trưng nhất của một tội cụ thể. Khoa học hình sự gọi những dấu hiệu đặc trưng đó là các yếu tố cấu thành tội phạm. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có các dấu hiệu pháp lý đặc trưng đó là:

- Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại [136]. Tội cố ý gây thương tích xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người, của công dân. Ở nước ta, con người với tư cách là chủ thể của xã hội, được Đảng và Nhà nước quan tâm hàng đầu. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự được qui định rõ tại Điều 20, Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam [75]. Khách thể của tội cố ý gây thương tích là quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Trong ba điều luật về tội cố ý gây thương tích được quy định trong BLHS năm 1999 [78, Điều 104, 105, 106] (nay là Điều 134, 135, 136 BLHS năm 2015), đều có qui định “Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác...”. Như vậy, khách thể trực tiếp của tội này là sức khỏe của con người. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ ở đây không phải là sức khỏe của con người nói chung mà là sức khỏe của người khác, sức khỏe của con người cụ thể; những trường hợp tự gây thương tích hoặc tự làm tổn hại sức khỏe cho bản thân mình thì không cấu thành tội danh này hoặc không phải là tội phạm hoặc cấu thành các tội khác như tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 332 BLHS), .v.v...

- Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Người phạm tội phải có hành vi tác động đến thân thể của người khác làm cho người này bị thương, bị tổn hại đến sức khỏe như: Đâm, chém, đâm đá, đốt cháy hay đầu độc...[13, tr.126].

Hành vi khách quan: Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng giống như các loại tội phạm khác, đó là sự biểu hiện ra bên ngoài, thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi do đối tượng gây ra. Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đó là những hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động trực tiếp đến cơ thể người khác làm cho họ bị thương tích hoặc tổn hại đến sức khỏe. Việc dùng sức mạnh vật chất có thể là sức mạnh thể chất của các bộ phận cơ thể như tay, chân, đầu, mông (đề đấm, đá, húc, ...), có thể được thực hiện với công cụ, phương tiện (vũ khí chất nổ, vũ khí thô sơ, công cụ gia dụng, gạch đá, ...). Các trường hợp người phạm tội dùng hoá chất (thông thường là a xít) hoặc dùng động vật như chó trâu, bò húc, chó cắn, ... để gây thương tích cho người bị hại đều là hành vi khách quan cấu thành tội này. Ngoài ra, cá biệt có những trường hợp người phạm tội cưỡng bức người bị hại tự gây thương tích cho mình hoặc tác động qua người trung gian (ví dụ: xô vào một người, làm cho họ va vào người thứ ba ngã bị thương). Qua vật trung gian (ví dụ: đẩy cây cột ngã đập vào người ngồi ở gần đó), nếu chứng minh được động cơ, mục đích cố ý gây thương tích cho người khác cũng đều là hành vi khách quan cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Về hậu quả: Để xác định hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có đủ yếu tố của mặt khách quan hay không, ngoài việc quy định yếu tố bắt buộc về quan hệ nhân quả do hành vi cố ý gây thương tích gây ra hậu quả mà nạn nhân phải gánh chịu thì BLHS còn quy định hậu quả tội phạm này là mức độ tổn hại thương tích của nạn nhân ở một tỉ lệ nhất định. Cụ thể, đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì tỉ lệ thương tích phải từ 11% trở lên. Nếu tỉ lệ thương tích dưới 11% thì phải thuộc một trong mười trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 (Điều 134 BLHS 2015) thì mới phạm tội này.

Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 105 (Điều 135 BLHS năm 2015) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng quy định tại Điều 106 (Điều 136 BLHS năm 2015) thì thương tích hoặc tổn thương khác phải có tỷ lệ thương tật phải từ 31% trở lên mới cấu thành tội phạm.

Hành vi cố ý gây thương tích cho người khác bao giờ cũng được thực hiện trong một thời gian, địa điểm, hoàn cảnh nhất định; bằng những phương tiện, công cụ, thủ đoạn nhất định. Những dấu hiệu này không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc xác định những dấu hiệu này trong mặt khách quan của tội phạm chỉ có ý nghĩa trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, là tình tiết để định khung và giúp cho người tiến hành tố tụng trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội được chính xác, khách quan, đúng pháp luật.

- Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định. Do tầm quan trọng của khách thể tội phạm cố ý gây thương tích nên BLHS đã xác định hành vi xâm hại đến quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người là một trong những hành vi có tính nguy hiểm cao cho xã hội. Vì vậy, chủ thể của tội phạm cố ý gây thương tích được quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn so với một số loại tội phạm khác. Cụ thể, đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chủ thể của tội phạm là người từ đủ 16 tuổi trở lên, riêng người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự nếu phạm tội qui định ở khoản 3, khoản 4 Điều 104 (khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 134 BLHS 2015).

Như vậy, ngoài việc là người cụ thể, đã cố ý thực hiện hành vi gây thương tích cho người khác, chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác không phải là chủ thể đặc biệt. Nghĩa là, chỉ cần hội đủ 2 điều kiện: có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo pháp luật quy định.

- Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Tội cố ý gây thương tích được thực hiện do lỗi cố ý trong cả hai trường hợp là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Nghĩa là, người phạm tội khi thực hiện hành vi, nhận thức rõ được hành vi của mình là nguy hiểm nhất định sẽ gây thương tích hoặc tổn thương cho sức khỏe của người khác; mong muốn, hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra, làm cho người bị hại bị thương tích hoặc bị tổn hại về sức khỏe.

Về động cơ, mục đích trong mặt chủ quan của tội phạm, đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Nhìn chung, động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, trên phương diện lý luận cũng như trong thực tiễn áp dụng pháp luật, trong nhiều trường hợp việc chứng minh động cơ, mục đích của người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác lại có ý nghĩa quyết định trong việc định tội và định khung hình phạt. Nhất là trong các trường hợp như: Phân biệt giữa hành vi giết người và cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, giữa hành vi giết người chưa đạt với hành vi cố ý gây thương tích; xác định người phạm tội để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân, ...

Động cơ thực hiện tội phạm của người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, có thể phân ra hai trường hợp theo thời điểm phát sinh mâu thuẫn để nghiên cứu. Nếu người phạm tội vì những mâu thuẫn từ trước thì hầu hết các trường hợp này có động cơ trả thù nhằm giải tỏa những bức xúc của mình. Nếu người phạm tội vì những mâu thuẫn nhất thời, bột phát thì trong trường hợp này rất khó xác định động cơ cụ thể, người phạm tội thực hiện hành vi gây án chỉ vì sự nóng giận bức tức bột phát, nhất thời. Tuy nhiên, cũng có không ít trường hợp chủ thể vì muốn thể hiện “bản lĩnh” với đồng bọn, với bạn gái,...mà thực hiện hành vi phạm tội.

Mục đích của người thực hiện tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chỉ nhằm xâm hại tới sức khỏe của nạn nhân, hoặc chỉ có ý định và mong muốn gây thương tích hoặc mang tổn thương khác. Nếu trường hợp bị thương tích hoặc tổn thương mà họ gây ra cho nạn nhân dẫn đến cái chết của nạn nhân thì sự kiện này vượt ra ngoài dự định mong muốn của họ và lỗi của họ đối với cái chết của nạn nhân là lỗi vô ý.

Nghiên cứu dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có ý nghĩa rất quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn; có nghiên cứu xem xét đầy đủ, khoa học các dấu hiệu pháp lý, nhất là mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm mới giúp cho hoạt động của KSV trong công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vừa mang tính chất chung, vừa mang tính đặc thù, bảo

đảm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, tránh oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Từ sự phân tích trên có thể hiểu: *Vụ án cố ý gây thương tích là vụ việc phạm pháp có dấu hiệu của tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý nhằm gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố về hình sự theo quy định của pháp luật.*

2.1.1.2. *Khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự*

- *Khái niệm thực hành quyền công tố.*

Quyền công tố là quyền nhân danh công quyền buộc tội người phạm tội và bảo vệ sự buộc tội đó trước phiên tòa. Phạm vi quyền công tố bắt đầu từ khi tội phạm được thực hiện và kết thúc khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Để đảm bảo việc thực hiện quyền đó, Nhà nước quy định các quyền năng pháp lý mà cơ quan có thẩm quyền được áp dụng để truy cứu TNHS đối với người phạm tội, cơ quan được giao thẩm quyền đưa vụ án ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ việc buộc tội đó gọi là cơ quan THQCT. Ở nước ta, nhà nước giao cho VKSND thực hiện chức năng này, cho nên chỉ có duy nhất VKSND mới có chức năng THQCT mà không có cơ quan nào có được.

Thực hành quyền công tố là việc VKSND sử dụng các biện pháp do luật định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó [104, tr.40].

Theo Tiến sĩ Lê Hữu Thế thì THQCT là việc VKSND sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự [91]. Tác giả cho rằng cả hai quan điểm trên đều có những điểm chưa hợp lý vì lý do sau đây:

Quan điểm thứ nhất còn thể hiện dưới dạng khái quát, có phạm vi quá hẹp, đồng thời cũng chưa nêu được bản chất của hoạt động THQCT so với các hoạt động điều tra, xét xử.

Quan điểm thứ hai tuy có phạm vi rộng hơn nhưng cũng giống quan điểm thứ nhất là chưa chỉ ra được bản chất của hoạt động THQCT là thực hiện việc “buộc tội” của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Nếu chỉ để thực hiện

việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội thì rõ ràng CQĐT hay Tòa án cũng có thể tiến hành các hoạt động tố tụng để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Mặt khác, phạm vi THQCT cũng cần phải được hiểu rộng hơn, tức là từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố chứ không phải từ giai đoạn điều tra. Quá trình giải quyết vụ án hình sự được chia thành các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự và phạm vi THQCT được xác định là tồn tại trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Riêng trong giai đoạn thi hành án thì không tồn tại chức năng THQCT.

Như vậy, *thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội.*

- *Khái niệm kiểm sát hoạt động tư pháp.*

Khoa học luật TTHS Việt Nam hiện nay chưa có một định nghĩa thống nhất về khái niệm “*kiểm sát*”, theo Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học, thì “*kiểm sát là kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của Nhà nước* [134, tr.867]. Theo đó, nội dung của khái niệm “*kiểm sát*” là hoạt động kiểm tra, giám sát, với đối tượng kiểm tra, giám sát là việc chấp hành pháp luật. Khái niệm nêu trên còn chung chung, chưa chỉ ra được chủ thể của hoạt động kiểm sát.

Theo quy định của pháp luật hiện hành: “Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam” [83, Đ.2]. Pháp luật TTHS hiện hành nước ta quy định VKS là cơ quan thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Như vậy, trước hết cần khẳng định “*kiểm sát*” là một loại quyền lực của Nhà nước, do VKS thực hiện với đối tượng kiểm tra, giám sát là việc chấp hành pháp luật của Nhà nước nói chung và của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong lĩnh vực TTHS nói riêng.

Tuy nhiên, hoạt động “*kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của Nhà nước*” trong TTHS không chỉ có VKS, mà còn có các chủ thể khác như: người tham gia tố tụng, các cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cá nhân công dân và toàn thể xã hội nói chung.

Quyền “kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của Nhà nước” trong TTHS của các chủ thể khác xuất phát từ những nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp và pháp luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước và quyền công dân. Đối với những chủ thể này, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không phải là chức năng hoạt động giống như VKS, mà là các quyền, nghĩa vụ phái sinh từ chức năng hoạt động hay các quyền, các hoạt động mang tính tự nguyện nhằm hướng tới việc phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật và loại trừ vi phạm pháp luật của những cơ quan hoặc cá nhân trong TTHS. Tuy nhiên, các hoạt động trên không thể coi là hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật (hoạt động mang tính quyền lực Nhà nước) trong TTHS, mà chỉ là các hoạt động giám sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự. Sự khác nhau giữa hoạt động kiểm sát của VKS và hoạt động giám sát của các chủ thể khác chính là hình thức thực hiện các quyền năng mà pháp luật TTHS cho phép (tính được đảm bảo bằng quyền lực Nhà nước). Chính điều này, làm cho hoạt động giám sát của các chủ thể khác không thể hiện được tính ưu việt và tính quyền lực giống như hoạt động “*kiểm sát*” của Viện kiểm sát, ví dụ như thông qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS, Viện kiểm sát có các quyền như: Quyền yêu cầu, kiến nghị, quyền kháng nghị với CQĐT, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. CQĐT, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phải thực hiện yêu cầu, kiến nghị của VKS... Tuy nhiên, xuất phát từ ý nghĩa đặc biệt quan trọng của hoạt động giám sát của các chủ thể khác, có thể coi đây là các thiết chế hỗ trợ cho hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

Kiểm sát hoạt động tư pháp còn được hiểu là kiểm tra, giám sát, xem xét, theo dõi việc tuân theo pháp luật đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, giam giữ, cải tạo của các cơ quan tiến hành tố tụng và giải quyết các hành vi phạm pháp, kiện tụng trong nhân dân nhằm bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất [8. Tr.441]. Theo khái niệm này, thì đối tượng của kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực TTHS là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong lĩnh vực tố tụng hình sự.

Nhưng theo quy định của pháp luật TTHS hiện hành thì hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS của Viện kiểm sát nhằm kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật của

các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, áp dụng những biện pháp theo quy định của BLTTHS hiện hành để loại trừ việc vi phạm pháp luật của những cơ quan hoặc cá nhân này [80, Đ.23]. Theo quy định này, đối tượng của hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS không chỉ là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn bao gồm hoạt động của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Khái niệm “Tuân theo pháp luật” là một thuật ngữ pháp lý thống nhất mang tính chính thể để chỉ một trong bốn hình thức thực hiện pháp luật. Theo lý luận chung về pháp luật, bốn hình thức thực hiện pháp luật gồm: Tuân thủ pháp luật (tuân theo pháp luật) là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế, không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm, các quy phạm pháp luật cấm được thực hiện ở hình thức này; thi hành (chấp hành) pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực; sử dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền, tự do pháp lý của mình (những hành vi mà pháp luật cho phép chủ thể tiến hành); áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước hoặc nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể [98, tr.183, 184].

Từ sự phân tích trên chúng ta có thể hiểu: *Kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự là hoạt động của VKSND để kiểm tra, giám sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.*

2.1.1.3. *Khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*

Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn tố tụng thứ hai của TTHS mà trong đó cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật TTHS tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố các chứng cứ, nghiên cứu các tình tiết của vụ án hình sự nhằm phát hiện kịp thời hành vi phạm tội và người thực hiện hành vi phạm tội để truy cứu

trách nhiệm hình sự, làm cơ sở cho việc giải quyết đúng đắn vụ án. Trong giai đoạn này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để làm sáng tỏ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án. Nếu có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi có dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như đã phân tích trên thì CQĐT ra quyết định khởi tố bị can về tội đó. Để thu thập chứng cứ làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền điều tra được tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật TTHS. Để VKS có thể truy tố đúng người phạm tội, Tòa án có thể xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì trước đó, giai đoạn điều tra phải thu thập đầy đủ chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, chứng cứ xác định tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can và chứng cứ xác định các tình tiết khác của vụ án. Nếu giai đoạn điều tra không thu thập được đầy đủ chứng cứ hoặc việc thu thập chứng cứ có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì VKS hoặc Tòa án sẽ trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Cơ quan có thẩm quyền điều tra có trách nhiệm điều tra bổ sung đáp ứng yêu cầu của VKS hoặc Tòa án.

Trong thời hạn điều tra (tùy theo từng loại tội phạm), CQĐT khi kết thúc điều tra phải làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn này, CQĐT còn ra các quyết định khác như quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn...

Như vậy, có thể nói, điều tra là một giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền điều tra áp dụng mọi biện pháp do luật định để làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Từ sự phân tích trên có thể thấy: *Thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động của VKSND trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác.*

Kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động của VKSND để kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, của cơ quan, tổ chức và cá nhân khác trong giải quyết vụ án đối với bị can

thực hiện hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác.

2.1.1.4. Khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Xét xử là chức năng hiến định của Tòa án. Kết quả xét xử của Tòa án là phán quyết cuối cùng đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật [80, Đ.9]. Đây là cơ sở duy nhất để xác định một người có bị coi là có tội hay không. Xét xử sơ thẩm VAHS có vị trí, vai trò quan trọng nhất, không chỉ trong giai đoạn xét xử mà còn trong cả quá trình giải quyết vụ án. Các giai đoạn tố tụng trước đó, chỉ là quá trình chuẩn bị điều kiện cho xét xử sơ thẩm. Các giai đoạn sau xét xử sơ thẩm là kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của nó, khắc phục những thiếu sót, sai lầm nếu có và đưa các quyết định, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành [107, tr.15]. Giai đoạn xét xử sơ thẩm VAHS bắt đầu kể từ thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm nhận được hồ sơ vụ án cùng với cáo trạng (hoặc quyết định truy tố) truy tố bị can trước Tòa án, do VKS cùng cấp chuyển sang và kết thúc bằng một bản án, quyết định giải quyết vụ án có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm VAHS, trên cơ sở những chứng cứ đã được kiểm tra công khai, khách quan, Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án xác định bị cáo có tội hay không có tội. Nếu bị cáo có tội thì đó là tội gì, quy định tại điều khoản nào của BLHS. Ngoài việc ra bản án, Tòa án cấp sơ thẩm còn có thẩm quyền ra các quyết định cần thiết khác nhằm giải quyết vụ án.

Hiện nay, khái niệm “*xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*” còn có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Theo Từ điển luật học, xét xử sơ thẩm là một từ Hán Việt, có nghĩa là lần đầu tiên đưa vụ án ra xét xử tại một Tòa án có thẩm quyền [134, tr.570]. Đây là khái niệm mang tính khái quát chung để chỉ tất cả việc xét xử sơ thẩm các VAHS, dân sự, hành chính... Tuy nhiên, định nghĩa này chưa làm rõ được đầy đủ nội dung, mục đích của việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Theo giáo trình Luật tố tụng hình sự của Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được hiểu là một giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó Tòa án có thẩm quyền thay mặt Nhà nước tiến hành việc xét xử lần đầu, toàn diện, tổng thể vụ án hình sự trên cơ sở bản cáo trạng của VKS, Tòa án sẽ xem xét đánh giá chứng cứ dựa

trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm sở để ra các phán quyết công minh, có căn cứ và đúng pháp luật bằng bản án và quyết định của mình [103, tr.359]. Định nghĩa này đã xác định xét xử sơ thẩm là giai đoạn của tố tụng hình sự và chỉ ra được nội dung, mục đích của việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, định nghĩa này xác định xét xử sơ thẩm VAHS là việc “xét xử lần đầu” là chưa thực sự chính xác. Bởi không phải mọi trường hợp xét xử sơ thẩm đều là xét xử lần đầu. Trong trường hợp tòa án có thẩm quyền xem xét ra quyết định hủy bản án để điều tra lại hoặc xét xử sơ thẩm lại thì việc xét xử sơ thẩm lại không phải là xét xử lần thứ nhất.

Theo giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn của tố tụng hình sự trong đó Tòa án có thẩm quyền tiến hành xem xét, giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật [97, tr.435]. Định nghĩa này đã xác định được xét xử sơ thẩm là một giai đoạn tố tụng hình sự. Tuy nhiên, định nghĩa này mới chỉ xem xét hình thức của việc xét xử sơ thẩm VAHS để giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật mà chưa làm rõ được những nội dung của việc giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng.

Ngoài ra, cũng có quan điểm cho rằng: Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động nhà nước do Tòa án thực hiện ở cấp xét xử thứ nhất nhằm xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ, các tài liệu của vụ án hình sự, trên cơ sở đó ra bản án, quyết định để xác định có hành vi phạm tội hay không, người thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt được áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết các vấn đề khác có liên quan trong vụ án hình sự [65, tr.8]. So với hai quan điểm trên, quan điểm này thể hiện tương đối đầy đủ bản chất của xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và bao gồm cả những trường hợp hủy án để điều tra lại hoặc xét xử lại.

Như vậy, theo tác giả: Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động nhân danh Nhà nước do Tòa án cấp xét xử thứ nhất thực hiện trên cơ sở kiểm tra, đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ đã thu được thông qua việc tranh tụng để làm sáng tỏ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự nhằm giải quyết vụ án bằng việc ra bản án xác định bị cáo có tội hay không có tội, hình phạt và các biện pháp tư pháp cũng như các quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm về THQCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như sau:

Thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động của VKSND trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác.

Kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động của VKSND trong tố tụng hình sự để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, của cơ quan, tổ chức và cá nhân khác trong việc giải quyết vụ án đối với bị cáo cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác.

2.1.2. Đặc điểm đặc thù của hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Thứ nhất, về định tội danh khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác.

Việc định tội danh đối với các hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác giữa CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án gặp rất nhiều khó khăn và dẫn đến thường có nhiều quan điểm khác nhau. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Có thể nói tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có các dấu hiệu khá tương đồng với nhiều hành vi phạm tội khác được quy định tại Chương XII các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người BLHS năm 1999 (Chương XIV BLHS năm 2015).

Trong thực tiễn việc định tội danh giữa tội giết người (giết người nhưng mục đích chưa đạt) với tội danh cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác thuộc khoản 3, khoản 4 BLHS năm 1999 (khoản 4, khoản 5 BLHS năm 2015) rất khó phân biệt, bởi vì hầu hết các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của hai tội này gần như tương đồng nhau, trong đó dấu hiệu chủ quan như động cơ, mục đích cố ý nghĩa quan trọng nhưng lại rất khó xác định và thường là do thể hiện qua lời khai báo của bị can, bị cáo.

Trong khi đó lời khai của bị can tại CQĐT có thể lại khác hoàn toàn với lời khai cả bị can trước VKS và rất nhiều trường hợp trước Tòa bị cáo lại phủ nhận toàn bộ lời khai trong giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố. Mặt khác, việc sử dụng các chứng cứ khác để xác định động cơ, mục đích cũng không có trong hồ sơ dẫn đến việc trong một số trường hợp CQĐT, Viện kiểm sát khởi tố, điều tra, truy tố về tội giết người nhưng TA lại xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Ngược lại, Cơ quan điều tra, VKS khởi tố, điều tra, truy tố về cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng Tòa án lại trả hồ sơ để điều tra bổ sung để khởi tố, điều tra, truy tố về tội giết người... Mặt khác việc định tội danh giữa các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác với các tội: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cũng có những quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Bởi vì, trong thực tiễn thông thường trước khi xảy ra hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho người khác giữa đối tượng phạm tội và người bị hại đã phát sinh mâu thuẫn trong gia đình hoặc tranh chấp trong sinh hoạt, lao động làm việc dẫn đến xô xát, xúc phạm lẫn nhau trong một thời gian nhất định. Trong một số trường hợp khác, khi xảy ra hành vi phạm tội, cả hai bên đều sử dụng những công cụ, phương tiện gây án nguy hiểm, tương đồng như đều dùng dao, gậy, gạch đá...và đều gây thương tích lẫn nhau nhưng tỉ lệ thương tích khác nhau. Chính vì trong thực tiễn việc định tội danh khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm gặp nhiều khó khăn dẫn đến trong một số trường hợp VKS truy tố tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng Tòa án lại kết tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, hoặc do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng...

Trên đây là đặc điểm đặc thù trong việc định tội danh khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Do đó, để bảo đảm định tội danh chính xác khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án loại này, đòi hỏi KSV phải kiểm sát chặt chẽ các hoạt động của ĐTV ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và các hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị

hại...nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, nắm vững các dấu hiệu đặc trưng của tội phạm để kịp thời đề ra yêu cầu để ĐTV tiến hành điều tra; trực tiếp hỏi cung bị can khi thấy cần làm rõ những mâu thuẫn còn tồn tại giữa các chứng cứ, không để xảy ra tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc Tòa án xét xử về tội danh khác với tội danh mà VKS truy tố.

Thứ hai, về công tác giám định tỷ lệ thương tật, giám định pháp y tâm thần, giám định kỹ thuật hình sự.

Việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chỉ được thực hiện khi đã có kết quả giám định tỷ lệ thương tật của bị hại, trong một số trường hợp còn phải tiến hành giám định pháp y tâm thần đối với bị can, bị cáo, giám định súng, đạn, công cụ, phương tiện, giám định các chất độc, axít,... Tuy nhiên, thực tiễn trong một số trường hợp công tác giám định chưa thật sự khách quan, do đó phải trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại, mỗi lần giám định lại cho kết quả khác nhau, do đó gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Đặc điểm này cũng khác với hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra các loại án khác.

Để bảo đảm đánh giá và sử dụng bản kết quả giám định có hiệu quả khách quan đúng đắn đòi hỏi KSV trước khi khởi tố vụ án phải kịp thời yêu cầu ĐTV đưa bị hại đi giám định, trường hợp xét thấy có nghi ngờ về kết quả giám định thì yêu cầu ĐTV trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại khi hồ sơ chuyển sang VKS. Nếu cần thiết, KSV báo cáo lãnh đạo để làm văn bản yêu cầu giám định lại. Giám định lại để bảo đảm việc truy tố có căn cứ và đúng pháp luật. Trường hợp bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố, nếu có nghi ngờ do đe dọa hoặc ép buộc của đối tượng phạm tội hay gia đình bạn bè người thân của họ thì KSV yêu cầu ĐTV hoặc phối hợp với ĐTV tiến hành kiểm tra, xác minh cụ thể để có quyết định đúng đắn. Có thể nói, việc đánh giá và sử dụng kết quả giám định và việc kiểm tra xác minh lý do rút đơn yêu cầu khởi tố trong thực tế còn gặp nhiều khó khăn nhất định có khi nằm ngoài khả năng của KSV. Tuy nhiên, khi được giao thụ lý THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX loại án này đòi hỏi KSV phải có nhiều kinh nghiệm, có tinh thần khách quan, thận trọng và có tính kiên quyết bảo vệ pháp luật mới bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Thứ ba, về việc xác định vai trò, trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

Thực tiễn THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định vai trò trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo do những tác động sau đây:

- Về tính chất, các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác khi xảy ra thường là các vụ án có đồng phạm thậm chí có những vụ số người tham gia lên đến hàng chục đối tượng của cả hai bên; về hình thức có cả đồng phạm phức tạp và đồng phạm giản đơn. Trước khi phạm tội, các đối tượng thường khen ngợi tâng bốc lẫn nhau, nhưng khi bị phát hiện khởi tố điều tra thì tìm mọi cách để đổ lỗi cho nhau hoặc che giấu hành vi phạm tội của người khác.

- Các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có nhiều người tham gia, sử dụng nhiều công cụ, phương tiện khác nhau, thời gian xảy ra nhanh chóng, có vụ xảy ra ban đêm, ít người làm chứng hoặc có nhiều người làm chứng nhưng do tính nguy hiểm của loại tội phạm này dẫn đến họ sợ hãi khó có thể khai báo chính xác, đầy đủ. Vì vậy, việc phát hiện, thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định hành vi của từng đối tượng gặp nhiều khó khăn, dễ nhầm lẫn.

- Bị hại, mặc dù là người trực tiếp bị xâm hại về sức khỏe nhưng do tâm lý sợ hãi, hoảng loạn, đau đớn lại bị nhiều người gây thương tích cùng một lúc do đó trong một số trường hợp cũng không nhận biết chính xác hành vi của từng người đồng phạm.

Từ những tác động trên đây dẫn đến một số trường hợp việc xác định vai trò trách nhiệm hình sự của từng đối tượng trong các vụ án có đồng phạm theo quan điểm xét xử của TA khác với quan điểm truy tố của VKS. Thậm chí quan điểm truy tố của VKS và quan điểm của Tòa án cấp sơ thẩm là thống nhất nhưng vụ án bị kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm khi xét xử lại hủy bỏ dẫn đến có những vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải xét xử qua các cấp sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm đến tám, chín lần vẫn có những quan điểm khác nhau.

Thứ tư, về bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ dân sự khác.

Các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, gây tổn hại sức khỏe cho bị hại ở những mức độ khác nhau hoặc làm chết người nhưng hậu quả về thiệt hại không chỉ đối với bản thân bị hại mà trong nhiều trường hợp còn có cả gia đình người thân của họ. Mặc khác, do tính chất cứu chữa, phong tục tập quán, thái

độ thiện chí hay căng thẳng của hai bên do đó việc xác định các khoản bồi thường thiệt hại có rất nhiều khoản khác nhau. Trong đó có khoản có hóa đơn, chứng từ, có khoản không có hóa đơn, chứng từ... Ngoài ra, các khoản nghĩa vụ cấp dưỡng cho bố mẹ, con cái của bị hại trong thực tế cũng rất phức tạp dẫn đến giữa yêu cầu của bị hại và gia đình của họ với quy định của pháp luật thường có khoảng cách nhất định. Chính vì vậy, có một số trường hợp vụ án bị kháng cáo và yêu cầu giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm vẫn không làm thỏa mãn mong muốn của hai bên.

Thứ năm, về vấn đề giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và công tác tác động tư tưởng cho bị can, bị cáo, bị hại.

Nghiên cứu một số vụ án cố ý gây thương tích hoặc cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cho thấy trong một số trường hợp tội phạm xảy ra do mâu thuẫn gây gắt xô xát giữa hai bên kéo dài giữa những người là hàng xóm, láng giềng, họ hàng, thông gia hay những người trước đây là bạn bè đồng nghiệp của nhau. Sau khi tội phạm xảy ra mâu thuẫn đó không chấm dứt mà còn đẩy lên cao độ, căng thẳng hơn thể hiện ở việc không chỉ bị hại và gia đình của họ yêu cầu xử phạt bị can, bị cáo thật nặng, bồi thường thật cao mà còn thể hiện ở việc đe dọa trả thù hoặc trả thù ngay trong quá trình điều tra, truy tố, thậm chí hành vi trả thù được thực hiện ngay tại phiên tòa. Có trường hợp việc trả thù người phạm tội kéo dài sau khi họ chấp hành xong án phạt tù. Chính vì vậy, khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm, KSV phải phối hợp với ĐTV, Thẩm phán, Hội thẩm làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật, lấy chính sách của Đảng và Nhà nước, lấy tình cảm... để tác động đến tư tưởng của bị hại và người thân của họ để thấy được người phạm tội phải bị xử lý theo quy định của pháp luật và các quyền của bị hại được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trả thù đều bị pháp luật nghiêm cấm và phải chịu những hậu quả nhất định. Thực hiện tốt công tác giáo dục pháp luật, tác động tư tưởng cho cả bị can, bị cáo và bị hại là trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng nói chung, đặc biệt là KSV là đại diện cho VKS thực hiện chức năng THQCT, kiểm sát điều tra, KSXX, kiểm sát thi hành án hình sự.

2.1.3. Đối tượng, phạm vi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

- *Đối tượng thực hành quyền công tố trong điều tra và xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.*

Hiện nay, theo tài liệu pháp lý ở nước ta chủ yếu chỉ đề cập đến vấn đề quyền công tố, đối tượng của quyền công tố còn vấn đề THQCT cũng như đối tượng của THQCT chưa được đề cập nhiều và còn chưa rõ ràng. Theo cách hiểu chung nhất, thì đối tượng của THQCT được hiểu là cái mà THQCT tác động vào nhằm đạt được một mục đích cụ thể nào đó. Về bản chất, THQCT là hoạt động nhân danh Nhà nước thực hiện việc buộc tội đối với người phạm tội, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội có căn cứ pháp luật, bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện đều được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật; không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Chúng ta có thể hiểu một cách đơn giản rằng, THQCT chính là việc hiện thực hóa quyền công tố, đưa quyền công tố là quyền của Nhà nước vào đời sống xã hội [13, tr.14]. Do vậy, đối tượng tác động của THQCT và đối tượng của quyền công tố là giống nhau. Tuy nhiên, hiện nay do xuất phát từ các quan niệm khác nhau về quyền công tố, nên nhận thức về đối tượng của quyền này cũng khác nhau dẫn đến việc nhận thức về đối tượng của THQCT không thống nhất, như: Có quan điểm đồng nhất quyền công tố với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật thì cho rằng, đối tượng của quyền công tố là sự tuân thủ pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; có quan điểm coi quyền công tố là quyền của Nhà nước buộc tội đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật. Có quan niệm cho rằng đối tượng của quyền công tố chính là các hành vi vi phạm pháp luật; có quan điểm coi quyền công tố là quyền của Nhà nước nhân danh xã hội truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với những người có hành vi phạm tội hoặc hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lợi ích Nhà nước, lợi ích chung; có quan điểm coi đối tượng của quyền công tố là tội phạm, người phạm tội và những vụ việc xâm hại đến lợi ích chung trong lĩnh vực dân sự, hành chính, ...

Những cách hiểu như vậy, vô hình dung đã thu hẹp đối tượng của quyền công tố do đã gắn đối tượng của quyền công tố với các hành vi cụ thể, những vụ việc cụ thể.

Chúng tôi cho rằng, đối tượng của quyền công tố là tội phạm và người phạm tội. Do đối tượng tác động của THQCT cũng chính là đối tượng của quyền công tố, nên đối tượng tác động của THQCT trong giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng là tội phạm và người phạm tội [13, tr.15].

Việc xác định đúng đối tượng THQCT trong giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử sơ thẩm đã góp phần giúp cho việc buộc tội đối với người phạm tội, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội có căn cứ pháp luật, bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện đều được khởi tố, điều tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Phạm vi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Hiện nay, có quan điểm cho rằng việc xác định phạm vi THQCT cũng tương tự như cách xác định đối tượng THQCT đó là đồng nhất phạm vi thực hành quyền công tố với phạm vi quyền công tố. Tuy nhiên, theo tác giả phạm vi quyền công tố có phần “rộng” hơn phạm vi của thực hành quyền công tố.

Nếu cho rằng phạm vi quyền công tố đồng nhất với thực hành quyền công tố có nghĩa là phạm vi bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án. Tuy nhiên, tác giả cho rằng quyền công tố phát sinh ngay từ khi có hành vi phạm tội xảy ra, nếu chỉ hiểu rằng quyền công tố chỉ bắt đầu từ khi hành vi phạm tội được phát hiện, tố giác, thụ lý giải quyết, khởi tố thì đây chỉ là cách hiểu đối với các tội phạm rõ (tội phạm đã được phát hiện và khởi tố vụ án). Trên thực tế, ngoài tội phạm rõ thì còn nhiều hành vi phạm tội chưa được phát hiện (tội phạm ẩn) thì cũng cần phải buộc tội đối với những tội phạm này, chính vì vậy mà tác giả đồng tình với quan điểm phạm vi quyền công tố bắt đầu từ khi có tội phạm xảy ra “Quyền công tố luôn luôn treo trên đầu đối với tất cả những người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị phát hiện khởi tố, điều tra [93, tr.59].

Mặt khác, THQCT là hoạt động thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Theo BLTTHS năm 2015 quy định thì phạm vi THQCT bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án và kết thúc khi có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án không bị kháng nghị hoặc đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Như vậy, phạm vi THQCT chỉ xuất hiện đối với các tội phạm rõ mà không xuất hiện đối với tội phạm chưa

được phát hiện (tội phạm ẩn). Quan điểm này một lần nữa được khẳng định tại Nghị quyết số 08 ngày 02/01/2002 đã chỉ rõ: Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ [3].

Như vậy, phạm vi quyền công tố có phần rộng hơn so với phạm vi THQCT ở điểm bắt đầu và trùng nhau tại điểm kết thúc. Phạm vi THQCT nói chung bắt đầu khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm,... và kết thúc khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị hoặc đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, đề tài nghiên cứu của luận án là “Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” do đó, khi nghiên cứu về phạm vi THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử chỉ xác định phạm vi nghiên cứu trong hai giai đoạn này.

Quá trình giải quyết vụ án hình sự được tiến hành bởi nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau là khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự... Trong đó, điều tra là giai đoạn tố tụng thứ hai được tiến hành sau giai đoạn khởi tố vụ án hình sự mà trong đó cơ quan có thẩm quyền điều tra căn cứ vào các quy định của pháp luật TTHS và dưới sự kiểm sát của VKS tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án [97, tr.265].

Như vậy, phạm vi THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được bắt đầu từ khi quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc khi Cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ vụ án.

Xét xử là giai đoạn tố tụng thứ tư của TTHS được tiến hành sau giai đoạn truy tố. Trong giai đoạn này Tòa án có thẩm quyền, sau khi nhận hồ sơ vụ án do VKS chuyển sang cùng bản cáo trạng quyết định truy tố bị can và vào sổ thụ lý. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa tiến hành các hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và ra một trong các quyết định; Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày có quyết định đưa vụ án

ra xét xử Tòa án phải mở phiên tòa. Trường hợp có lý do chính đáng thì có thể mở phiên tòa trong thời hạn ba mươi ngày. Đối với vụ án được trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì trong thời hạn mười lăm ngày sau khi nhận lại hồ sơ, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Tòa án ra bản án quyết định việc bị cáo có tội hay không có tội...cũng như các quyết định tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật nếu không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định.

Như vậy, phạm vi THQCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được bắt đầu từ khi Tòa án cấp thứ nhất vào sổ thụ lý và kết thúc khi Hội đồng xét xử ra bản án, quyết định kết tội hoặc tuyên bố bị cáo không phạm tội hoặc khi Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án.

2.1.4. Nội dung thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Việc xác định nội dung THQCT có ý nghĩa quan trọng nhằm xác định hoạt động nào thuộc thực hành quyền công tố, hoạt động nào thuộc kiểm sát hoạt động tư pháp. Trong quá trình THQCT của VKS rất dễ bị nhầm với hoạt động kiểm sát hoạt động tư pháp, bởi hai hoạt động này nếu không nắm chắc về mặt lý luận sẽ rất dễ nhầm lẫn vì hai hoạt động này gắn bó mật thiết với nhau, luôn song hành cùng nhau không tách rời, hoạt động này sẽ tạo cơ sở để hoạt động kia được thực hiện. Khi thực hiện tốt hoạt động kiểm sát hoạt động tư pháp sẽ lại tác động ngược trở lại hoạt động THQCT giúp cho hoạt động THQCT được chính xác, đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Nội dung này sẽ được phân tích cụ thể hơn trong Mục 2.2 của luận án.

2.1.4.1. Nội dung thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

- Nội dung thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Nội dung của hoạt động THQCT là việc sử dụng “tổng hợp” những quyền năng tố tụng nhằm bảo đảm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội. Như vậy, chúng ta có thể hiểu các hoạt

động của VKS nhằm phục vụ cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự (buộc tội) thì sẽ thuộc thực hành quyền công tố.

Hiện nay cũng có quan điểm cho rằng nội dung THQCT trong giai đoạn điều tra bao gồm cả hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các hoạt động bắt, tạm giữ..., quyết định truy tố bị can [93, tr.66]. Với cách hiểu như vậy thì hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra đã lấn sang một phần của giai đoạn khởi tố vụ án và giai đoạn truy tố. Tác giả cho rằng, khởi tố vụ án thuộc nội dung THQCT trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự chứ không thuộc về giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Còn quyết định truy tố bị can thuộc nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố.

Như vậy, nội dung THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là việc VKS sử dụng các quyền năng và tiến hành các hoạt động sau: Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật; khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do BLTTHS quy định; phê chuẩn, không phê chuẩn Lệnh bắt người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật; đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu CQĐT truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn Lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu

oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố; quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của BLTTHS.

- Nội dung kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Như đã phân tích khái niệm kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự, đó là hoạt động của VKSND để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết VAHS. Hoạt động này, nhằm bảo đảm phát hiện vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra, kiến nghị, yêu cầu khắc phục vi phạm bảo đảm việc điều tra phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật sẽ thuộc kiểm sát hoạt động tư pháp. Như vậy, nội dung kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bao gồm các hoạt động sau: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra và lập hồ sơ vụ án của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra; yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết; kiến nghị, yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra; yêu cầu Thủ trưởng CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thay đổi Điều tra viên, cán bộ điều tra; xử lý nghiêm minh ĐTV, cán bộ điều tra vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát điều tra vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS [80].

2.1.4.2. Nội dung thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

- Nội dung thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Để đảm bảo việc xét xử vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thực hiện một cách khách quan, đúng người, đúng tội đúng pháp luật, đồng thời xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội, khi THQCT trong giai đoạn xét xử vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, VKS sử dụng các quyền năng và tiến hành các hoạt động sau: Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; xét hỏi, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của TA trong trường hợp phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội theo quy định của BLTTHS.

- Nội dung kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Cũng tương tự như đã phân tích trong nội dung kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Nội dung KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bao gồm các hoạt động sau: kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TA; kiểm sát bản án, quyết định của TA; kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; kháng nghị bản án, quyết định của TA có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị và nhiệm vụ, quyền hạn khác trong KSXX vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS.

2.2. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.2.1. Quy định về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra

2.2.1.1. Quy định về thực hành quyền công tố trong điều tra

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như trên đã phân tích là hoạt động của VKSND trong tố tụng hình sự để thực hiện sự buộc tội của Nhà nước đối

với người phạm tội. Hoạt động này được quy định tại Điều 112 BLTTHS năm 2003 với những hoạt động sau đây:

Thứ nhất, khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

Viện kiểm sát không phải là cơ quan duy nhất có thẩm quyền khởi tố vụ án, không trực tiếp khởi tố đối với mọi vụ án, thẩm quyền khởi tố vụ án phần lớn thuộc về CQĐT. Viện kiểm sát chỉ trực tiếp tiến hành khởi tố vụ án trong ba trường hợp sau đây:

- Trong trường hợp VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trong trường hợp này, VKS trực tiếp khởi tố vụ án nhưng VKS không trực tiếp tiến hành điều tra vụ án mà chuyển lại cho cơ quan có thẩm quyền điều tra để điều tra như bình thường theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và phát hiện có dấu hiệu tội phạm.

- Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử.

Trường hợp VKS phát hiện ra có vi phạm hoặc việc khởi tố của CQĐT chưa chính xác hoặc bỏ lọt tội phạm thì VKS không trực tiếp khởi tố, thay đổi hay bổ sung các quyết định khởi tố sai phạm đó mà để đảm bảo cho sự phối hợp giữa CQĐT và Viện kiểm sát cũng như đảm bảo tính thống nhất trong hoạt động khởi tố, VKS trước tiên sẽ trao đổi và thực hiện việc yêu cầu CQĐT khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can (Điều 112 BLTTHS 2003).

Đối với hoạt động khởi tố, thay đổi, bổ sung Quyết định khởi tố bị can: Theo quy định tại khoản 5 Điều 126 BLTTHS thì trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát không có quyền khởi tố bị can trong bất kỳ trường hợp nào mà VKS chỉ có quyền yêu cầu CQĐT ra Quyết định khởi tố bị can chứ không được trực tiếp ra Quyết định khởi tố bị can, nếu CQĐT không thực hiện thì chỉ sau khi CQĐT kết thúc điều tra chuyển toàn bộ hồ sơ sang Viện kiểm sát thì VKS mới có quyền khởi tố bị can nếu nhận thấy có người đã thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm nhưng chưa bị khởi tố thì lúc này VKS mới có thẩm quyền khởi tố bị can [13, tr.24].

Ngoài quyền yêu cầu CQĐT khởi tố bị can thì VKS còn có quyền trực tiếp thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Như vậy, khác với quyền khởi tố bị can thì đối với Quyết định thay đổi, bổ sung Quyết định khởi tố bị can thì VKS có quyền trực tiếp thực hiện, không cần thông qua việc yêu cầu CQĐT. Căn cứ Khoản 1 Điều 127 Bộ luật TTHS 2003, nếu có căn cứ xác định hành vi của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố thì CQĐT, Viện kiểm sát sẽ phải ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can. Như vậy, trong trường hợp này nếu CQĐT tự mình phát hiện ra căn cứ để buộc phải thay đổi Quyết định khởi tố bị can thì CQĐT có thể trực tiếp khắc phục sai sót này. Nếu trong giai đoạn này VKS nhận thấy còn có hành vi khác mà bị can thực hiện trong vụ án đó nhưng lại chưa bị khởi tố thì VKS có quyền được trực tiếp ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can. Việc VKS ra Quyết định thay đổi hay bổ sung Quyết định khởi tố bị can không cần phải cơ quan nào phê chuẩn mà Quyết định này được gửi cho CQĐT trong thời hạn 24 giờ để CQĐT để thực hiện ngay.

Tuy nhiên, trên thực tế rất ít khi VKS trực tiếp tiến hành việc này. Viện kiểm sát chỉ trực tiếp ra Quyết định thay đổi hoặc bổ sung Quyết định khởi tố bị can khi VKS đã trao đổi, yêu cầu CQĐT thay đổi hoặc bổ sung Quyết định khởi tố bị can nhưng có thể do bất đồng quan điểm nên CQĐT không thực hiện thì VKS mới trực tiếp thực hiện hoạt động này [93, tr.30].

Thứ hai, đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra; khi xét thấy cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Đề ra yêu cầu điều tra là một hoạt động thực hành quyền công tố có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả của quá trình điều tra và từ đó tạo căn cứ vững chắc để thực hiện việc truy tố. Bên cạnh đó, việc đề ra yêu cầu điều tra cũng thể hiện sự sát sao của KSV trong quá trình điều tra vụ án giúp cho hoạt động điều tra đi đúng hướng, đầy đủ, kịp thời và hiệu quả, giúp rút ngắn thời gian điều tra nói riêng và thời gian giải quyết vụ án nói chung. Đây là hoạt động tố tụng do KSV tiến hành trên cơ sở các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, nhằm bảo đảm xác định sự thật khách quan của vụ án, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, bảo đảm việc điều tra vụ án tuân thủ các quy định của pháp luật. Yêu cầu điều tra có thể bằng lời nói hoặc bằng văn bản. Bản yêu cầu điều tra là một văn bản tố tụng do KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra ban hành, nêu

rõ những vấn đề cần phải điều tra để thu thập, củng cố chứng cứ, hoàn thiện các thủ tục tố tụng nhằm bảo đảm cho việc điều tra, truy tố được toàn diện, khách quan và triệt để theo đúng quy định của pháp luật [153]. Việc đề ra yêu cầu điều tra này chỉ mang tính chất định hướng của VKS đối với CQĐT. Chúng ta không thể hiểu việc này là Viện kiểm sát có quyền sự chỉ đạo hay chỉ huy đối với CQĐT, mà việc đề ra yêu cầu điều tra chỉ là một cách thể hiện mối quan hệ phối hợp - chế ước giữa VKS và Cơ quan điều tra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra. Quy định này nhằm để bảo đảm cho các hoạt động điều tra được tiến hành chính xác, khách quan, đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, và một trong những phương pháp để thực hiện được mục đích này đó là VKS mà trực tiếp là KSV có thể tự mình trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nếu xét thấy cần thiết. Đây là một quy định “Mở” để VKS để tiến hành thu thập kiểm tra các chứng cứ trong giai đoạn điều tra. Tuy nhiên, vì đây là một quy định mang tính tùy nghi nên đôi khi cũng làm cho việc áp dụng quy định này không được khả thi trong thực tế do nhiều trường hợp KSV ỷ lại vào CQĐT không chủ động tiến hành các hoạt động điều tra. Các hoạt động điều tra cụ thể mà VKS được tiến hành trong giai đoạn điều tra thường là: Hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người có liên quan, đối chất,...nhằm kiểm tra tính chân thực của các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trước khi ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền hoặc để phát hiện vi phạm của CQĐT trong quá trình điều tra vụ án hình sự.

Thứ ba, yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Khi phát hiện thấy ĐTV thuộc một trong những trường hợp bị thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng quy định tại khoản 1 Điều 44 của BLTTHS, Kiểm sát viên có quyền đề nghị Thủ trưởng CQĐT xem xét để thay đổi ĐTV hoặc đề nghị Viện trưởng VKS cấp mình xem xét để yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV. Trong thời hạn ba ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của KSV hoặc văn bản yêu cầu của Viện trưởng VKS cùng cấp, nếu xét thấy có căn cứ thì Thủ trưởng CQĐT phải ra quyết định thay đổi ĐTV; nếu thấy không có căn cứ thì Thủ trưởng CQĐT thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do để VKS cùng cấp biết. Trường hợp thay đổi Phó Thủ trưởng CQĐT thì Thủ trưởng CQĐT

quyết định phân công Phó Thủ trưởng khác hoặc Thủ trưởng CQĐT trực tiếp tiến hành tố tụng đối với vụ án, đồng thời thông báo việc phân công đó cho VKS cùng cấp.

Nếu Thủ trưởng CQĐT cấp huyện, Thủ trưởng CQĐT quân sự khu vực, Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu bị thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 44 của BLTTHS thì căn cứ khoản 2 của điều này, CQĐT đề nghị VKS cùng cấp ra quyết định chuyển vụ án đến CQĐT cấp trên trực tiếp tiến hành điều tra và VKS báo cáo bằng văn bản việc chuyển vụ án đó với Viện trưởng VKS cấp trên trực tiếp để chỉ đạo thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án; nếu Thủ trưởng CQĐT cấp Trung ương bị thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng thì lãnh đạo các bộ, ngành (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện trưởng VKSND tối cao, Viện trưởng VKS quân sự trung ương) quyết định đề một Phó Thủ trưởng CQĐT tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Thứ tư, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra.

- Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác. Quy định này không có nghĩa là VKS có quyền áp dụng mọi biện pháp ngăn chặn trong điều tra mà VKS chỉ có quyền áp dụng đối với một số biện pháp như biện pháp bắt bị can, bị cáo để tạm giam [80, Đ.80]. Hoạt động này thường được thực hiện song song với quyết định phê chuẩn khởi tố bị can của VKS và thông thường biện pháp này được CQĐT ra Lệnh và áp dụng thi hành. Tuy nhiên, trong một số trường hợp vì lý do nào đó mà CQĐT không thực hiện biện pháp này thì Viện trưởng hoặc Phó viện trưởng VKS có thẩm quyền ban hành Lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam. Có thể nói đây là biện pháp duy nhất đối với hoạt động bắt mà VKS là cơ quan có quyền trực tiếp ban hành Lệnh bắt còn các trường hợp khác thì vai trò của VKS thường chỉ là yêu cầu hoặc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn.

Tạm giam là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất và trường hợp này chỉ được áp dụng trong những trường hợp thật sự cần thiết và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện nhất định của BLTTHS. Trường hợp này có điểm tương tự như trường hợp trên, đó là nếu CQĐT là chủ thể ban hành Lệnh tạm giam thì Lệnh tạm giam này cần được VKS phê chuẩn thì mới

có hiệu lực. Tuy nhiên, điểm khác biệt trong trường hợp này là pháp luật quy định chính VKS cũng là chủ thể có thẩm quyền ban hành Lệnh tạm giam.

- Đối với thẩm quyền thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và các quyết định khác. Các quyền này của Viện kiểm sát được BLTTHS năm 2003 ghi nhận tại Khoản 4 Điều 112 theo đó, VKS có thẩm quyền “...thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của luật này.” và Khoản 2 Điều 94 thì “Đối với những biện pháp ngăn chặn do VKS phê chuẩn thì việc hủy bỏ hoặc thay thế phải do VKS quyết định”. Như vậy, có thể hiểu đối với các Lệnh, quyết định của CQĐT mà Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn hoặc áp dụng thì việc thay đổi hoặc hủy bỏ phải do VKS quyết định. Việc quyết định này có thể được thể hiện thông qua việc VKS trực tiếp ra Quyết định thay đổi, hủy bỏ hoặc VKS phê chuẩn hoặc không phê chuẩn đối với Quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ của CQĐT.

- Quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra. Trong trường hợp VKS nhận thấy các căn cứ của CQĐT để ban hành các Lệnh, Quyết định là đúng pháp luật và cần thiết thì VKS sẽ ra Quyết định phê chuẩn và đồng thời gửi lại CQĐT toàn bộ hồ sơ phê chuẩn và Quyết định phê chuẩn của VKS để Cơ quan điều tra thi hành.

Trong trường hợp VKS nhận thấy các căn cứ ban hành các lệnh, quyết định của CQĐT còn thiếu thì VKS không ra quyết định không phê chuẩn ngay mà VKS sẽ yêu cầu CQĐT tiến hành bổ sung các tài liệu, chứng cứ dùng để phê chuẩn. Tuy nhiên, trong trường hợp sau khi CQĐT đã bổ sung các tài liệu, chứng cứ nhưng vẫn không đáp ứng được đầy đủ các căn cứ hoặc hoàn toàn không có căn cứ để ban hành các lệnh, quyết định đó thì VKS mới ra quyết định không phê chuẩn các lệnh, quyết định của CQĐT.

Thứ năm, hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can.

Viện kiểm sát có quyền hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT. Quyết định không có căn cứ là các quyết định tố tụng mà không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các căn cứ được quy định theo pháp luật hình sự để ra quyết định đó; Quyết định trái quy định pháp luật là các quyết định sai về mặt hình thức ban hành, chủ thể ban hành, thẩm quyền nội dung hoặc không đúng về thời hạn [56, tr.29]. Tuy nhiên, không phải cứ quyết định nào của CQĐT có sai phạm là VKS sẽ hủy bỏ quyết

định đó ngay mà tùy vào từng mức độ sai phạm và khả năng khắc phục sai phạm đó mà VKS sẽ yêu cầu khắc phục hoặc hủy bỏ. Ngoài ra, VKS còn có quyền “*yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can*”. Trường hợp này xảy ra sau khi có quyết định khởi tố bị can thì bị can bỏ trốn và CQĐT không ra quyết định truy nã bị can thì Viện kiểm sát có quyền yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã bị can.

Thứ sáu, quyết định việc truy tố bị can; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Sau khi kết thúc điều tra, VKS có trách nhiệm quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước Toà án để xét xử. Sau khi nhận được Bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố của CQĐT, nếu có đủ căn cứ để truy tố thì VKS lập bản cáo trạng truy tố bị can ra trước Toà án. Viện kiểm sát là cơ quan tiến hành tố tụng duy nhất có thẩm quyền này. Trường hợp hồ sơ vụ án còn thiếu những chứng cứ quan trọng mà VKS không thể tự mình bổ sung được hoặc có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác hoặc có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, VKS ra quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung. Trường hợp bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác mà có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y hoặc nếu bị can bỏ trốn mà không biết rõ bị can đang ở đâu, VKS ra quyết định tạm đình chỉ vụ án.

Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y, hoặc trong trường hợp chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu hoặc trong trường hợp đã hết thời hạn điều tra. Nếu quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT không có căn cứ, VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT và yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra. Khi thấy lý do tạm đình chỉ điều tra không còn, VKS phải yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra. Khi phát hiện bị can trốn hoặc không xác định được bị can ở đâu, VKS có quyền yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã bị can.

Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 BLTTHS hoặc khi xác định rõ một trong các căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại Điều 107 BLTTHS hoặc khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 19, 25 và khoản 2 Điều 69 BLHS. Khi nhận được quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT, nếu thấy việc đình chỉ điều tra có căn cứ, VKS trả lại hồ sơ vụ án cho CQĐT để giải quyết theo thẩm quyền; nếu xét thấy lý do việc đình chỉ điều tra không có căn cứ, VKS ra quyết định

huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT, yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra hoặc VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT và ra quyết định truy tố nếu đủ căn cứ để truy tố theo quy định tại Điều 164 BLTTHS năm 2003.

Ngoài ra, khi có lý do để huỷ bỏ quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra, CQĐT có thẩm quyền ra quyết định phục hồi điều tra, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi nhận được quyết định phục hồi điều tra của CQĐT, nếu thấy lý do việc phục hồi điều tra không có căn cứ và không đúng quy định tại Điều 165 BLTTHS thì Viện kiểm sát ra quyết định huỷ bỏ quyết định phục hồi điều tra của Cơ quan điều tra.

Nếu việc điều tra bị đình chỉ do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc tội phạm đã được đặc xá (Điều 107 BLTTHS) mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra lại thì CQĐT hoặc VKS ra quyết định phục hồi điều tra.

2.2.1.2. Quy định của pháp luật về kiểm sát điều tra

Như đã phân tích trong mục 2.1 của Luận án, kiểm sát điều tra là hoạt động của VKSND để kiểm tra tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. Hoạt động kiểm sát điều tra được quy định tại Điều 113 BLTTHS năm 2003. Cụ thể là:

Thứ nhất, kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra.

Sau khi vụ án được khởi tố, CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm phải gửi quyết định khởi tố vụ án đến VKS cùng cấp để tiến hành kiểm sát việc khởi tố. Đây là một trong những hoạt động tố tụng của VKS khi thực hiện chức năng kiểm sát đối với CQĐT nhằm đảm bảo việc khởi tố vụ án cố ý gây thương tích được kịp thời, có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy, VKS phải nắm bắt kịp thời việc ban hành các quyết định khởi tố để kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp và khắc phục những sai sót nếu có. Tại khoản 1 Điều 109 BLTTHS quy định “*Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố vụ án hình sự, đảm bảo mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và hợp pháp*”. Căn cứ để khởi tố vụ án hình sự là khi đã xác định sự kiện có dấu hiệu tội phạm, dựa trên các căn cứ quy định tại Điều 100 BLTTHS năm 2003.

- Kiểm sát việc khởi tố bị can trong vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác.

Quyết định khởi tố bị can trong vụ án hình sự nói chung, vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng chỉ được ban hành trên cơ sở quyết định khởi tố vụ án, là căn cứ để cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp điều tra nhằm làm rõ tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị can gây ra. Hoạt động kiểm sát việc khởi tố bị can không chỉ là quyền, mà còn là nhiệm vụ của VKS nhằm đảm bảo CQĐT khởi tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo hoạt động điều tra các vụ án này kịp thời, chuẩn bị tốt cho giai đoạn truy tố, xét xử sau này.

Theo quy định tại Điều 126 BLTTHS thì khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì CQĐT ra quyết định khởi tố bị can. Việc quy định trên thể hiện căn cứ ra quyết định khởi tố bị can chặt chẽ hơn căn cứ ra quyết định khởi tố vụ án. Nếu quyết định khởi tố bị can không chính xác, không đúng luật sẽ gây khó khăn cho quá trình điều tra, xác minh sự thật của vụ án, xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây tác hại xấu về mặt chính trị - xã hội và giảm sút lòng tin của người dân đối với các cơ quan tố tụng và với Nhà nước. Xác định được tính chất quan trọng của việc ra quyết định khởi tố bị can, nên tại khoản 4 Điều 126 BLTTHS đã quy định là VKS có trách nhiệm phải phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT.

Hoạt động kiểm sát việc khởi tố bị can của Viện kiểm sát thể hiện ở chỗ: Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, CQĐT phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho VKS cùng cấp để xem xét phê chuẩn việc khởi tố. Trong thời hạn ba ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và gửi ngay cho CQĐT. Việc quy định này sẽ đảm bảo cho VKS tiến hành kiểm sát điều tra được ngay từ giai đoạn đầu, hạn chế thấp nhất việc khởi tố oan sai, đảm bảo việc khởi tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thứ hai, kiểm sát các hoạt động điều tra khác của Cơ quan điều tra.

Một là, kiểm sát việc trưng cầu giám định trong hoạt động điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác. Giám định là vấn đề quan trọng đối với việc phát hiện và xử lý vụ án hình sự nói chung, các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Kết quả giám định là một trong

những tài liệu, chứng cứ quan trọng để xác định những tình tiết cần phải chứng minh trong vụ án hình sự. Vì vậy, KSV được phân công thụ lý các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải nắm vững tinh thần và nội dung của BLTTHS năm 2003 và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác giám định tư pháp để áp dụng thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phải chủ động phát hiện các vấn đề cần phải giám định để yêu cầu CQĐT tiến hành trưng cầu giám định cho phù hợp. Việc trưng cầu giám định và giám định lại phải thực hiện theo quy định tại các Điều 155, Điều 159 BLTTHS. Đối với quyết định trưng cầu giám định của CQĐT và kết luận giám định, Kiểm sát viên phải kiểm sát những vấn đề sau: Nội dung yêu cầu giám định phải cụ thể, sát với sự việc và những vấn đề cần giải đáp; Kết luận của Giám định viên giải đáp các nội dung của quyết định trưng cầu giám định.

Nếu thấy có nghi ngờ về tính khách quan, tính khoa học của bản kết luận giám định, hoặc thấy kết luận của Giám định viên không phù hợp với các chứng cứ khác do CQĐT thu thập, thì KSV phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền để yêu cầu CQĐT hoặc trực tiếp yêu cầu Giám định viên giải đáp thêm, quyết định trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại. Yêu cầu Giám định viên đã giám định lần trước không được giám định lại và phải giao nộp đầy đủ tài liệu có liên quan cho người giám định lại.

Hai là, kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can. Hoạt động hỏi cung bị can là biện pháp tố tụng mà CQĐT áp dụng công khai, trực tiếp với bị can nhằm phát hiện, thu thập và củng cố chứng cứ, làm rõ toàn bộ sự thật về hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác của bị can hoặc đồng phạm (nếu có) đã bị khởi tố, cũng như những tình tiết khác có liên quan để phục vụ cho công tác điều tra, xử lý đối với vụ án.

Để hoạt động hỏi cung bị can đáp ứng yêu cầu khách quan, toàn diện và đúng pháp luật thì VKS phải giám sát hoạt động hỏi cung của CQĐT. Căn cứ pháp luật để VKS thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc hỏi cung bị can đó là Điều 113, Điều 131 BLTTHS, Điều 15 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 16 Quy chế THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự.

Bộ luật Tố tụng hình sự cho phép nhưng không bắt buộc KSV trực tiếp tham gia vào việc hỏi cung bị can. Thông thường hoạt động này được thực hiện gián tiếp qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nếu thấy chứng cứ chưa rõ ràng, lời khai giữa bị can, nhân chứng và người bị hại

có mâu thuẫn hoặc phát hiện việc hỏi cung của CQĐT có vi phạm, không khách quan như: Mớm cung, bức cung, dụ cung, dùng nhục hình hoặc khi bị can phản cung thì KSV thụ lý vụ án phải trực tiếp tham gia hỏi cung bị can. Để cho việc hỏi cung đạt yêu cầu, mục đích đặt ra, đòi hỏi KSV phải nắm vững hồ sơ vụ án, các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, xác định rõ nội dung cần làm sáng tỏ và phải dự liệu được diễn biến của cuộc hỏi cung để có phương pháp, chiến thuật hỏi cung phù hợp. Qua đó, Kiểm sát viên phát hiện các vi phạm pháp luật để khắc phục kịp thời hoặc tìm những điểm còn mâu thuẫn, vấn đề cần chứng minh trong vụ án. Như vậy, kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can phải bảo đảm ba yếu tố, đó là yếu tố khách quan, yếu tố trung thực và đúng pháp luật.

Ba là, kiểm sát hoạt động lấy lời khai người làm chứng. Lấy lời khai người làm chứng là một biện pháp điều tra được tiến hành nhằm thu thập, mô tả và ghi chép theo trình tự TTHS những thông tin do người làm chứng cung cấp về những tình tiết của vụ án đang được điều tra và những tin tức, tài liệu khác mà người làm chứng biết có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra và phòng ngừa tội phạm. Việc lấy lời khai người làm chứng phải đảm bảo chính xác, khách quan, theo đúng quy định tại các Điều 55, Điều 133, Điều 135, Điều 136 BLTTHS. Trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác thì thường xảy ra vào ban ngày, có nhiều người có mặt tại hiện trường chứng kiến, có mối quan hệ thân thuộc, nhiều người là họ hàng. Đó là những người gần gũi với bị can trong công việc và ít nhiều bị ràng buộc mối quan hệ hoặc quyền lợi vật chất từ hành vi phạm tội của bị can. Có trường hợp vừa là bị can và cũng là nhân chứng về hành vi phạm tội của bị can khác trong vụ án. Do vậy, khi tiến hành kiểm sát hoạt động lấy lời khai của họ phải luôn chú ý đến độ tin cậy khi họ trình bày về một vấn đề nào đó có liên quan đến chính họ. Trong nhiều trường hợp, nhân chứng trong vụ án là bị can và bản thân họ lưỡng lự trước được điều đó nên trong quá trình làm việc, họ tìm cách đưa ra những tình tiết, chứng cứ có lợi nhằm loại trừ trách nhiệm hình sự của họ trong vụ án. Ngoài ra, có một số trường hợp người biết việc không muốn làm chứng họ sợ mất thời gian, sợ bị trả thù nên họ thường do dự, chần chừ, lẩn tránh khai báo. Do đó, khi đánh giá lời khai, tài liệu của người làm chứng cung cấp, phải khai thác triệt để mối quan hệ của họ với bị can, các yếu tố ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của chúng. CQĐT có nghĩa vụ thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 55 BLTTHS 2003 để người làm

chúng có thể yên tâm công tác với cơ quan bảo vệ pháp luật. Viện kiểm sát có thể trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm sát hoạt động này để bảo đảm việc lấy lời khai người làm chứng theo đúng luật định, có căn cứ và hợp pháp, để lời khai của người làm chứng trở thành chứng cứ chứng minh trong vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Bốn là, kiểm sát hoạt động khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản của Cơ quan điều tra. Trong các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì việc kê biên tài sản ít thực hiện, chủ yếu là thực hiện việc khám xét, thu giữ, tạm giữ là hung khí sử dụng gây án hoặc thu giữ quần áo đối tượng mặc có dấu vết của tội phạm; nhưng số lượng vụ án ra lệnh khám xét đối với loại án này không nhiều vì các vụ án xảy ra đa số không phải là nơi ở của đối tượng gây án và sau khi gây án đối tượng thường rút hung khí hoặc vật mang dấu vết tội phạm tại hiện trường vụ án hoặc trên đường tẩu thoát.

Do vậy, KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc khám xét của CQĐT đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp. Khi thực hiện kiểm sát việc khám xét, Kiểm sát viên phải yêu cầu CQĐT chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 140 đến Điều 148 BLTTHS và hướng dẫn của VKSND tối cao, Bộ công an, Bộ tư pháp và Bộ tài chính về bảo quản, giao nhận vật chứng và tài sản tạm giữ. Đối với những trường hợp CQĐT đề nghị phê chuẩn lệnh khám người, chỗ ở, nơi làm việc,... Kiểm sát viên phải khẩn trương nghiên cứu, xem xét thận trọng yêu cầu của CQĐT và kịp thời báo cáo, đề xuất với lãnh đạo có thẩm quyền quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Chỉ khi có căn cứ theo quy định của pháp luật thì mới quyết định phê chuẩn áp dụng biện pháp khám xét và phải bảo đảm hoạt động khám xét phải tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, không được lợi dụng khám xét mà xâm phạm một cách trái pháp luật các quyền, lợi ích đó.

Kiểm sát viên yêu cầu CQĐT sau khi khám xét xong phải thông báo bằng văn bản cho VKS cùng cấp. Kiểm sát viên phải nghiên cứu các lệnh, các biên bản khám xét của CQĐT để kịp thời phát hiện và yêu cầu sửa chữa các vi phạm pháp luật. Phải yêu cầu theo dõi và kiểm tra việc bảo quản tài sản vật chứng, giải quyết xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến vật chứng, tài sản...

Năm là, kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án. Hồ sơ điều tra vụ án hình sự là toàn bộ những tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra vụ án theo quy định của

BLTTHS nhằm chứng minh hành vi xảy ra là tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có liên quan đến vụ án. Hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án hình sự cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là việc KSV thực hiện các thao tác nghiệp vụ để kiểm tra, giám sát các hoạt động điều tra của CQĐT và các cơ quan được giao thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm đảm bảo mọi hoạt động của các cơ quan này được tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Thông qua hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án cố ý gây thương tích, KSV kiểm tra và nắm chắc được các tài liệu, chứng cứ do ĐTV thu thập trong từng giai đoạn điều tra từ đó đề ra yêu cầu điều tra, định hướng điều tra, nhằm kịp thời bổ sung chứng cứ và hoàn thiện các thủ tục tố tụng của vụ án; phát hiện những vi phạm của ĐTV khi tiến hành tố tụng để kiến nghị khắc phục. Kết quả hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án là căn cứ để VKSND thực hiện “Quyền công tố nhà nước”, quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng của CQĐT; áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn,... trong quá trình điều tra vụ án.

Hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được tiến hành từ khi khởi tố vụ án, CQĐT tiến hành xác minh các tố giác, tin báo tội phạm đến khi CQĐT kết thúc điều tra đề nghị truy tố hoặc tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án. Viện kiểm sát và CQĐT phải phối hợp chặt chẽ ngay từ khi tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra vụ án. ĐTV phải chủ động gửi đầy đủ, kịp thời các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được cho KSV thụ lý vụ án và thực hiện đầy đủ, kịp thời các yêu cầu điều tra của VKS. Kiểm sát viên phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc tiến độ điều tra vụ án, nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ do ĐTV đã thu thập, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, chủ động phối hợp với ĐTV để điều tra làm rõ những vấn đề cần chứng minh ngay trong giai đoạn điều tra vụ án; đồng thời kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT, bảo đảm việc điều tra khách quan, toàn diện, đúng pháp luật [123].

Thứ ba, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng

Trong tố tụng hình sự, ngoài sự có mặt của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thì sự có mặt của người tham gia tố tụng là yếu tố quyết định, không thể thiếu. Người tham gia tố tụng tham gia vào quá trình này với nhiều mục đích khác nhau,

nhằm đạt được những lợi ích khác nhau. Nhằm đảm bảo cho các hoạt động tố tụng được vận hành bình thường, đạt hiệu quả cao, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, VKS tham gia kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng khi họ tham gia vào quá trình tố tụng.

Những người tham gia tố tụng trong giai đoạn điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác bao gồm: Bị can, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người bào chữa, người giám định, người phiên dịch, Khi tham gia tố tụng, hoạt động của những người này phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật thì vụ án mới đảm bảo khách quan. Trong quá trình điều tra, KSV chủ động yêu cầu ĐTV giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can và những người tham gia tố tụng khác theo quy định tại Điều 62 BLTTHS. Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác thường gặp các trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa theo quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS. Kiểm sát viên căn cứ Điều 60, 61 BLTTHS để kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người phiên dịch, người giám định và phải thực hiện việc đăng ký bào chữa cho Luật sư và ra quyết định thu hồi nếu họ có vi phạm.

Ngoài những hoạt động trên, khi kiểm sát điều tra, VKS còn tiến hành giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra; yêu cầu CQĐT khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu CQĐT cung cấp tài liệu cần thiết về vi phạm pháp luật của ĐTV; yêu cầu Thủ trưởng CQĐT xử lý nghiêm minh ĐTV đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra; kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

2.2.2. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.2.2.1. Về hoạt động của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Khác với hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, BLTTHS năm 2003 không có điều luật nào quy định riêng về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2003 cũng có quy định về vấn đề này thể hiện trong một số điều luật có liên quan.

Thứ nhất, quy định về hoạt động thực hành quyền công tố trong chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

- Về rút quyết định truy tố.

Rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa là một biện pháp cần thiết để bảo đảm cho việc truy tố bị can ra trước Tòa án của VKS không bị oan, sai; đồng thời đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội theo nội dung tinh thần của Nghị quyết số 96/NQ-QH ngày 26/06/2015 của Quốc hội khóa XIII về *Tăng cường các biện pháp phòng chống oan sai và bảo đảm bồi thường cho người bị hại trong hoạt động TTHS* và Chỉ thị 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng VKSND tối cao về *Tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động TTHS*. Ngoài ra, việc quy định VKS có quyền rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa còn giúp khắc phục những thiếu sót mà VKS chưa phát hiện ra trong giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tránh việc Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội.

- Về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Hiện có quan điểm vấn đề giải quyết việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án không thuộc phạm vi của giai đoạn chuẩn bị xét xử, khi Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì phải xóa sổ thụ lý và việc trả hồ sơ của Tòa án phải theo quy định của Nghị quyết số 04-NQ/HĐTP ngày 05/11/2004. Kết quả điều tra bổ sung đa số làm thay đổi bản cáo trạng và quyết định truy tố hoặc đình chỉ vụ án. Khi hồ sơ vụ án đến cơ quan nào thì cơ quan đó thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình để giải quyết vụ án và có quyền quyết định việc áp dụng, hủy bỏ, thay đổi biện pháp ngăn chặn. Do đó, vấn đề điều tra bổ sung không thuộc phạm vi của giai đoạn xét xử sơ thẩm [62, tr.29].

Tuy nhiên, tác giả cho rằng, việc quy định Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho VKS là biện pháp cần thiết để khắc phục những thiếu sót về trình tự, thủ tục tố tụng cũng như những chứng cứ quan trọng trong việc chứng minh tội phạm, bảo đảm việc truy tố, xét xử đúng người đúng tội. Do đó, việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung không nằm ngoài phạm vi THQCT của Viện kiểm sát, nên VKS vẫn có quyền xem xét lại nội dung, tính đúng đắn của quyết định trả hồ sơ bổ sung của Tòa án, nếu thấy không hợp lý, VKS có quyền trả lại hồ sơ cho Tòa án và giữ nguyên quan điểm truy tố [62, tr.30].

Thứ hai, về hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, VKS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thông qua hoạt động của Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa, thể hiện trong việc buộc tội thông qua bản cáo trạng của VKS truy tố bị cáo trước pháp luật, tham gia vào phần xét hỏi cùng hội đồng xét xử, luận tội và tranh luận tại phiên tòa.

+ *Trình bày bản cáo trạng*: Bản cáo trạng là văn bản áp dụng pháp luật, trong đó VKS quyết định truy tố một (hoặc nhiều) bị can, về một (hoặc nhiều) hành vi phạm tội mà có căn cứ cho rằng bị can (hoặc các bị can) đó đã thực hiện ra trước Tòa án để xét xử [97, tr.341]. Bản cáo trạng là căn cứ đầu tiên để xác định phạm vi và cơ sở cho Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, là văn bản pháp lý thể hiện kết quả của quá trình điều tra bao gồm toàn bộ các chứng cứ buộc tội đối với người phạm tội, quan điểm đánh giá chứng cứ, quan điểm xác định tội danh và quan điểm giải quyết vụ án của VKS.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, KSV đại diện cho Viện kiểm sát THQCT công bố bản cáo trạng truy tố bị cáo ra trước Tòa án và trình bày ý kiến bổ sung để Tòa án tiến hành xét xử bị cáo về hành vi phạm tội theo tội danh mà VKS đã truy tố.

+ *Tham gia xét hỏi*: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, theo quy định tại Điều 207, 209, 210, 211, 215 BLTTHS năm 2003, Kiểm sát viên có quyền xét hỏi đối với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác như người bị hại, người làm chứng, nguyên đơn hoặc bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Việc xét hỏi của KSV là nội dung hoạt động THQCT tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nhằm làm rõ các tình tiết vụ án mà Hội đồng xét xử chưa hỏi để bảo vệ quyết định truy tố của VKS, đảm bảo việc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Ngoài ra, KSV có thể xét hỏi thêm những tình tiết, nội dung khác mà trước đó tại giai đoạn điều tra chưa được làm rõ để củng cố, hoàn thiện căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Theo quy định tại Điều 207 BLTTHS năm 2003 về trình tự xét hỏi thì KSV tham gia xét hỏi sau khi Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm đã hỏi xong; KSV được quyền hỏi những người đã được Hội đồng xét xử hỏi trước đó, sau khi được phép của Chủ tọa phiên tòa. Đồng thời, tại phiên tòa, KSV theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của Hội đồng xét xử, của người bào chữa và ý kiến trả lời của người được xét hỏi để chủ động tham gia xét hỏi nhằm làm sáng tỏ hành vi của bị cáo, xác định sự thật khách quan của vụ án.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, hoạt động THQCT của VKS là rút quyết định truy tố hoặc luận tội để buộc tội và gỡ tội. Theo quy định tại Điều 195 BLTTHS thì tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, KSV có thể rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố hay toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn. Qua xét hỏi, nếu thấy việc truy tố không chính xác, việc kết tội bị cáo không có căn cứ thì KSV rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên vô tội. Nếu thấy bị cáo có thêm hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội nặng hơn, có thêm đồng phạm thì KSV không có quyền kết luận và đề nghị HĐXX ra bản án theo hướng không có lợi cho bị cáo mà đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa, trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Sau phiên tòa KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo Viện. Trường hợp tình tiết mới xảy ra tại phiên tòa có đủ căn cứ để kết luận về một tội danh khác nặng hơn thì Kiểm sát viên đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa và báo cáo lãnh đạo Viện quyết định.

Đối với vụ án do VKS cấp trên ủy quyền cho VKS cấp dưới THQCT, nếu tại phiên tòa xét xử có những tình tiết mới khác với nội dung truy tố của VKS cấp trên thì KSV đề nghị hoãn phiên tòa và báo cáo lãnh đạo Viện cấp mình để báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên xem xét, quyết định. Trường hợp HĐXX vẫn tiếp tục xét xử thì KSV phải tham gia phiên tòa và phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án. Sau phiên tòa phải báo cáo ngay với lãnh đạo Viện cấp mình để báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên xem xét, quyết định. [117, Đ.13].

+ *Luận tội*: Theo quy định tại Điều 217 BLTTHS năm 2003 thì sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, KSV trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn, nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bị cáo không phạm tội.

Luận tội của KSV phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở ý kiến tranh luận của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và của những người tham gia tố tụng khác. Khác với bản cáo trạng, KSV phải công bố nguyên văn tại phiên tòa, đối với bản luận tội KSV phải phát biểu quan điểm bảo vệ cáo trạng, bảo vệ quyết định đã truy tố của VKS. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án trong giai đoạn điều tra và trên thực tế xét hỏi công khai, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa, KSV đưa ra những phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, những căn cứ để kết tội bị cáo, phân tích

đánh giá các tình tiết định khung, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, từ đó đưa ra quan điểm về đường lối xử lý đối với vụ án và vấn đề bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ cấp dưỡng..., về xử lý vật chứng.

Luận tội của KSV thể hiện đầy đủ bản chất hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá và kiểm chứng lại toàn bộ quá trình điều tra, truy tố đồng thời thể hiện quyền hạn của VKS khi THQCT tại phiên tòa. KSV trình bày luận tội để buộc tội bị cáo nhằm để thực hiện quyền công tố của VKS. Lời luận tội của KSV tại phiên tòa là một văn bản nghiệp vụ có ý nghĩa trong việc xem xét, quyết định hình phạt của HĐXX, là cơ sở để các bên tiến hành việc tranh luận.

Khác với bản Cáo trạng, bản Luận tội của KSV tại phiên tòa sơ hình sự thẩm không phải là văn bản pháp lý do nhà nước quy định mà là văn bản nghiệp vụ, nội dung là lời trình bày quan điểm của KSV đại diện Viện kiểm sát THQCT tại phiên tòa, nhưng lại có giá trị pháp lý rất cao. Hiện nay, chưa có khái niệm chính thức định nghĩa thế nào là Luận tội. Theo Từ điển tiếng Việt thì Luận tội được hiểu là: "phân tích, cân nhắc để xét tội [134, tr.590].

Việc luận tội của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm thể hiện quyền THQCT tại phiên tòa của VKS. Tuy không được quy định là văn bản pháp lý nhưng không phải vì thế mà có thể áp dụng Luận tội một cách tùy nghi. Điều 217 BLTTHS năm 2003 và Quy chế THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của ngành Kiểm sát quy định chặt chẽ trình tự, quy cách, bố cục Luận tội của KSV. Nếu như Cáo trạng là kết quả của quá trình điều tra thì Luận tội là kết quả của quá trình xét hỏi công khai tại tòa. Cũng như Cáo trạng, Luận tội là kết quả của quá trình nghiên cứu chuyên sâu, thể hiện năng lực, trình độ và kinh nghiệm nghề nghiệp của kiểm sát viên [54, tr.29].

+ *Tranh luận tại phiên tòa*: Theo Từ điển tiếng Việt: Tranh luận là bàn cãi để tìm ra lẽ phải, còn tranh tụng là kiện tụng lẫn nhau [134, tr.765]. Theo nghĩa Hán Việt thì tranh tụng được hiểu bao gồm hai nghĩa là “*Tranh luận và tố tụng*”. Trong tố tụng nói chung và tố tụng hình sự nói riêng bao giờ cũng có ít nhất hai bên có những quyền và lợi ích trái ngược nhau yêu cầu Tòa án phân xử. Do đó, các bên phải đưa ra những chứng cứ, phân tích, đánh giá, tranh cãi với nhau để bảo vệ quan điểm của mình. Tòa án với tư cách là cơ quan xét xử - cơ quan tài phán sẽ tiến hành xem xét, đánh giá và quyết định. Tranh luận của KSV tại phiên tòa là một phần trong việc thực hiện tranh tụng của VKS.

Chủ thể tham gia tranh luận gồm: KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,... Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giữ vai trò là người điều khiển tranh luận, KSV là chủ thể có trách nhiệm đối đáp với các ý kiến tranh luận của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có ý kiến phản hồi. Vai trò của Thẩm phán rất quan trọng, quyết định đến chất lượng của quá trình tranh luận. Chất lượng tranh luận có đạt được hiệu quả dân chủ, công khai, toàn diện hay không thì ngoài việc phụ thuộc vào sự điều khiển của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, còn phụ thuộc trực tiếp vào hoạt động đối đáp giữa KSV và những người tham gia tố tụng khác. Việc tranh luận của KSV không bị giới hạn về thời gian và nội dung tranh luận. Tuy nhiên, để tránh tình trạng tranh luận tràn lan, dàn trải cùng một vấn đề hoặc những vấn đề không liên quan đến vụ án, BLTTHS năm 2003 quy định: "Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án [50, tr.35].

Tranh luận là một thủ tục rất quan trọng đòi hỏi KSV phải nắm được toàn bộ nội dung vụ án, những tình tiết có liên quan. Đồng thời, KSV phải có khả năng lập luận, diễn đạt tốt, có sự nhạy bén, linh hoạt trong việc xử lý tình huống phát sinh. Mô hình TTHS nước ta thuộc mô hình tố tụng xét hỏi có kết hợp một số yếu tố của tố tụng tranh tụng, nên tranh tụng không được coi là nguyên tắc của TTHS, Tòa án không giữ vai trò trọng tài thụ động mà có trách nhiệm xét hỏi để làm sáng tỏ tình tiết của vụ án. Nhưng không vì thế mà KSV đánh mất sự chủ động của mình, phó thác hoạt động xét hỏi cho Thẩm phán, mà KSV phải có ý thức chủ động trong việc tranh luận và xét hỏi, bởi lẽ:

Thứ nhất, trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”. Nghị quyết khẳng định: Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của KSV, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định [3].

Thứ hai, thể chế hoá quan điểm này của Đảng ta, BLTTHS năm 2003 đã bổ sung một số quy định trong phần xét hỏi cũng như tranh luận tại phiên tòa theo hướng nâng cao hơn trách nhiệm của Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa, theo đó KSV có trách nhiệm xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ cáo trạng [48, tr.79].

Ngoài những quy định trên, BLTTHS năm 2003 còn quy định hoạt động của VKS khi thực hành quyền công tố sau khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đó là kháng nghị phúc thẩm.

2.2.2.2. Quy định về hoạt động kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, quy định về kiểm sát việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Khi tiến hành hoạt động này, KSV phải kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án về thẩm quyền xét xử; về việc chuyển vụ án; về thời hạn chuẩn bị xét xử; về việc ra các quyết định: Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án và việc giao các quyết định này theo Điều 182 BLTTHS [117]. Như vậy, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHS, Viện kiểm sát thực hiện các hoạt động sau:

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án.

Từ khi khởi tố vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra, VKS đã xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án để làm căn cứ xác định thẩm quyền của Cơ quan điều tra, VKS cùng cấp. Đối với những vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án cùng cấp thì VKS có trách nhiệm chuyển vụ án cho CQĐT có thẩm quyền để điều tra. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp căn cứ chuyển vụ án được phát hiện hoặc phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nên căn cứ Điều 174 BLTTHS năm 2003, nếu vụ án không thuộc thẩm quyền của cấp mình, Tòa án phải tiến hành ra quyết định chuyển vụ án đến Tòa án có thẩm quyền để xét xử. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm là quyền mà pháp luật quy định cho phép Tòa án được xét xử sơ thẩm vụ án hình sự căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đối tượng phạm tội; nơi thực hiện tội phạm hoặc nơi khác theo quy định của pháp luật [97, tr.348]. Như vậy, khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thẩm quyền xét xử sơ thẩm VAHS của Tòa án, KSV cần kiểm sát chặt chẽ thẩm quyền xét xử của Tòa án theo sự việc, theo đối tượng và theo lãnh thổ.

- *Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án về thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.*

Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là khoảng thời gian theo quy định của pháp luật để Tòa án thực hiện các hoạt động tố tụng và các công việc cần thiết khác đảm bảo cho việc xét xử vụ án tại phiên tòa sơ thẩm đạt chất lượng và hiệu quả cao. [113, tr.378].

Theo quy định tại Điều 176 BLTTHS năm 2003 quy định: Trong thời hạn 30 ngày đối với tội ít nghiêm trọng, 45 ngày đối với tội nghiêm trọng, 60 ngày đối với tội rất nghiêm trọng và 90 ngày đối với tội đặc biệt nghiêm trọng thì Thẩm phán phải ra một trong các quyết định gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung; Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Đối với những vụ án phức tạp thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 15 ngày đối với tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng, 30 ngày đối với tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Kể từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án trong thời hạn 15 ngày, nếu có lý do chính đáng thì Tòa án có thể kéo dài thời hạn này nhưng không quá 30 ngày.

Nếu phát hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử thì KSV cần báo cáo, đề xuất ngay với lãnh đạo Viện. Sau khi nghiên cứu báo cáo, đề xuất của KSV, lãnh đạo Viện xem xét nếu có căn cứ thì ban hành kiến nghị, yêu cầu Tòa án cùng cấp khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- *Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án về việc ra các quyết định tố tụng và việc giao các quyết định này.*

+ Kiểm sát việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Theo quy định tại Điều 177 BLTTHS năm 2003 thì sau khi nhận hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, trừ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam thì phải do Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án quyết định. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 176 BLTTHS năm 2003. Đối với trường hợp đến ngày mở phiên tòa mà lệnh tạm giam đã hết và xét thấy cần thiết phải tiếp tục tạm giam bị cáo để hoàn thành việc xét xử, thì Tòa án ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.

Trong trường hợp này, KSV phải kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp và thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn, kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc huỷ bỏ, thay đổi biện pháp ngăn chặn của Toà án. Đặc biệt, đối với trường hợp Toà án ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên toà, bởi việc này có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bị can, bị cáo. Qua đó, kịp thời phát hiện các trường hợp Toà án áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn không có căn cứ pháp luật, hoặc để quá thời hạn tạm giam, hoặc các vi phạm khác để báo cáo lãnh Viện kịp thời kiến nghị, yêu cầu Toà án khắc phục vi phạm.

+ Kiểm sát quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 178 BLTTHS năm 2003. Quá trình kiểm sát nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử của Toà án, nếu KSV phát hiện một trong số các nội dung bị thiếu hoặc không đúng (ví dụ: không đúng tên của KSV, không đúng tội danh mà VKS áp dụng,...) hoặc thành phần những người tiến hành tố tụng vi phạm quy định của pháp luật thì báo cáo ngay với lãnh đạo Viện về các vi phạm đó. Lãnh đạo Viện căn cứ báo cáo, đề xuất của KSV, nếu thấy có căn cứ thì quyết định việc kiến nghị, yêu cầu Toà án khắc phục vi phạm.

+ Kiểm sát quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Khi nhận được hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án cấp sơ thẩm, KSV phải tiến hành kiểm sát ngay nội dung của quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm xác định tính hợp pháp của quyết định này.

+ Kiểm sát việc tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Sau khi nhận được quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án do Toà án cấp sơ thẩm chuyển đến, KSV phải xác định tính có căn cứ và tính hợp pháp của các quyết định này.

Đối với quyết định tạm đình chỉ vụ án, KSV phải kiểm sát: Thẩm quyền ra quyết định phải thuộc về Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên toà; căn cứ để tạm đình chỉ vụ án phải đúng quy định tại khoản 1 Điều 160 BLTTHS năm 2003; sau khi tạm đình chỉ vụ án, Toà án phải yêu cầu CQĐT truy nã bị cáo trong trường hợp không rõ bị cáo đang ở đâu hoặc ra quyết định bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác.

Đối với quyết định đình chỉ vụ án, KSV phải kiểm sát: Thẩm quyền ra quyết định phải thuộc về Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên toà; căn cứ để đình chỉ vụ án

khi thuộc một trong các căn cứ sau: Người có yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; tội phạm đã được đại xá; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác (khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 107 BLTTHS năm 2003) hoặc khi VKS rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa. Nội dung của quyết định đình chỉ vụ án phải ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 164 BLTTHS năm 2003.

Ngoài ra, KSV còn phải kiểm sát việc giao các quyết định nêu trên của Tòa án cho những chủ thể có liên quan. Điều 182 của BLTTHS năm 2003 quy định thời hạn đối với từng loại tội mà trong khoảng thời gian đó, Tòa án phải gửi các quyết định cho VKS và những người có liên quan theo quy định của pháp luật, bao gồm: quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định đình chỉ; tạm đình chỉ vụ án; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử đóng vai trò rất quan trọng trong việc chuẩn bị những điều kiện cần thiết để mở phiên tòa. Bởi vậy, việc thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi kiểm sát giai đoạn chuẩn bị xét xử sẽ tạo tiền đề để việc giải quyết vụ án tại phiên tòa diễn ra thuận lợi, đúng quy định của pháp luật [27, tr.36].

Thứ hai, quy định về kiểm sát tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- *Kiểm sát việc tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa.* Tại phiên tòa, KSV phải kiểm sát chặt chẽ thủ tục bắt đầu phiên tòa để nắm chắc Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử có đúng với nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi đến VKS hay không, Thư ký Tòa án báo cáo danh sách có mặt của những người được triệu tập đến phiên tòa có phù hợp với quyết định đưa vụ án ra xét xử và thực tế tại phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 201 BLTTHS năm 2003 hay không, việc phổ biến nội quy phiên tòa có đúng quy định tại Điều 197 BLTTHS năm 2003 không. Trên cơ sở đó, KSV xem xét nếu thành phần HĐXX không đúng quy định tại Điều 185, Điều 307 BLTTHS năm 2003 hoặc sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng thuộc vào các trường hợp HĐXX phải hoãn phiên tòa theo Điều 187, 190, 191, 192, 193 BLTTHS năm 2003 thì KSV phải đề nghị HĐXX thay đổi thành viên HĐXX hoặc

đề nghị hoãn phiên tòa. Trong trường hợp bị cáo, người làm chứng cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ sẽ gây trở ngại cho việc xét xử thì KSV đề nghị HĐXX áp dụng biện pháp áp giải bị cáo (Điều 130 BLTTHS) hoặc dẫn giải người làm chứng đến phiên tòa để bảo đảm việc xét xử. [27, tr.37]

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, KSV đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 187; khoản 2 Điều 57, Điều 190 và khoản 1 Điều 191, Điều 192 BLTTHS năm 2003.

- *Kiểm sát việc tiến hành xét hỏi tại phiên tòa.* Kiểm sát thủ tục xét hỏi tại phiên tòa nhằm đảm bảo cho việc tiến hành xét hỏi theo đúng quy định của BLTTHS: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến Hội thẩm nhân dân, sau đó đến KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, việc xét hỏi được tiến hành từng người một. Trong quá trình xét hỏi, KSV phải đảm bảo Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết mà những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đề nghị nhằm làm sáng tỏ vụ án. Người giám định được hỏi về những vấn đề liên quan đến việc giám định theo đúng quy định tại Điều 207 BLTTHS năm 2003.

Khi người được xét hỏi có mặt tại phiên tòa, KSV phải đảm bảo HĐXX không được nhắc hoặc công bố lời khai của họ tại Cơ quan điều tra, VKS trước khi họ khai tại phiên tòa. HĐXX chỉ được công bố lời khai của họ tại CQĐT khi thuộc một trong các trường hợp như: Lời khai của người được xét hỏi tại phiên tòa có mâu thuẫn với lời khai trước đây của họ tại CQĐT; người được xét hỏi vắng mặt tại phiên tòa; người được xét hỏi không khai tại phiên tòa mặc dù họ có mặt; người được xét hỏi đã chết.

Đối với xét hỏi bị cáo, nếu có nhiều bị cáo thì việc xét hỏi phải được tiến hành đối với từng bị cáo. Nếu lời khai của các bị cáo có ảnh hưởng đến nhau thì phải cách ly họ. Bị cáo bị cách ly có quyền được thông báo lại nội dung lời khai của bị cáo trước và có quyền đặt câu hỏi với bị cáo đó. Kiểm sát viên phải kiểm sát việc HĐXX bảo đảm quyền được hỏi của người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự theo đúng quy định tại Điều 209 BLTTHS năm 2003. Kiểm sát viên phải kiểm sát việc HĐXX bảo đảm quyền được hỏi và trình bày về những tình tiết của vụ án của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có liên quan đến họ theo đúng quy định. Kiểm sát viên phải đảm bảo người làm chứng

được HĐXX hỏi riêng từng người một và không để cho người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi của người làm chứng kia.

Kiểm sát viên phải tiến hành kiểm sát quá trình xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ và việc trình bày, công bố các tài liệu của vụ án và nhận xét, báo cáo của cơ quan, tổ chức theo đúng quy định tại Điều 212, 213, 214 BLTTHS năm 2003. Đối với kết luận của Giám định viên, KSV kiểm sát quá trình hỏi người giám định. Nếu thấy có mâu thuẫn hoặc không được rõ ràng mà Giám định viên không thể giải thích tại phiên tòa thì KSV yêu cầu HĐXX hoãn phiên tòa và cho giám định bổ sung hoặc giám định lại theo đúng quy định tại Điều 215 BLTTHS năm 2003.

- *Kiểm sát việc tuyên án.* Khi chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của HĐXX đọc bản án, KSV phải chú ý ghi lại những nhận định quan trọng và nội dung quyết định của bản án sơ thẩm để làm căn cứ kiểm tra biên bản phiên tòa, bản án sơ thẩm và chuẩn bị nội dung báo cáo lãnh đạo Viện kháng nghị, nếu cần thiết. Ngay sau khi tuyên án, KSV phải kiểm sát việc HĐXX trả tự do cho bị cáo hoặc bắt tạm giam bị cáo theo quy định của BLTTHS năm 2003 (nếu có).

- *Kiểm sát các hoạt động sau khi kết thúc phiên tòa.* Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, KSV phải kiểm tra biên bản phiên tòa. Nếu phát hiện biên bản phiên tòa ghi không đầy đủ hoặc không chính xác, KSV có quyền yêu cầu HĐXX xem xét sửa chữa bổ sung vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận vào những phần sửa đổi bổ sung đó [117]. Nếu KSV yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa thì Thư ký Tòa án phải ghi những sửa đổi, bổ sung đó vào biên bản. Những sửa đổi, bổ sung chỉ được ghi tiếp sau các phần đã ghi vào biên bản phiên tòa (mục 4 Chương II Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP). Nhằm kiểm sát tính khách quan của biên bản phiên tòa, KSV phải tập trung ghi chép, theo dõi quá trình xét hỏi, tranh luận, tuyên án để sau phiên tòa kiểm tra, đối chiếu với biên bản phiên tòa để yêu cầu sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

Sau khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án cùng cấp, KSV phải kiểm tra bản án, quyết định của Tòa án xem có đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật hay không. Do đó, việc kiểm tra bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án phải được thực hiện một cách cẩn trọng. Kiểm sát viên cần phải đọc kỹ từng câu, từng chữ của bản án, quyết định. Những vi phạm, thiếu sót của bản án, quyết định phải được phát hiện kịp thời và có hướng xử lý tùy theo mức độ vi phạm. Những thiếu sót nhỏ

không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án thì cần nhắc nhở, kiến nghị Tòa án khắc phục, sửa chữa kịp thời. Những thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, không đúng với thực tế khách quan thì phải xem xét thận trọng, kịp thời báo cáo, đề xuất với lãnh đạo Viện quyết định việc kháng nghị hoặc báo cáo VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị theo thẩm quyền trong trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị của VKS cấp mình. Đồng thời, đơn đốc Tòa án cấp sơ thẩm gửi hồ sơ vụ án và kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm (nếu có) trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị [80, Đ.237].

2.3. Đánh giá quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Bộ luật TTHS năm 2003 thể chế hóa các quan điểm của Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và các nghị quyết khác của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001). Trải qua hơn 15 năm thực hiện đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc do chưa quy định cụ thể về chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND trong giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói chung, trong đó có tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Cụ thể như sau:

- Bộ luật TTHS năm 2003 có ba điều luật 112, 113, 114 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và mối quan hệ giữa cơ quan điều tra và VKS nhưng không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Điều 112 bộ luật TTHS năm 2003 chưa quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với các hoạt động điều tra và các quyết định tố tụng của CQĐT và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như:

- + Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật.

- + Chưa quy định cụ thể thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của VKSND.

+ Phê chuẩn lệnh bắt người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bào chữa, khám xét thu giữ, tạm giữ đồ vật thu tén, điện tín, bừa kiện, bừa phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định khác không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

+ Không quy định quyền quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp cưỡng chế.

+ Không quy định VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong những trường hợp nào.

- Điều 113 BLTTHS năm 2003 chưa quy định cụ thể và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi kiểm sát việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng và của những người tiến hành tố tụng, cụ thể như sau:

+ Khi quy định quyền của VKS trong việc yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng khi có vi phạm pháp luật.

+ Không quy định thẩm quyền yêu cầu cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra khi cần thiết.

+ Không quy định quyền của VKS khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì VKS yêu cầu CQĐT cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động như: tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho VKS biết; cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra.

+ Không quy định quyền kiến nghị, yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong quá trình điều tra.

Những tồn tại trên đây của BLTTHS được tháo gỡ một số nội dung tại Thông tư liên tịch số 05/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 của VKSND tối cao, Bộ công an, Bộ Quốc phòng và trong các quy chế phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS 2003. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn những khó khăn, vướng mắc nhất định khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe

của người khác nói riêng, dẫn đến làm ảnh hưởng đến việc áp dụng thống nhất pháp luật giữa các cơ quan tư pháp.

Bộ luật TTHS năm 2015 thể chế hóa quan điểm của Đảng được ghi nhận trong Nghị quyết Đại hội đảng lần thứ XI và lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 06/02/2005 của Bộ Chính trị về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 đã sửa đổi bổ sung những nội dung đã nêu trên và pháp điển hóa các văn bản dưới luật có liên quan đến chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND trong TTHS góp phần hoàn thiện pháp luật, bảo đảm áp dụng thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

So với Bộ luật TTHS năm 2003, Bộ luật TTHS năm 2015 đã quy định cụ thể và rõ ràng hơn về THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Cụ thể là:

Thứ nhất, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung hai điều luật quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi THQCT và khi kiểm sát điều tra. Theo đó, khi THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự VKS có những nhiệm vụ, quyền hạn đó là: Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS, khởi tố bị can; phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật; khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS, khởi tố bị can trong các trường hợp do BLTTHS năm 2015 quy định; phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của BLTTHS năm 2015; đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao

nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội. Yêu cầu CQĐT tra truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố; khởi tố VAHS khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;... [81, Đ.165].

Khi kiểm sát điều tra vụ án hình sự VKS có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể là: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra và lập hồ sơ vụ án của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra; yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết; khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (như: tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho VKS; cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra; kiến nghị, yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra; ...) [81, Đ.166].

Khi áp dụng các quy định nêu trên trong quá trình THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, KSV còn phải căn cứ vào các quy định tại các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 26, Điều 27, Điều 29, ... của Quy chế tạm thời về công tác thực hành quyền

công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố năm 2017 của VKSND tối cao [115], nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong quá trình này được thông nhất, chính xác và đúng pháp luật.

Thứ hai, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung hai điều luật quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi THQCT, kiểm sát xét xử VAHS và đã được VKSND tối cao hướng dẫn cụ thể tại Quy chế công tác THQCT, kiểm sát xét xử vụ án hình sự ngày 18/12/2017 [116]. Theo đó, khi THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm VAHS, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn: Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo quy định của BLTTHS năm 2015. [81, Đ.266].

Khi kiểm sát xét xử sơ thẩm VAHS Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử VAHS của Tòa án; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; kiểm sát bản án, quyết định, văn bản tố tụng khác của Tòa án; yêu cầu Tòa án cùng cấp, cấp dưới chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị; kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS; kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng; ... [81, Đ.267].

Bộ luật TTHS năm 2003 không có một điều luật cụ thể quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm VAHS mà được lồng ghép rải rác trong các quy định tại phần điều tra, xét xử sơ thẩm VAHS. Điều này gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi kiểm sát xét xử sơ thẩm VAHS.

Nhằm khắc phục thiếu sót này của BLTTHS năm 2003 và để phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của VKS quy định tại Luật Tổ chức VKSND năm 2014, BLTTHS năm

2015 đã bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử (bao gồm xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm) vụ án hình sự.

Các quy định của BLTTHS năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm VAHS phần nào đã khắc phục được những thiếu sót của BLTTHS năm 2003 về vấn đề này.

Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa có điều kiện tổng kết kinh nghiệm áp dụng các quy định của BLTTHS để rút ra những tồn tại, vướng mắc cụ thể. Mặc dù vậy, từ nghiên cứu lý luận và từ thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các VAHS nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích hoặc cố ý gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong những năm vừa qua có thể nêu ra một số tồn tại, vướng mắc sau đây:

Thứ nhất, trong trường hợp VKS ra những quyết định và yêu cầu điều tra không đúng quy định của pháp luật cũng cần phải xác định trách nhiệm tương xứng để bảo đảm sự công bằng về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm tạo ra sự chế ước lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- *Thứ hai*, nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong công tác giám định tỷ lệ thương tích hiện nay như: Thời gian giám định kéo dài; giám định không chính xác; xung đột giữa các kết luận giám định, BLTTHS năm 2015 bổ sung các quy định như: phân nhóm các vấn đề cần trưng cầu giám định; quy định thời hạn giám định phù hợp với từng nhóm; xác định giá trị của kết luận giám định đối với việc giải quyết vụ án; giải quyết xung đột giữa các kết quả giám định. Đồng thời, bổ sung mới 8 điều luật để quy định các vấn đề cụ thể liên quan đến định giá tài sản trong tố tụng hình sự (quy định tại Chương XV).

Tuy nhiên, đối với việc khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, trong đó có tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (khoản 1 Điều 104 BLHS 1999, nay là khoản 1 Điều 134 BLHS hiện hành) quy định tại Điều 155 BLTTHS năm 2015. Thực tế cho thấy, tội này bị các đối tượng lợi dụng nhiều nhất, gây khó khăn, cản trở không nhỏ cho công tác điều tra, xử lý loại tội phạm này. Thông thường, đối tượng phạm tội trong trường hợp này sau khi phạm tội dùng nhiều thủ đoạn để trốn tránh pháp luật như mua chuộc, đe dọa, không chế người bị hại để không tố giác

tội phạm hoặc đã tố giác thì rút đơn. Thậm chí có trường hợp không có căn cứ để rút đơn (vì hậu quả thương tật rơi vào khung tăng nặng), đối tượng mua chuộc, đe dọa, khống chế bị hại để họ từ chối giám định thương tích, gây khó khăn lớn cho việc xử lý tội phạm và đôi khi không xử lý được. Vì vậy, cần có phải có hướng dẫn triển khai thực hiện, có biện pháp cưỡng chế cần thiết với những trường hợp bị hại từ chối giám định mới có thể khắc phục triệt để kẽ hở này, tạo điều kiện thuận lợi để xử lý nghiêm khắc đối với người phạm tội [2, tr.28].

- Thứ ba, về căn cứ kháng nghị phúc thẩm.

Bộ luật TTHS năm 2003 và Luật tổ chức VKSND năm 2014 mặc dù đã quy định về thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm nhưng lại chưa có quy định về căn cứ kháng nghị phúc thẩm. Tuy nhiên, tại Điều 32 của Quy chế công tác THQCT và kiểm sát xét xử VAHS có quy định về căn cứ kháng nghị phúc thẩm. Theo đó, bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, khi có một trong những căn cứ sau đây: Việc điều tra, xét hỏi tại phiên toà sơ thẩm phiên diện hoặc không đầy đủ; kết luận của bản án hoặc quyết định hình sự sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; có vi phạm trong việc áp dụng BLHS; thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng luật định hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, đó chỉ là quy định nội bộ của Ngành kiểm sát nên trong thực tế xét xử vẫn còn chưa có sự thống nhất giữa hai ngành Toà án và Viện kiểm sát trong nhận xét, đánh giá tính chất, mức độ vi phạm của Toà án trong việc ra bản án, quyết định sơ thẩm. Tuy nhiên, hạn chế này của BLTTHS năm 2003 vẫn chưa được BLTTHS năm 2015 khắc phục [27, tr.47, 48].

Thứ tư, về kháng nghị quyết định sơ thẩm của Tòa án.

Bộ luật TTHS năm 2015 quy định, VKS cùng cấp, VKS cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm [81. Đ.336] và thời hạn kháng nghị của VKS cùng cấp đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, của VKS cấp trên trực tiếp là 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định [81, Đ.337]. Tuy nhiên, lại không có quy định nào cụ thể về việc Tòa án cấp sơ thẩm phải giao quyết định sơ thẩm và thời hạn giao quyết định cho VKS cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp gây khó khăn trong việc thực hiện quyền kháng nghị, cũng như mất tính đồng bộ, không phù hợp với quy định của điều 336 và 337 BLTTHS năm 2015.

Thứ năm, Bộ luật TTHS năm 2015 vẫn còn tồn tại bất cập, hạn chế trong quy định về trình tự xét hỏi tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Theo quy định BLTTHS năm 2015, Chủ tọa phiên tòa là người điều hành việc xét hỏi, tranh luận, là người hỏi trước sau đó đến Hội thẩm nhân dân rồi mới tới KSV. Điều này là bất hợp lý bởi có một số vụ án, sau khi Chủ tọa xét hỏi bị cáo thừa nhận, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, việc phạm tội đã được làm rõ. KSV hầu như không còn gì để hỏi, nếu có cũng chỉ lặp lại câu hỏi của chủ tọa về hành vi phạm tội của bị cáo. Đến phần tranh luận thì giữa KSV và người bào chữa cho bị cáo cũng không có gì để tranh luận vì tất cả đã giải quyết hết tại phần xét hỏi. Điều này mặc nhiên thừa nhận việc Tòa án tự mình chứng minh hành vi phạm tội, không đúng với chức năng chính là chức năng xét xử, không đảm bảo việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa xét xử.

Pháp luật TTHS cần sửa đổi theo hướng HĐXX chủ yếu làm công việc của người điều khiển phiên tòa, KSV và luật sư bào chữa phải chủ động tham gia xét hỏi cũng như đưa ra các quan điểm, kiến nghị của mình khi tranh luận. Trình tự xét hỏi nên quy định KSV hỏi trước để đưa ra các chứng cứ buộc tội trước, sau đó người bào chữa hỏi về những tình tiết mang tính bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, HĐXX có quyền xét hỏi bất cứ lúc nào khi thấy có mâu thuẫn để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án [58, tr.54].

Những tồn tại trên đây của BLTTHS năm 2015 cần được các cơ quan tư pháp Trung ương ban hành các thông tư liên tịch để hướng dẫn thi hành trong thời gian tới.

Kết luận Chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về THQCT, kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, trong chương này đã tập trung nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân tích, xây dựng khái niệm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và các khái niệm có liên quan đến công tác THQCT và kiểm sát trong giai đoạn điều tra, THQCT và kiểm sát trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

2. Phân tích và làm rõ đối tượng, phạm vi, tính đặc thù của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

3. Làm rõ những nội dung cơ bản của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKSND như: Hoạt động THQCT trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác; hoạt động THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hoạt động KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

4. Phân tích, làm rõ quy định của pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về công tác thực hành quyền công tố và KSĐT, kiểm sát xét xử sơ thẩm. Đồng thời, nêu ra một số hạn chế, vướng mắc trong quy định của BLTTHS năm 2003 đã được BLTTHS năm 2015 chỉnh sửa, bổ sung từ đó làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp, kiến nghị ở Chương bốn của Luận án.

Các nội dung nêu trên, là những vấn đề cơ bản về lý luận, pháp luật làm cơ sở để nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác của VKSND trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác ở nước ta.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1.1. Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1.1.1. Thực trạng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, trong 10 năm qua VKSND các cấp đã thụ lý 77.654 vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với 111.937 bị can; trong đó, đã kiểm sát 77.654 quyết định khởi tố vụ án, phê chuẩn 111.937 quyết định khởi tố bị can về tội cố ý gây thương tích (đạt 100 %) [xem Bảng 1.2-Phụ lục]. Qua thực tiễn hoạt động THQCT, kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, VKSND các cấp đã phát hiện và xử lý những thiếu sót, vi phạm của CQĐT như: Tiến hành khởi tố, điều tra không đúng thẩm quyền; chứng cứ, tài liệu, chưa đảm bảo cho việc ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn việc khởi tố bị can; yêu cầu thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can do hành vi phạm tội của bị can có dấu hiệu của tội phạm khác.v.v.

Ngoài những kết quả đã được, hoạt động THQCT, kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho người khác còn có những tồn tại, hạn chế sau đây:

- Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thường xảy ra vào ban đêm, không có nhân chứng; một số vụ án cố ý gây thương tích có nhiều người tham gia hoặc có tính chất đồng phạm, do đó việc phân loại vai trò, vị trí, mức độ tham gia của từng đối tượng thường khó khăn, phức tạp; có nhiều vụ án phải chờ kết quả giám định thương tích mới tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can nên việc kiểm sát điều tra, thu thập chứng cứ gây nhiều khó khăn cho Kiểm sát viên.

- Một số KSV chưa nhận thức đúng quy định về “dấu hiệu tội phạm”, căn cứ khởi tố vụ án hình sự, những căn cứ như thế nào để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích thì CQĐT ra quyết định khởi tố bị can, nên có KSV cho rằng, chỉ khi nào có đủ yếu tố cấu thành tội phạm mới được khởi tố vụ án, chỉ khi nào thu thập đầy đủ các chứng cứ xác định người thực hiện tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mới được khởi tố bị can, do đó trong một số trường hợp không thống nhất với việc khởi tố vụ án cố ý gây thương tích, ra quyết định hủy quyết định khởi tố bị can dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

- Thời hạn xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can theo quy định của pháp luật (03 ngày) là không đảm bảo để VKS có đủ thời gian nghiên cứu xét phê chuẩn hoặc không phê chuẩn khởi tố bị can trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tính chất phức tạp, có nhiều người tham gia. Vì nhiều vụ án với tài liệu, chứng cứ mới được thu thập chưa đủ căn cứ để phê chuẩn khởi tố bị can, nhưng cũng chưa đủ căn cứ để từ chối phê chuẩn khởi tố bị can, nếu VKS ra quyết định ngay sẽ dẫn đến hai khả năng một là làm oan người vô tội, hai là bỏ lọt tội phạm.

- Viện kiểm sát chưa chủ động kiểm sát toàn diện hồ sơ khởi tố vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nên có một số trường hợp chưa rõ thủ phạm, CQĐT chỉ ra quyết định khởi tố vụ án, đến khi hết thời hạn điều tra thì nộp hồ sơ lưu trữ mà không tiến hành hoạt động điều tra truy xét làm rõ vụ án. Một số KSV chưa nắm chắc các dấu hiệu đặc trưng của tội cố ý gây thương tích hoặc chưa phân biệt được sự khác nhau giữa hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với các hành vi phạm tội khác có sự tương đồng, như: Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người... nên lúng túng trong THQCT, kiểm sát điều tra đối với hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với tội phạm này.

- Trong thực tiễn thời gian vừa qua, việc xác định tỉ lệ thương tật của người bị hại gặp nhiều khó khăn trong trường hợp người bị hại từ chối giám định (vì những lý do khác nhau), mặc dù có cơ sở thực tế để nhận định thương tích xảy ra đối với người bị hại là nghiêm trọng (có thể từ 31% trở lên - tức là không thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại). Ví dụ: Sau khi bị gây thương tích, người bị hại đã mất đi một phần

thân thể như: bị cắt tay, cắt chân hoặc phải cắt bỏ một phần nội tạng như gan, lách v.v. Tuy nhiên, người bị hại không đi giám định thương tích nên không thể xác định tỉ lệ thương tích đối với họ là bao nhiêu phần trăm sức khỏe để có căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

3.1.1.2. Thực trạng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Xuất phát từ đặc điểm đặc thù của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm có sử dụng bạo lực, xâm hại đến sức khỏe của con người nên trong giai đoạn điều tra loại tội phạm này, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn thường được áp dụng trong tình thế cấp bách để ngăn chặn ngay những hành vi phạm tội có thể xảy ra, để bảo vệ nạn nhân hoặc ngăn ngừa đối tượng phạm tội bỏ trốn hay tiêu hủy vật chứng, chứng cứ phạm tội. Do đó, trong quá trình điều tra các vụ án cố ý gây thương tích, việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc bắt người phạm tội quả tang là tương đối phổ biến. Đây cũng là những biện pháp cưỡng chế tố tụng đầu tiên, làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc hơn như tạm giữ, tạm giam.

Từ năm 2007 đến năm 2016, VKSND các cấp đã từng bước nâng cao trách nhiệm trong hoạt động THQCT, kiểm sát việc áp dụng, thay thế hoặc hủy bỏ các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam; bảo đảm việc bắt, tạm giữ đúng đối tượng, đúng tội, đúng pháp luật. Qua nghiên cứu 800 đối tượng bị bắt giữ nhận thấy, VKSND đã kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong 800 trường hợp bắt. Trong đó: Bắt quả tang 111 đối tượng, chiếm tỷ lệ 13,88%; bắt khẩn cấp 241 đối tượng, chiếm tỷ lệ 30,13%; bắt tạm giam 339 đối tượng, chiếm tỷ lệ 42,37%, bắt truy nã 99 đối tượng, chiếm tỷ lệ 12,38%. Qua các số liệu phân tích trên nhận thấy, trong quá trình điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, việc bắt quả tang các đối tượng phạm tội không nhiều, mà chủ yếu là bắt người trong trường hợp khẩn cấp và bắt tạm giam sau khi đối tượng phạm tội. [xem Bảng 1.3-Phụ lục]

Thực tế cho thấy, do tính chất đa dạng, phức tạp của tội phạm cố ý gây thương tích và yêu cầu của quá trình điều tra cần phải giảm thiểu tới mức thấp nhất những tình huống có thể xảy ra như bị can bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm hoặc gây khó khăn cho việc điều tra, thu thập chứng cứ nên biện pháp bắt, tạm giữ,

tạm giam là những biện pháp ngăn chặn thường được áp dụng trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Qua thực tế công tác THQCT, kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong việc áp dụng, hủy bỏ, thay thế các biện pháp ngăn chặn, tác giả nhận thấy một số hạn chế, vướng mắc sau:

- Có lúc, có nơi CQĐT bắt, tạm giữ chưa đúng quy định hoặc lạm dụng trường hợp bắt khẩn cấp trong một số vụ án cố ý gây thương tích có nhiều người tham gia. VKS không tham gia kiểm sát ngay từ đầu trong việc bắt giữ, không kịp thời phát hiện các trường hợp bắt khẩn cấp không đúng quy định của pháp luật, nên dẫn đến oan, sai.

- Một số KSV chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của VKSND trong việc kiểm sát hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người thực hiện hành vi có dấu hiệu phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là không chỉ bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của CQĐT mà còn phải kịp thời điều tra, chống bỏ lọt tội phạm. Thực tế có trường hợp, các tài liệu trong hồ sơ tuy đã đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị can, nhưng có thiếu sót về thủ tục, hình thức văn bản như: Lệnh bắt, lệnh tạm giam không ghi số, nội dung hành vi phạm tội,... nhưng do quá “máy móc”, KSV đã đề nghị không phê chuẩn, làm ảnh hưởng đến yêu cầu phải nhanh chóng bắt, giữ đối tượng, thậm chí đã vô tình tạo ra khoảng thời gian trống cho đối tượng bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ, gây khó khăn cho việc xử lý vụ án sau này.

3.1.1.3. Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng trong vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

- *Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can.* Qua nghiên cứu 700 hồ sơ các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác [xem Bảng 1.4 - Phụ lục], tác giả nhận thấy, hầu hết KSV đã chủ động trao đổi với ĐTV trong việc xây dựng kế hoạch hỏi cung, thống nhất mục đích, yêu cầu hỏi cung đối với từng bị can. Thực tế trong thời gian qua, KSV đã thực hành quyền công tố kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can thông qua hai hình thức chủ yếu sau:

- + Trực tiếp kiểm sát việc hỏi cung bị can: KSV đã kiểm sát trực tiếp 217 lượt hỏi cung bị can, đạt tỷ lệ 31%. Kiểm sát viên trực tiếp tiến hành hỏi cung bị can 161 lượt, chiếm tỷ lệ 23%; ở các đơn vị VKSND thành phố Hà Nội, VKSND thành phố Hồ Chí

Minh, VKSND thành phố Hải Phòng, VKSND tỉnh Đồng Nai trong quá trình kiểm sát điều tra đối với mỗi vụ án cố ý gây thương tích, KSV đã tiến hành kiểm sát trực tiếp việc hỏi cung đối với bị can từ hai lần trở lên và trực tiếp hỏi cung bị can ít nhất là một lần. Khi kiểm sát trực tiếp việc hỏi cung, ngoài việc bảo đảm sự tuân thủ các quy định của BLTTHS về hỏi cung bị can, KSV còn chú ý đến việc sử dụng chiến thuật hỏi cung và thái độ của ĐTV, không để xảy ra tình trạng mớm cung, bức cung, nhục hình...; trong quá trình hỏi cung, chú trọng việc đề ra những yêu cầu cụ thể để ĐTV làm rõ hành vi phạm tội của bị can, làm rõ các mâu thuẫn giữa các lời khai của bị can với các chứng cứ khác. Trong các trường hợp bị can kêu oan, lời khai trước với lời khai sau có mâu thuẫn hoặc không thống nhất, KSV đã báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện và đã tiến hành trực tiếp hỏi cung bị can.

+ GIÁN TIẾP KIỂM SÁT VIỆC HỎI CUNG BỊ CAN: Qua nghiên cứu 700 hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, KSV đã kiểm sát gián tiếp 322 lượt, chiếm tỷ lệ 46 %. *[xem Bảng 1.4 - Phụ lục]*

Đây là phương pháp được áp dụng phổ biến trong hoạt động kiểm sát việc hỏi cung bị can. KSV chú trọng việc đọc, nghiên cứu, đánh giá biên bản hỏi cung bị can, từ đó đề ra yêu cầu điều tra hoặc trao đổi trực tiếp để ĐTV rút kinh nghiệm, khắc phục, sửa chữa những thiếu sót như: Hình thức của biên bản hỏi cung chưa phù hợp hoặc nội dung hỏi cung không đầy đủ hay bị sửa chữa, tẩy xóa không đúng quy định, hạn chế tối đa việc ĐTV thêm bớt, sửa chữa, làm sai lệch nội dung khai báo của bị can. Thông qua công tác kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can trong các vụ án cố ý gây thương tích, KSV đã kịp thời yêu cầu ĐTV củng cố, thu thập chứng cứ làm rõ hành vi, tính chất, mức độ, phương thức, thủ đoạn phạm tội của bị can, kịp thời khai thác mở rộng điều tra, truy bắt những đối tượng còn lẩn trốn, đáp ứng được yêu cầu điều tra, xử lý tội phạm, đồng thời, phát hiện những mâu thuẫn trong lời khai của các bị can, lời khai của bị can với lời khai của nhân chứng, từ đó đề ra yêu cầu điều tra giải quyết mâu thuẫn.

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn THQCT và kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhận thấy còn một số khó khăn, vướng mắc sau:

+ Một số KSV chưa kiểm sát chặt chẽ việc hỏi cung bị can, không trực tiếp kiểm sát việc hỏi cung bị can trong một số trường hợp cần thiết, chưa thường xuyên nghiên

cứu biên bản hỏi cung bị can để phát hiện những mâu thuẫn trong các bản cung đối với từng bị can và đối với các bị can với nhau; một số trường hợp bị can kêu oan, không nhận tội nhưng KSV cũng không trực tiếp kiểm sát việc hỏi cung hoặc trực tiếp hỏi cung bị can dẫn đến không kịp thời nắm bắt diễn biến của vụ án, định kiến chủ quan theo hướng buộc tội.

+ Một số KSV còn dễ dãi, ngại va chạm trong khi kiểm sát việc hỏi cung, nên đã bỏ qua những sai sót về trình tự, thủ tục, hình thức và nội dung của biên bản hỏi cung, không kịp thời yêu cầu ĐTV khắc phục các vi phạm pháp luật, như: Biên bản hỏi cung ghi không đầy đủ các nội dung cần thiết về thời gian, địa điểm, người tiến hành hỏi cung, người chứng kiến việc hỏi cung; việc sửa chữa lời khai không đúng quy định; Điều tra viên đặt câu hỏi mang tính chất mớm cung nhưng KSV không yêu cầu ĐTV chấm dứt ngay việc làm vi phạm pháp luật này; không có Luật sư tham gia dẫn đến phải trả hồ sơ điều tra, xét xử lại. Điển hình vụ án Đồng Xuân Phương ở thành phố Hà Nội. Nội dung vụ án: Đồng Xuân Phương là công nhân thi công cầu Thanh Trì, có mâu thuẫn với anh Nguyễn Văn Soi, nên đã thuê Nguyễn Văn Lân, Trần Văn Mạnh Phương (đều dưới 18 tuổi) gây thương tích cho anh Soi. Ba bản cung ban đầu không có Luật sư tham gia, đến ngày 30/10/2011 CQĐT cấp giấy chứng nhận bào chữa cho Phương, nhưng các biên bản hỏi cung sau đó cũng không có sự tham gia của các Luật sư. Ngày 11/02/2012, Kiểm sát viên hỏi cung Phương, biên bản hỏi cung có chữ ký của Luật sư bào chữa cho Phương, nhưng trong phần đầu của biên bản lại không thể hiện có sự tham gia của Luật sư. Phiên tòa phúc thẩm đã tuyên hủy bản án sơ thẩm, điều tra, xét xử lại. [130]

- Trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có nhiều đối tượng tham gia hoặc có đồng phạm nhưng do CQĐT không áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời để phân loại vai trò, vị trí của từng đối tượng trong vụ án nên các đối tượng dễ thông cung, thống nhất lời khai, dẫn đến một số vụ án bị làm sai lệch, phản ánh không khách quan nội dung vụ án, gây ảnh hưởng đến hoạt động điều tra và xác định hành vi cụ thể của từng đối tượng, tuy nhiên một số KSV chưa có kiên quyết xử lý hoặc báo cáo lãnh đạo Viện để có sự phối hợp với CQĐT nhằm xử lý triệt để.

- *Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc lấy lời khai người làm chứng.* Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc lấy lời khai người làm chứng phải đảm bảo tính chính xác, khách quan và đầy đủ trong nội dung khai của người làm chứng. Qua nghiên cứu 700 hồ sơ

kiểm sát điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cho thấy KSV sử dụng phương thức kiểm sát gián tiếp thông qua việc nghiên cứu các biên bản ghi lời khai người làm chứng có 401 vụ, đạt tỷ lệ trên 57,29%; có 135 vụ Kiểm sát viên kiểm sát trực tiếp việc ghi lời khai người làm chứng, chiếm tỷ lệ 19, 29%; 164 vụ có văn bản yêu cầu ĐTV khắc phục các vi phạm thủ tục tố tụng trong hoạt động lấy lời khai người làm chứng, chiếm tỷ lệ 23,43%, các dạng vi phạm thường xảy ra như: Trước khi lấy lời khai không giải thích quyền và nghĩa vụ người làm chứng; việc tẩy xóa, sửa chữa biên bản ghi lời khai không đúng quy định; việc lấy lời khai của người làm chứng dưới 16 tuổi mà không có mặt của người giám hộ hoặc đại diện hợp pháp của người làm chứng, ... Đồng thời, yêu cầu ĐTV làm rõ các mâu thuẫn giữa lời khai của những người làm chứng với nhau hoặc với các chứng cứ khác để xác định tính khách quan trong lời khai của người làm chứng, bảo đảm giá trị chứng minh của nguồn chứng cứ quan trọng này [xem Bảng 1.4 - Phụ lục].

Phương thức kiểm sát trực tiếp việc lấy lời khai thường được KSV sử dụng trong những trường hợp ĐTV lấy lời khai nhân chứng ngay tại hiện trường vụ án. Thông qua công tác kiểm sát trực tiếp việc lấy lời khai người làm chứng, KSV đã kịp thời yêu cầu ĐTV tạo sự tiếp xúc tâm lý thoải mái, động viên người làm chứng, kích thích trí nhớ của người làm chứng để họ có thể khai báo chính xác, đầy đủ nhất về những tình tiết của vụ án mà họ biết, lý do họ biết về các tình tiết của vụ án để đảm bảo tính khách quan, trung thực trong lời khai; yêu cầu ĐTV khắc phục ngay việc vi phạm tố tụng. Đối với các vụ án cố ý gây thương tích có nhiều nhân chứng tại hiện trường, KSV đã yêu cầu ĐTV tách riêng các nhân chứng ra để lấy lời khai của từng người và tham gia đặt câu hỏi bổ sung khi ĐTV hỏi một cách phiến diện, không đầy đủ.

Thực tiễn kiểm sát hoạt động lấy lời khai người làm chứng trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cho thấy còn một số vướng mắc, hạn chế sau:

+ Việc tiến hành lấy lời khai nhân chứng trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do băng nhóm “Xã hội đen” hoặc do các phần tử nguy hiểm thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí có trường hợp người làm chứng từ chối khai báo, vì sợ bị trả thù và liên lụy đến bản thân. Mặt khác, trước hành vi cố ý gây thương tích có tổ chức, băng nhóm, nhiều người thường thiếu bình tĩnh, tri giác sai lệch dẫn đến khai báo không chính xác, làm việc điều tra thêm khó khăn, phức tạp. KSV chưa chủ

động quan tâm phối hợp để cùng ĐTV tìm biện pháp tháo gỡ, để việc lấy lời khai người làm chứng được thuận lợi và đúng quy định của pháp luật.

+ Trong một số vụ án Kiểm sát viên chưa thường xuyên kiểm sát trực tiếp việc lấy lời khai người làm chứng, không nghiên cứu kỹ các lời khai để kịp thời phát hiện những vi phạm, như lấy lời khai theo hướng tìm chứng cứ buộc tội hoặc yêu cầu tiến hành làm rõ những lời khai có mâu thuẫn với các chứng cứ khác.

3.1.1.4. Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khám xét, thu giữ vật chứng trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Qua nghiên cứu 600 hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, CQĐT đã tiến hành khám xét 456 trường hợp, trong đó có 344 trường hợp khám xét khẩn cấp, chiếm tỷ lệ 76%; VKSND tiến hành nghiên cứu, xem xét tính có căn cứ, tính hợp pháp của lệnh khám xét và đã phê chuẩn 108/122 các trường hợp khám xét bình thường và không phê chuẩn 14 lệnh khám xét [xem Bảng 1.5 - Phụ lục]. Đối với những trường hợp CQĐT thực hiện việc khám xét mà không có sự phê chuẩn của VKSND thì ngay sau khi nhận được văn bản thông báo, KSV đã kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của hồ sơ về việc khám xét, biên bản khám xét, thu giữ vật chứng để kịp thời phát hiện và yêu cầu sửa chữa, khắc phục những thiếu sót, vi phạm trong các hoạt động này.

Quá trình kiểm sát hoạt động khám xét, KSV theo dõi, giám sát chặt chẽ mọi biến động phát sinh, từ hoạt động của những người tiến hành khám xét đến thái độ tâm lý của người bị khám xét và cả những người có mặt tại nơi khám xét, chủ động đối phó với những tình huống xấu xảy ra, đồng thời, giám sát chặt chẽ quá trình thu thập, bảo quản, niêm phong tài liệu, vật chứng, việc lập biên bản khám xét của CQĐT, bảo đảm việc khám xét tuân thủ đúng các quy định của BLTTHS.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động kiểm sát việc khám xét, thu giữ vật chứng trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhận thấy có một số khó khăn, hạn chế sau:

+ VKSND thường kiểm sát gián tiếp việc khám xét, thu giữ vật chứng, rất ít kiểm sát trực tiếp hoạt động khám xét, thu giữ vật chứng trong các vụ án cố ý gây thương tích. Một số trường hợp, khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động khám xét, lập biên bản thu giữ những vật chứng quan trọng để nhận dạng người thực hiện tội phạm

hoặc liên quan đến hành vi phạm tội không phát hiện những thiếu sót, vi phạm về trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của ĐTV.

+ Một số KSV chưa làm hết trách nhiệm trong việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động thu giữ vật chứng, khám xét nên không phát hiện những thiếu sót, vi phạm pháp luật của CQĐT trong việc lập biên bản, thu giữ vật chứng như: Không ghi rõ đặc điểm vật chứng được thu giữ, niêm phong nhiều vật chứng chung nhau, biên bản thu giữ vật chứng không có người chứng kiến.

3.1.1.5. Thực trạng hoạt động kiểm sát việc kết thúc điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Từ 2007 đến 2016, VKSND các cấp đã kiểm sát 77.654 hồ sơ điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Trong đó, CQĐT đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố 65.558 vụ án cố ý gây thương tích; tạm đình chỉ điều tra 10.477 vụ; kết thúc điều tra và ra quyết định đình chỉ vụ án 8.928 vụ. [xem Bảng 1.2 - Phụ lục]

Khi kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, KSV bám sát tiến độ điều tra để kiểm sát các hoạt động thu thập chứng cứ và thiết lập các biên bản về hoạt động điều tra nhằm xây dựng hồ sơ vụ án của ĐTV; nghiên cứu, đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ trong nội dung và hình thức của tất cả các quyết định tố tụng, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Các biên bản về việc khám nghiệm hiện trường, nhận dạng, đối chất, thực nghiệm điều tra, kết luận giám định, biên bản hỏi cung bị can, lấy lời khai, khám xét, thu giữ vật chứng và các hóa đơn, chứng từ, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. KSV thực hiện việc ghi chép đầy đủ những nội dung tài liệu, đánh dấu các tài liệu sử dụng làm chứng cứ kết tội hay không kết tội bị can sau này; nếu phát hiện các mâu thuẫn, thiếu sót thì KSV trao đổi trực tiếp hoặc ra văn bản yêu cầu điều tra bổ sung. Trước khi có Thông tư 01/2010/TTLT/VKSTC-BCA-TATC [123], nhiều VKSND địa phương đã thống nhất với CQĐT về việc: Trước khi kết thúc điều tra 20 ngày, ĐTV chuyển hồ sơ cho KSV nghiên cứu, sau đó cùng ĐTV trao đổi, nhận định, đánh giá tính hợp pháp, tính có căn cứ của các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để đảm bảo chất lượng của hồ sơ kết thúc điều tra, hồ sơ truy tố. Đối với những vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thuộc án truy xét, có nhiều tình tiết phức tạp, đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ, về tội danh, các vụ án điểm, lãnh đạo CQĐT và VKSND hàng tuần cùng các

ĐTV, Kiểm sát viên họp bàn và thống nhất về phương hướng điều tra, đường lối giải quyết vụ án. Chính vì vậy, những năm gần đây số vụ án kết thúc điều tra, đề nghị truy tố, chuyển Tòa án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được hạn chế đến mức thấp nhất. Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê tội phạm VKSND tối cao, từ năm 2007 đến năm 2016 trong tổng số 77.654 vụ án cố ý gây thương tích đã kết thúc điều tra, có 845 vụ án phải trả điều tra bổ sung, chiếm tỷ lệ 1,08%. Những năm gần đây, số vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung giảm dần, năm 2007 có 131 vụ, thì đến năm 2016 chỉ còn 76 vụ. Đây chính là kết quả của việc nâng cao chất lượng hoạt động kiểm sát lập hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. *[xem Bảng 1.2 - Phụ lục]*

Quá trình thực hiện công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc ban hành các quyết định đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra vụ án cố ý gây thương tích, VKSND đã quan tâm nghiên cứu xem xét việc ban hành các quyết định đó có đúng thẩm quyền hay không, đúng trình tự, việc áp dụng điều luật có đúng quy định của pháp luật hay không. Nếu thấy CQĐT vi phạm các quy định của pháp luật thì VKSND yêu cầu khắc phục sửa chữa hoặc ra quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra nhằm đảm bảo việc ban hành văn bản được đúng quy định của pháp luật.

Từ thực tiễn kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc kết thúc điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cho thấy còn những hạn chế, khó khăn như sau:

- Chưa có quy định cách sắp xếp hồ sơ thống nhất giữa VKS và CQĐT. Chưa quy định đối với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trước khi khởi tố vụ án như ghi âm, ghi hình, ghi lời khai có đưa vào hồ sơ vụ án không, có được coi là chứng cứ chứng minh tội phạm không.

- Một số KSV còn chủ quan, không thường xuyên bám sát tiến trình điều tra, buông lỏng hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra của ĐTV hoặc định kiến theo ý chí chủ quan thiên về chứng cứ buộc tội. Từ đó, dẫn đến tình trạng KSV không nắm chắc hồ sơ, nội dung vụ án, có khi những tài liệu, chứng cứ quan trọng trong hồ sơ đã bị thay đổi, sửa chữa mà KSV không nắm được nên lúng túng, bị động khi xử lý vụ án, thậm chí có vụ án bị oan, sai phải đình chỉ điều tra 8.928 vụ *[xem Bảng 1.2 - Phụ lục]*. Bên cạnh đó, một số KSV không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, không ghi chép đầy đủ nội dung tài liệu, chứng cứ mà chỉ chú ý đến lời nhận tội của bị can nên không yêu cầu CQĐT làm rõ

những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án. Không kịp thời phát hiện thiếu sót, vi phạm trong hồ sơ vụ án như: Các văn bản, quyết định tố tụng có trong hồ sơ không đảm bảo về mặt hình thức; thiếu số, ngày, tháng, chữ ký hoặc nội dung các biên bản về hoạt động điều tra bị sửa chữa, tẩy xóa; tài liệu, chứng cứ có tính chất buộc tội hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can không được đưa vào hồ sơ; hoặc tuy phát hiện được vi phạm nhưng do nể nang, ngại va chạm, xuôi theo hướng buộc tội nên KSV không kiến nghị, yêu cầu bổ sung, sửa chữa, khắc phục vi phạm dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án, phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, nhiều cấp xét xử và nhiều lần xét xử với đường lối khác nhau cơ bản.

3.1.2. Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1.2.1. Thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong chuẩn bị xét xử.

Trong những năm qua, nhìn chung Kiểm sát viên VKSND các cấp đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Cụ thể, KSV được phân công THQCT, kiểm sát xét xử các vụ án cố ý gây thương tích đã kiểm sát chặt chẽ hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 277 BLTTHS; việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; kiểm sát nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án; kiểm sát việc giao các quyết định tố tụng của Tòa án, ... Bên cạnh đó, KSV còn có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ vụ án, báo cáo án, xây dựng đề cương xét hỏi, xây dựng bản dự thảo luận tội, dự kiến những vấn đề cần tranh luận tại phiên tòa,...

Thực tế công tác THQCT, kiểm sát việc chuẩn bị xét xử của Tòa án trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác những năm qua còn có một số tồn tại, hạn chế như sau:

+ Thiếu sót của KSV trong việc chuẩn bị tham gia xét xử như: nghiên cứu hồ sơ không kỹ nên chưa đánh giá, hệ thống đầy đủ các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án; không dự đoán được các tình huống có thể xảy ra trong quá trình tranh luận, như bị cáo, luật sư sẽ bào chữa như thế nào; chuẩn bị đề cương xét hỏi chưa sát với nội dung vụ án nên việc tham gia xét hỏi tại phiên tòa không đúng trọng tâm, trọng điểm.

+ Một số vụ án cố ý gây thương tích đơn giản, phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng thì KSV có tư tưởng chủ quan, như không xây dựng đề cương xét hỏi, dự thảo kế hoạch tranh luận và các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa dẫn đến làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả giải quyết vụ án ở những khâu tiếp theo.

+ Khi phát hiện vi phạm của Tòa án như việc gửi các quyết định, lệnh cho VKS cùng cấp hoặc những người tham gia tố tụng không đúng thời hạn nhưng một số KSV lại bỏ qua không báo cáo lãnh đạo để xử lý kịp thời hoặc tập hợp đề kiến nghị, yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm.

3.1.2.2. Thực trạng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Thực tiễn công tác THQCT tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích thời gian qua nhận thấy, hầu hết Kiểm sát viên VKSND các cấp đã làm tốt việc THQCT tại phiên tòa như công bố cáo trạng, xét hỏi, luận tội và tranh luận với bên bào chữa nhằm bảo vệ cáo trạng cũng như bảo vệ quan điểm đã truy tố của VKS.

- Hoạt động kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự sơ thẩm trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác luôn được KSV quan tâm chú trọng. Hầu hết KSV đều nắm vững và thực hiện đúng các thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm đã được pháp luật quy định. Trong đó, tập trung vào những vấn đề như: Thành phần HĐXX, đặc biệt trong các vụ án cố ý gây thương tích mà bị cáo có mức đề nghị hình phạt theo khoản 4 Điều 104 BLHS; sự có mặt của bị cáo và những người tham gia tố tụng, việc giám sát bị cáo tại phiên tòa; kiểm sát thủ tục bắt đầu phiên tòa của HĐXX; kiểm sát thủ tục xét hỏi, hoạt động tranh luận tại phiên tòa; kiểm sát việc tuyên án; ...

Trong 10 năm, từ năm 2007 đến năm 2016 TAND các cấp trong cả nước đã thụ lý 69.833 vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với 113.298 bị cáo, trong đó đã đưa ra xét xử 52.702 vụ án với 92.753 bị cáo. Phần lớn các vụ án cố ý gây thương tích đưa ra xét xử Tòa án đều có cùng quan điểm về tội danh và khung hình phạt với VKS đã buộc tội, chỉ có 3.253 vụ Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, chiếm tỷ lệ 6.17% và có 34 vụ Tòa án tuyên không phạm tội, chiếm tỷ lệ 0,06%. [xem Bảng 1.2 - Phụ lục]. Qua các số liệu phân tích trên nhận thấy các hoạt động của KSV từ khâu THQCT, kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với tội phạm cố ý gây

thương tích đến khâu cuối của quá trình giải quyết vụ án cố ý gây thương tích là THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa được thực hiện tương đối tốt và đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, trong quá trình THQCT, kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên tòa các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thời gian vừa qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể là:

+ Trong phần trình bày luận tội trước khi tranh luận, vẫn còn tình trạng luận tội theo khuôn mẫu hoặc chung chung. Nhiều bản luận tội của các KSV chưa đảm bảo tính logic và sắc bén, không phù hợp với nội dung vụ án. Ví dụ: Trong phiên xét xử sơ thẩm vụ án Dương Hồng Điều phạm tội cố ý gây thương tích vào ngày 10/6/2012, Kiểm sát viên luận tội như sau: *“Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên nhưng có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động, có đủ nhận thức hiểu biết về việc làm của mình là gây thương tích cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn cố ý thực hiện... Lợi dụng lúc nạn nhân đang đuổi theo mà bị cáo đã quay lại và dùng dao đâm vào lưng rồi bỏ chạy là xem thường kỷ cương pháp luật, là nguy hiểm cho trật tự xã hội”* [106], Với cách luận tội này thường được sử dụng chung như là luận tội mẫu cho từng loại tội, dẫn đến việc đánh giá không khách quan, chưa cụ thể, không đúng bản chất của tội phạm.

+ Ở một số phiên tòa xét xử vụ án cố ý gây thương tích, KSV chưa tập trung chú ý theo dõi diễn biến của phiên tòa để chủ động tham gia xét hỏi, kiểm tra lại chứng cứ, ghi chép các ý kiến để sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung của dự thảo luận tội; thiếu tích cực tham gia xét hỏi để phục vụ cho việc chuẩn bị tranh luận. Một số KSV chưa tập trung lắng nghe ý kiến của Luật sư dẫn đến việc tranh luận không đúng trọng tâm, trọng điểm, nội dung tranh luận, đối đáp còn chưa có tính thuyết phục cao.

+ Việc nắm và nhận thức pháp luật hình sự không chắc, chưa sâu nên một số KSV lúng túng trong tranh luận, đối đáp, thậm chí có trường hợp không bảo vệ được quan điểm đã truy tố trước đó. Đây là một trong những hạn chế khá phổ biến của KSV hiện nay, vì mặt khách quan và chủ quan của hai tội cố ý gây thương tích và tội giết người khá giống nhau, nếu KSV nhận thức pháp luật không tốt, không kiểm sát chặt chẽ trong quá trình điều tra, lại nghiên cứu hồ sơ vụ án sơ sài thì sẽ rất khó khăn cho việc bảo vệ quan điểm mà VKS đã truy tố. Ví dụ trong vụ án Vũ Hoàng Lâm: Ông Nguyễn Văn Đang

(Việt kiều) về thăm quê ở huyện X, tỉnh Đồng Nai trên đường đi mời khách dự đám cưới em trai, bị Vũ Hoàng Sơn ném đá, chửi mắng. Ông dừng xe thì Sơn bỏ chạy vào nhà, nhưng nhiều người thân của Sơn xông ra, trong đó có Vũ Hoàng Lâm cầm một con dao có cán gỗ dài khoảng 40 cm chém ông một nhát vào mặt; ông Đang bỏ chạy thì bị Lâm chém tiếp vào đầu, ông đưa hai tay lên đỡ nên trúng vào tay nhiều nhát. Ông cố gượng bỏ chạy, Lâm truy đuổi chém thêm hai nhát vào lưng thì có nhiều người can thiệp Lâm mới dừng việc tấn công. Trong kết luận giám định thương tích xác định ông Đang bị thương tích với tỷ lệ thương tật 58%. Trong phiên tòa xét xử sơ thẩm, cáo trạng của VKS truy tố bị cáo Lâm về tội giết người, nhưng trong quá trình luận tội, tranh luận với bên bào chữa KSV đã không bảo vệ được quan điểm mà VKS đã truy tố nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên xử Vũ Hoàng Lâm 10 năm tù về tội cố ý gây thương tích. [129]

+ Trong một số vụ án phức tạp, KSV chỉ tham gia giai đoạn xét xử, không phải là người kiểm sát vụ án trong giai đoạn điều tra nên bị hạn chế trong việc phân tích, đánh giá, sử dụng các chứng cứ để bác bỏ quan điểm của bị cáo, luật sư và bị động khi luật sư nêu ra những vấn đề tố tụng trong hồ sơ. Chính vì nắm vụ án không kỹ, không sâu nên có tình trạng xét hỏi chưa sát, trùng lặp, thiếu toàn diện, chưa phản ứng linh hoạt khi tham gia tranh luận.

+ Trong nhiều trường hợp khi Luật sư đưa ra tình tiết mới hoặc có một số tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, một số KSV còn thiếu kinh nghiệm nên lúng túng khi tranh luận hoặc có thái độ gay gắt, thiếu bình tĩnh với các quan điểm trái chiều của Luật sư. Đối với các vụ án có nhiều Luật sư hoặc nhiều bị cáo thì một số KSV chưa biết phân chia từng nhóm vấn đề để tranh luận, nên việc đối đáp vừa dài dòng vừa không đầy đủ, việc tranh luận còn bỏ sót ý kiến của Luật sư làm ảnh hưởng đến hiệu quả của việc tranh luận tại phiên tòa.

+ Việc tuyên truyền, giáo dục chính sách pháp luật, đạo đức xã hội còn hạn chế. Xuất phát từ những hạn chế trong quá trình tranh luận đã ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề này, vì quá trình tranh luận của KSV chưa sử dụng tốt và có hiệu quả chứng cứ, các tình tiết xác thực của vụ án gắn với quy định cụ thể của chính sách pháp luật mà phân tích, giáo dục cho phù hợp, sinh động, có lý có tình, đặc biệt trong các vụ án cố ý gây thương tích có bị cáo là người chưa thành niên. Nội dung tuyên truyền, giáo dục trong nhiều

phiên toà còn chung chung, dài dòng chưa thực sự làm bị cáo thức tỉnh, nhận rõ sai lầm để an tâm cải tạo.

Với những hạn chế, thiếu sót nêu trên của KSV đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tính giáo dục, thuyết phục và trực tiếp làm giảm chất lượng, hiệu quả tranh luận của KSV tại phiên toà, do vậy cần phải có các giải pháp cụ thể để khắc phục.

3.2. Đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.2.1. Những ưu điểm đạt được

Trong thời gian qua, hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có những ưu điểm sau:

- Viện kiểm sát các cấp đề cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ với CQĐT ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chủ động đề ra yêu cầu điều tra trong nhiều vụ án, bảo đảm việc điều tra có căn cứ, đúng pháp luật. Số vụ kết thúc điều tra chuyển VKS truy tố, số vụ án truy tố chuyển Tòa án để xét xử đạt tỷ lệ cao. Việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can bảo đảm có căn cứ, đúng pháp luật; những trường hợp phải đình chỉ vụ án, bị can do hành vi không cấu thành tội phạm, hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm giảm nhiều qua các năm. Tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ sung giảm, số vụ án trả để điều tra bổ sung vì những lý do không xác đáng, trả đi trả lại nhiều lần có xu hướng giảm; chất lượng truy tố từng bước được nâng cao, số bị can VKS truy tố nhưng Tòa án tuyên không phạm tội giảm cơ bản, hạn chế tối đa trường hợp Tòa án xét xử khác tội danh và điều, khoản mà VKS đã truy tố [120].

- Kiểm sát viên làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe nói riêng hầu hết là người có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, được đào tạo cơ bản, am hiểu pháp luật; nhận thức và đánh giá đúng vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ được phân công, nắm vững quyền, trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật. Từ đó, có niềm tin và kỹ năng nghề nghiệp thực hiện tốt quyền hạn, nhiệm vụ được giao.

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và sự chủ động trong xây dựng mối quan hệ giữa CQĐT với Viện kiểm sát và TAND nên đã có sự phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện cho mỗi cơ quan thực hiện đúng quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi ngành, cùng hướng tới mục tiêu chung trong đấu tranh phòng, chống tội phạm cố ý gây thương tích góp phần giữ vững an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt, thông qua công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật, VKSND đã kịp thời có ý kiến, kiến nghị đối với các vi phạm trong hoạt động điều tra, hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích, hướng dẫn các hoạt động điều tra tuân thủ đúng nội dung, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định; đồng thời, có ý kiến kiến nghị, kháng nghị cụ thể với Tòa án khi có thiếu sót, vi phạm trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bước đầu đã đáp ứng các yêu cầu cải cách tư pháp, tạo ra những chuyển biến tích cực như: Tổ chức, bộ máy, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND, cơ chế hoạt động phối hợp giữa VKSND với CQĐT và Tòa án được xác định rõ hơn, từng bước được củng cố hoàn thiện; các vụ án cố ý gây thương tích gây bức xúc dư luận xã hội được phát hiện kịp thời, hạn chế các trường hợp bắt, giam giữ, truy tố, xét xử oan sai; khắc phục tối đa tình trạng tồn đọng án hoặc kéo dài thời gian điều tra, truy tố, xét xử.

- Qua khảo sát, đánh giá thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở một số tỉnh, thành phố như: Đồng Nai, Hải Phòng, Hà Nội, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 10 năm qua, tác giả nhận thấy CQĐT với Viện kiểm sát và TAND đã xây dựng mối quan hệ phối hợp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án cố ý gây thương tích thông qua việc ký kết quy chế phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung theo đúng quy định pháp luật và phù hợp với tình hình, đặc thù của mỗi địa phương. Việc phối hợp giữa CQĐT với Viện kiểm sát và TAND đã đi vào nề nếp và có hiệu quả, tuân thủ nguyên tắc phối hợp, chế ước trong quá trình giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích; đồng thời bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan.

Căn cứ vào các quy định của BLTTHS, quy chế phối hợp liên ngành, CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án đã triển khai và nghiêm túc thực hiện trong việc giải quyết án cố ý gây thương tích ngay từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; đảm bảo việc khởi tố có căn cứ, đúng người, đúng tội; KSV chủ động đề ra yêu cầu điều tra; kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đảm bảo có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; kiểm sát thường xuyên các hoạt động điều tra không để xảy ra vi phạm trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án dẫn đến oan sai. Trong quá trình điều tra, từ khởi tố đến trước khi kết thúc vụ án, KSV được phân công thụ lý vụ án phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với ĐTV để tiến hành trực tiếp hỏi cung, phúc cung bị can khi cần thiết; có sự phối hợp đồng bộ giữa hai cơ quan khi thực hiện các quy trình thu thập dấu vết, vật chứng để lại hiện trường vụ án, các dấu vết để lại trên thi thể nạn nhân, các hoạt động điều tra xác minh ban đầu nhằm làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án. Trên cơ sở đó, KSV cùng với ĐTV rà soát, đánh giá chứng cứ, thủ tục và các biện pháp tố tụng đã tiến hành, đảm bảo chứng cứ và thủ tục tố tụng đầy đủ, chặt chẽ tránh để xảy ra oan, sai và hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Trong 10 năm qua (từ năm 2007 đến năm 2016), VKSND đã phối hợp cùng với CQĐT tiến hành khởi tố, điều tra 77.654 vụ án cố ý gây thương tích, kiểm sát các hoạt động điều tra kết thúc chuyển qua VKS 65.558 vụ, trong đó có 845 vụ án phải trả điều tra bổ sung, chiếm tỷ lệ 1,3%; VKS phối hợp với Tòa án tiến hành truy tố, xét xử 52.702 vụ, trong đó có 3.253 vụ phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, chiếm tỷ lệ 6.1%. Qua nghiên cứu, đánh giá, tác giả nhận thấy những năm gần đây, số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe phải trả hồ sơ ở cả giai đoạn điều tra và xét xử có xu hướng giảm dần, điều đó chứng tỏ quan hệ phối hợp giữa CQĐT với Viện kiểm sát và Tòa án trong việc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm loại án này ngày càng chặt chẽ, hiệu quả. *[xem Bảng 1.2 - phụ lục]*

- Khi THQCT và kiểm sát xét xử tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, KSV đã chủ động hơn trong việc xét hỏi, tranh luận và đối đáp với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Do vậy, công tác xét xử các cố ý gây thương tích cơ bản được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, chất lượng từng bước được nâng cao. Các cơ quan tư pháp ở địa phương đã tăng cường phối hợp tổ chức các phiên tòa để rút kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng thẩm

vấn, tranh tụng tại phiên tòa. Các tình tiết của vụ án được kiểm tra, xem xét kỹ càng, phiên tòa diễn ra dân chủ và bình đẳng hơn; các phán quyết của Tòa án căn cứ chủ yếu vào kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm đúng người, đúng tội, hạn chế đến mức thấp nhất việc xét xử oan, sai và bỏ lọt tội phạm [120].

Những kết quả VKSND đạt được trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nêu trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp thể hiện qua các Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002 về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới*” [03]; Nghị quyết số 49 - NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” [05] là kịp thời và phù hợp với tình hình hiện nay; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao trong việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành theo tinh thần của cải cách tư pháp là động lực mạnh mẽ thúc đẩy các cán bộ, KSV quyết tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, hệ thống văn bản pháp luật cũng như văn bản hướng dẫn thi hành, các quy chế nghiệp vụ, quy chế phối hợp công tác giữa VKSND, Cơ quan điều tra, TAND và các cơ quan có liên quan từng bước hoàn thiện. Đây chính là hành lang pháp lý cho công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và công tác phòng, chống đối với loại tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Ba là, việc đẩy mạnh những hoạt động nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn trong công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử của VKSND tối cao và các VKSND địa phương hàng năm đã góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX loại án cố ý gây thương tích. Từ đó, giúp các cán bộ, KSV có những tư liệu quý để tham khảo, vận dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Bốn là, VKSND các cấp thực hiện việc đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trong đó có các đơn vị, bộ phận làm nhiệm vụ THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Đặc biệt, lãnh đạo VKSND các cấp luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự; quan tâm bố trí sắp xếp cán bộ, KSV có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng làm nhiệm vụ THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích, từ đó đã góp phần làm hạn chế tình trạng oan, sai trong điều tra, truy tố, xét xử loại án này.

Năm là, quá trình phát triển và hội nhập quốc tế đã tạo cho nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm và kế thừa những thành tựu khoa học, tiên tiến của các nước trên thế giới để phục vụ cho hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được nhanh chóng, chính xác và đúng quy định của pháp luật.

3.2.2. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

3.2.2.1. Những hạn chế, vướng mắc

Bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được như đã phân tích ở trên, thực tiễn hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thời gian qua còn một số hạn chế, vướng mắc sau:

- Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể thế nào là: “Hung khí nguy hiểm” quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS. Loại công cụ nào mà đối tượng đã sử dụng tấn công người bị hại được coi là hung khí nguy hiểm. Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP chỉ quy định “hung khí nguy hiểm” đối với tội cướp tài sản [44]. Còn Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP vẫn chưa liệt kê được hết những vật gì là hung khí nguy hiểm [45]. Việc quy định chưa chặt chẽ, cụ thể như trên dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật còn tùy tiện và không thống nhất giữa các cơ quan tố tụng và giữa VKSND các địa phương.

- Một số VKSND địa phương chưa nhận thức đầy đủ vị trí, tầm quan trọng và nhiệm vụ của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích. Các biện pháp, phương thức kiểm sát còn chung chung, nặng hình thức, chủ yếu áp dụng biện pháp kiểm sát gián tiếp qua hồ sơ do CQĐT thu thập. Phương pháp

kiểm sát trực tiếp không được KSV thực hiện trong một số hoạt động điều tra thu thập chứng cứ như: khám xét, đối chất, nhận dạng...

- Chất lượng hoạt động kiểm sát một số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chưa cao, chưa chủ động tích cực trong hoạt động kiểm sát, chưa nghiên cứu tổng hợp khách quan tất cả các tình tiết buộc tội, tình tiết gỡ tội mà chỉ thỏa mãn với kết luận điều tra. Hồ sơ kiểm sát chưa phản ánh được đầy đủ nội dung chủ yếu của vụ án, một số hồ sơ kiểm sát chưa thể hiện và phản ánh rõ hoạt động của KSV trong quá trình điều tra vụ án hình sự và các ý kiến chỉ đạo của các cấp lãnh đạo khi giải quyết vụ án.

- Do tính chất của các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra trong thực tiễn đa dạng, phức tạp đặc biệt là mặt khách quan của các tội phạm trong các vụ án có đồng phạm dẫn đến việc định tội danh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử gặp nhiều khó khăn và có những quan điểm đánh giá khác nhau. Do có quan điểm định tội danh khác nhau, dẫn đến trong một số trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc có kháng cáo, kháng nghị phải xét xử qua những trình tự khác nhau.

- Khi giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, một yêu cầu bắt buộc là phải xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của nạn nhân. Thực tế có nhiều vụ án, thời gian giám định kéo dài làm ảnh hưởng đến thời hạn tố tụng. Theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn hai mươi ngày, trường hợp phức tạp thì không quá hai tháng kể từ ngày nhận được tin báo, tố giác về tội phạm, CQĐT trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Trong khi đó, việc thực hiện giám định đối với nạn nhân chỉ được tiến hành khi tình trạng sức khỏe đã ổn định; nhiều trường hợp việc điều trị của nạn nhân kéo dài, có khi tới cả năm, do đó rất nhiều vụ án cố ý gây thương tích dạng này đều vi phạm thời hạn xác minh.

- Trong các vụ án cố ý gây thương tích, kết quả giám định về tỉ lệ tổn thương cơ thể là chứng cứ rất quan trọng, vì nó không chỉ là chứng cứ buộc tội hay gỡ tội mà còn là cơ sở để xem xét trách nhiệm bồi thường dân sự giữa các bên liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, xử lý loại án này thường gặp một số trường hợp khó khăn, vướng mắc liên quan đến vấn đề này. Cụ thể là:

+ *Khó khăn, vướng mắc khi người bị hại từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể.* Trên thực tiễn, việc người bị hại từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể thường xảy ra trong hai trường hợp sau đây:

Trường hợp thứ nhất: Ngay từ khi chưa khởi tố vụ án, khởi tố bị can người bị hại đã từ chối đi giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể. Nhưng có căn cứ để chứng minh tỉ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại ở mức độ nhất định theo quy định của Điều 104 BLHS. Căn cứ này thường được đánh giá trên cơ sở kết quả giám định pháp y về thương tích của người bị hại. Đây là một trong những căn cứ quan trọng để định tội hoặc áp dụng điểm, khoản của điều luật khi khởi tố bị can đối với người phạm tội cố ý gây thương tích.

Tuy nhiên, trong thực tiễn việc xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của người bị hại đôi khi gặp khó khăn vì người bị hại từ chối giám định, mặc dù có cơ sở thực tế để nhận định thương tích xảy ra đối với người bị hại là nghiêm trọng (có thể từ 31 % trở lên - tức là không thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại) nhưng do người bị hại từ chối đi giám định thương tích nên không thể xác định tỉ lệ tổn thương cơ thể đối với họ là bao nhiêu phần trăm để áp dụng pháp luật trong việc xử lý người phạm tội.

Tuy nhiên, vấn đề vướng mắc là không phải trường hợp nào cũng thu thập được hồ sơ điều trị của người bị hại. Mặt khác, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 20/2014/BYT thì: *“Giám định để xác định tỷ lệ phần trăm thương tích cơ thể được thực hiện qua (trên) hồ sơ trong trường hợp người cần được giám định đã bị chết hoặc bị mất tích hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan”* [11], nhưng hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về ngoài những trường hợp người cần được giám định đã bị chết hoặc bị mất tích thì “những trường hợp khác” để cho phép việc giám định pháp y được thực hiện qua (trên) hồ sơ là những trường hợp nào nên không phải ở địa phương nào tổ chức giám định pháp y cũng chấp nhận thực hiện giám định trên hồ sơ để xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của người bị hại theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

Trường hợp thứ hai: Người bị hại đã có kết luận giám định về tỷ lệ tổn thương cơ thể. Căn cứ vào kết quả giám định, CQĐT đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can nhưng bị can khiếu nại và cho rằng kết luận giám định là không khách quan, không đúng (theo hướng bất lợi cho bị can) nên đề nghị giám định lại thương tích của người bị hại. Xét thấy, đề nghị của bị can là có cơ sở, cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định trưng cầu giám định

lại nhưng người bị hại không đi giám định lại làm cho việc xử lý vụ án bị kéo dài, có trường hợp không xử lý được.

Trong tình huống này, nếu có căn cứ xác định kết luận giám định lần đầu là không khách quan, không đúng thì cơ quan tiến hành tố tụng phải động viên, thuyết phục người bị hại đi giám định lại. Trường hợp người bị hại vẫn kiên quyết từ chối giám định thì có thể trưng cầu giám định lại và yêu cầu cơ quan giám định thực hiện việc xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của người bị hại trên hồ sơ (căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 20/2014/BYT) [11].

Những khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định đối với các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến việc xác định trách nhiệm bồi thường và nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người thân của bị hại trong một số trường hợp không chính xác do một số vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc bị kháng cáo gây bức xúc cho bị can, bị cáo và bị hại.

+ *Khó khăn, vướng mắc trong trường hợp xung đột kết quả giám định.* Đây là trường hợp, trong vụ án cố ý gây thương tích, cùng một yêu cầu giám định tỉ lệ tổn thương cơ thể với cùng một hồ sơ giám định và đối tượng giám định nhưng các Giám định viên, các cơ quan giám định khác nhau lại có những kết luận khác nhau dẫn đến việc các cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng không biết sử dụng kết quả giám định nào để làm căn cứ xác định hậu quả thiệt hại do hành vi cố ý gây thương tích gây ra. Trong nhiều trường hợp, do không thống nhất trong việc sử dụng kết quả giám định nên giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đã có những quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về đường lối giải quyết vụ án.

Ví dụ: Trong vụ án cố ý gây thương tích xảy ra ở Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội (2010), Dương Hồng Dũng dùng búa tạ đập nhiều nhát vào đầu anh Vũ Hồng Phong khiến nạn nhân bị thương. Theo kết quả giám định của Tổ chức giám định pháp y Trung ương, anh Phong bị tổn hại 44% sức khỏe. Anh Phong yêu cầu được giám định lại và Tổ chức Giám định pháp y Quân đội kết luận tỉ lệ thương tích là 76%. Dương Hồng Dũng cũng có yêu cầu giám định lại lần 2 nhưng bị từ chối [130]. Trong trường hợp này, theo quy định tại điều 104 BLHS năm 1999, nếu căn cứ vào kết quả giám định của Tổ chức Giám định pháp y Trung ương thì Dũng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 (có khung hình phạt từ 2 - 7 năm tù); nhưng nếu căn cứ vào

kết quả giám định của Tổ chức Giám định pháp y Quân đội thì Dũng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 (có khung hình phạt từ 5 -15 năm tù). Trong một số trường hợp khác, nếu căn cứ vào kết luận giám định lần đầu (hoặc kết luận của tổ chức giám định pháp y này) thì sẽ kết luận hành vi cố ý gây thương tích không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng nếu căn cứ vào kết luận giám định lần sau (hoặc kết luận của tổ chức giám định pháp y khác, người giám định khác) thì phải kết luận hành vi cố ý gây thương tích đã cấu thành tội phạm hoặc ngược lại. Trong thực tiễn, khi gặp các trường hợp này các cơ quan tiến hành tố tụng thường sử dụng kết luận giám định của cơ quan giám định cao hơn. Tuy nhiên, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng oan, sai hoặc gây thắc mắc, khiếu kiện kéo dài trong quá trình giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích. Trong khi đó, việc người bị hại không chịu đi giám định thương tích mà không có lý do chính đáng hiện chưa có quy định của pháp luật về chế tài hay hướng dẫn của liên ngành Trung ương về trường hợp này. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng gặp rất nhiều khó khăn khi giải quyết vụ án do không có kết quả giám định thương tích làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình xử lý các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, có nhiều trường hợp nạn nhân bị nhiều người cùng tham gia hành hung mà lại không có người chứng kiến thì việc thu thập chứng cứ để xác định tỷ lệ thương tích do từng đối tượng gây ra là rất khó khăn. Ví dụ: *Nguyễn Văn Nhanh có mâu thuẫn với Võ Minh Long cùng ở phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định nên xảy ra xô xát. Được mọi người can ngăn nên Nhanh bỏ về, sau đó Nhanh rủ thêm một số bạn bè đến chặn đường đánh Long gây thương tích với tỷ lệ thương tích 25%. Quá trình điều tra, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể xác định được các vết thương của nạn nhân do người nào gây ra, mỗi người gây ra bao nhiêu phần trăm. Vì vậy, trong trường hợp này CQĐT phải chuyển sang khởi tố Nhanh và đồng phạm về tội “Gây rối trật tự công cộng” [131].*

- Viện kiểm sát nhân dân một số địa phương trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chưa có sự thống nhất về việc áp dụng pháp luật hình sự dẫn tới tranh chấp về tội danh, như giữa tội cố ý gây thương tích với cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần kích động mạnh, hay cố ý gây thương tích dẫn đến chết người với tội giết người, ... Ví dụ:

Vụ án thứ nhất: Ngày 10/02/2013, Nguyễn Tấn Thiên điều khiển xe mô tô từ nhà mình đến phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định để chơi. Khi đến nơi, Thiên vào nhà Nguyễn Văn Tấn và đánh cha của Tấn là ông Nguyễn Văn An, khi bị đánh ông An bỏ ra sau nhà, Thiên đuổi theo dùng tay đánh vào mặt ông An làm chảy máu mũi. Thấy vậy, Tấn xông vào đánh Thiên, Thiên liền gọi điện cho anh trai là Nguyễn Tấn Văn đến trợ giúp, Văn thấy Tấn đánh em mình liền xông vào dùng cây tre đánh vào đầu Tấn hai cái gây chảy máu vùng thái dương trái và trán; Tấn liền quay lại, lấy cây sắt ở góc nhà đánh vào đầu Văn một cái làm Văn khụy xuống, tiếp đó Tấn vẫn tiếp tục đánh một cái nữa vào đầu Văn. Sau đó, Văn được mọi người đưa đi cấp cứu nhưng đã bị chết trên đường tới bệnh viện [131].

Thực tế điều tra, truy tố, xét xử có nhiều quan điểm khác nhau về việc định tội danh trong trường hợp này. Có quan điểm cho rằng đây là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, có quan điểm lại cho rằng đây là tội cố ý gây thương tích, lại có quan điểm cho rằng đây là tội giết người.

Trong trường hợp này, tác giả thống nhất với quan điểm thứ nhất, Tấn phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Bởi vì, trường hợp này việc Thiên vào tận nhà Tấn gây sự và trực tiếp đánh cha của Tấn, đồng thời còn gọi cho anh trai là Văn tới đánh Tấn. Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của Thiên và Văn cùng với việc vào tận nhà bị can đánh người có quan hệ ruột thịt (bố bị can) đã gây kích động mạnh về tinh thần, làm cho Tấn không còn nhận thức đầy đủ hành vi của mình như lúc bình thường, dẫn đến mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi do mình gây ra.

Vụ án thứ hai: Ngày 29/10/2014, tại quán ăn của gia đình bà Trần Thị N, sinh năm 1982, thôn QK, xã TL, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình có bốn thanh niên cùng ngồi ăn sáng, uống rượu cùng nhau. Trong quá trình ăn uống thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau giữa Nguyễn Văn Sáng (sinh năm 1977) với Nguyễn Văn Đạm (sinh năm 1980) cùng ở thôn HT. Nguyễn Văn Đạm bị Nguyễn Văn Sáng đâm vào mặt, sau đó đâm vào tai trái nên bị ngã dẫn đến bất tỉnh và chết trên đường đưa đi cấp cứu [132].

Trong quá trình giải quyết vụ án có hai quan điểm về việc xác định tội danh đối với Nguyễn Văn Sáng. Quan điểm thứ nhất cho rằng Nguyễn Văn Sáng phạm tội giết người. Quan điểm thứ hai cho rằng Nguyễn Văn Sáng không phạm tội giết người mà phạm tội cố ý gây thương tích với hậu quả dẫn đến chết người.

Trong trường hợp này, tác giả thống nhất với quan điểm thứ hai, bởi lẽ: Về ý thức chủ quan Nguyễn Văn Sáng thể hiện chỉ mong muốn hoặc để mặc cho nạn nhân bị thương, bị tổn hại cho sức khỏe, chứ không mong muốn nạn nhân chết, hậu quả chết người xảy ra nằm ngoài ý muốn chủ quan của Sáng. Về hành vi khách quan, Sáng dùng tay không đâm vào mặt, sau đó đâm vào tai trái anh Đạm mà không hề suy nghĩ, đắn đo hay tính toán. Đây chỉ là hành vi bột phát, nóng vội trong lúc bức tức xuất phát từ mâu thuẫn trong lúc ăn sáng có uống rượu. Bên cạnh đó, xét về mối quan hệ, thái độ trước đó giữa Sáng và anh Đạm thì giữa họ không hề có mâu thuẫn hay thù tức cá nhân với nhau. Do vậy, việc xác định Nguyễn Văn Sáng phạm tội cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS là phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội.

- Bên cạnh đó, còn một số vướng mắc liên quan trong việc xác định như thế nào là phạm tội có tính chất côn đồ, như thế nào là sử dụng hung khí nguy hiểm, như thế nào là gây cố tật nhẹ... Từ đó dẫn đến áp dụng hình phạt chưa thống nhất giữa VKS và Tòa án.

- Quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và CQĐT nhìn chung là tốt, hợp tác, tạo điều kiện cho nhau hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, trong quan hệ phối hợp giải quyết một số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thể sự đồng thuận chưa cao; CQĐT chưa tạo điều kiện để VKS tiếp cận thông tin điều tra kịp thời để VKS giải quyết vụ án.

- Hoạt động phối hợp trong việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can một số vụ còn mang tính hình thức; công tác phối hợp trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn có lúc còn chưa chặt chẽ, VKS chưa kiểm sát chặt chẽ các trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc có kiểm sát nhưng do nể nang nên phê chuẩn các trường hợp bất không đúng quy định pháp luật.

Sau khi VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn Lệnh tạm giam, còn có vụ án cố ý gây thương tích KSV không đề ra yêu cầu điều tra hoặc đề ra yêu cầu điều

tra chung chung không có tác dụng đối với công tác điều tra; thiếu kiểm tra, đơn đốc ĐTV thực hiện yêu cầu điều tra, thụ động chờ hồ sơ kết thúc điều tra chuyển đến.

- VKSND chưa chủ động phối hợp với CQĐT trong một số hoạt động điều tra vụ án cố ý gây thương tích như hoạt động hỏi cung bị can, hoạt động giám định, đối chất, ... nên có những thông tin mâu thuẫn trong quá trình điều tra vụ án, nhưng hai ngành không kịp thời trao đổi với nhau để xử lý kịp thời, dẫn đến việc điều tra vụ án kéo dài hoặc bị Tòa án trả lại yêu cầu điều tra bổ sung, thậm chí có vụ án không thể thu thập được các tài liệu, chứng cứ dẫn đến không đưa vụ án ra xét xử được.

- Hoạt động phối hợp giữa VKSND và TAND trong truy tố, xét xử trong một số vụ án cố ý gây thương tích còn chưa chặt chẽ dẫn đến chưa có sự thống nhất về quan điểm giải quyết vụ án. Trong hoạt động THQCT tại phiên tòa, một số KSV còn thụ động trong xét hỏi, thiếu nhạy bén trong xử lý tình huống; việc tranh luận của KSV tại một số phiên tòa chưa thực sự thuyết phục, chất lượng tranh luận chưa cao do KSV không nghiên cứu kỹ nội dung vụ án và tại phiên tòa lại không tập trung ghi chép, bám sát diễn biến tại phiên tòa.

- Vẫn còn xảy ra những trường hợp do xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, triệu tập không đầy đủ những người liên quan tham gia phiên tòa, dẫn đến sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nội dung. Số bản án, quyết định có sai sót bị huỷ hoặc sửa mặc dù hạn chế hơn trước, song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Có những trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại cả những vấn đề đã được điều tra đầy đủ hoặc những vấn đề không liên quan đến việc giải quyết vụ án; hủy án sơ thẩm không phải do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Việc ban hành các kiến nghị, kháng nghị và yêu cầu của VKS đối với CQĐT, Tòa án để khắc phục những thiếu sót, vi phạm pháp luật trong quá trình xét xử còn hạn chế. Vẫn còn hiện tượng cả nể, thiếu kiên quyết dẫn đến hoạt động thu thập chứng cứ, sử dụng, đánh giá chứng cứ để chứng minh tội phạm của CQĐT, Tòa án chưa đầy đủ và chặt chẽ, còn dễ xảy ra những vi phạm về trình tự, thủ tục tố tụng, gây khó khăn cho việc giải quyết án.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc

Hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKSND có những hạn chế, vướng mắc trên là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan

- *Quy định của BLTTHS năm 2003 về thực hành quyền công tố kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác còn nhiều bất cập.*

Một số bất cập của BLTTHS năm 2003 được thể hiện cụ thể như: Luật chưa có quy định hoặc có quy định nhưng chưa rõ ràng, còn chung chung, chưa có hướng dẫn cụ thể. Cụ thể, BLTTHS năm 2003 chưa quy định chặt chẽ, rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đặc biệt là chưa quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Ví dụ: Tại phần thủ tục bắt đầu phiên toà, BLTTHS năm 2003 chưa quy định trong trường hợp chủ tọa phiên toà hỏi ý kiến KSV về việc những người tham gia tố tụng như: người làm chứng, người bị hại hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà thì KSV khi thể hiện quan điểm có bắt buộc phải dẫn chứng điều luật cụ thể của BLTTHS năm 2003 hay không; chưa có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV khi phát hiện vi phạm xảy ra tại phần thủ tục bắt đầu phiên toà, trường hợp nào KSV cần kiến nghị ngay tại phiên toà,...; Việc pháp luật TTHS chưa hoàn thiện, còn nhiều lỗ hổng dẫn tới việc các cơ quan tiến hành tố tụng phải ban hành các văn bản hướng dẫn trong nội bộ ngành, giữa các văn bản hướng dẫn của các cơ quan tiến hành tố tụng có nhiều quan điểm trái chiều, chưa thống nhất đã dẫn đến tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng như hiện nay; BLTTHS năm 2003 không quy định về căn cứ kháng nghị, dẫn đến tình trạng VKS kháng nghị không được Tòa án chấp nhận; BLTTHS năm 2003 chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa THQCT và kiểm sát điều tra với THQCT và kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

Quy chế công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các VAHS, Quy chế công tác THQCT và kiểm sát xét xử các VAHS đã được Viện trưởng VKSNDTC ban hành nhưng vẫn còn nặng về nhắc lại các quy định của BLTTHS và Luật tổ chức VKSND nên chưa thể hiện đầy đủ quy trình tác nghiệp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong mỗi khâu công tác.

Việc hướng dẫn, giải thích của cơ quan có thẩm quyền còn chậm, làm cho người thực thi pháp luật hiểu và áp dụng không thống nhất, trong đó có tội phạm cố ý gây thương tích. Hệ thống các cơ quan giám định tư pháp như giám định pháp y, giám định dấu vết, giám định khoa học - kỹ thuật hình sự còn thiếu, hạn chế, bất cập gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án cố ý gây thương tích.

Đối với BLTTHS năm 2015, mặc dù đã bổ sung một điều luật riêng về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, có thể thấy những quy định tại Điều 266 như: Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa, việc xét hỏi, xem xét vật chứng; luận tội, tranh luận,... Đây là nhiệm vụ của KSV khi thực hiện chức năng chứ không phải thực hiện quyền của VKS trong giai đoạn này. Quy định như trên, chưa thể hiện được hết các quyền năng của VKS khi THQCT tại phiên tòa, thực hiện quyền buộc tội đối với bị cáo và các quyền khác liên quan đến hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Do vậy, cần bổ sung các quyền hạn pháp lý cụ thể của VKSND thuộc nội dung THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để thực hiện chức năng buộc tội người phạm tội tại phiên tòa.

Về trình tự xét hỏi tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, BLTTHS năm 2015 tuy đã có sửa đổi để phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và đảm bảo nguyên tắc tranh tụng. Tuy nhiên, lại chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao vai trò của VKS trong THQCT cũng như đảm bảo tính tranh tụng của KSV tại phiên tòa. Theo quy định BLTTHS năm 2015, Chủ tọa phiên tòa là người điều hành việc xét hỏi, tranh luận, là người hỏi trước sau đó đến Hội thẩm nhân dân rồi mới tới KSV. Điều này, theo chúng tôi là chưa hợp lý bởi có một số vụ án, sau khi Chủ tọa hỏi bị cáo thừa nhận, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, việc phạm tội đã được làm rõ thì KSV hầu như không còn gì để hỏi, nếu có cũng chỉ lặp lại câu hỏi của Chủ tọa về hành vi phạm tội của bị cáo. Đến phần tranh luận thì giữa KSV và người bào chữa cho bị cáo vì thế cũng không có gì để tranh luận vì tất cả đã giải quyết hết tại phần xét hỏi. Điều này mặc nhiên thừa nhận việc Tòa án tự chứng minh hành vi phạm tội, không đúng với chức năng chính của Tòa án là chức năng xét xử, đồng thời, không đảm bảo việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan

- Năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ, Kiểm sát viên còn hạn chế; chưa làm hết trách nhiệm được giao.

Một số cán bộ, Kiểm sát viên được phân công THQCT, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự chưa thực sự quán triệt đầy đủ, sâu sắc Chỉ thị 53 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 48, Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị, cũng như Chỉ thị công tác hằng năm của Viện trưởng VKSND tối cao; chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của VKSND trong TTTHS; chưa thực hiện đầy đủ chức năng THQCT và hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật các vụ án hình sự nói chung, các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng mà BLTTTHS, Luật tổ chức VKSND đã quy định.

Một số KSV do chưa được đào tạo cơ bản và không thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nên chưa nắm vững các quy định của BLTTTHS, Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn nên việc vận dụng pháp luật giải quyết vụ án, thao tác nghiệp vụ còn lúng túng; hạn chế cả về lý luận, phương pháp đánh giá chứng cứ, định tội danh..., đề đề xuất lãnh đạo đường lối xử lý, phê chuẩn các quyết định của CQĐT, quyết định truy tố và đường lối xét xử cũng như việc tham mưu đề xuất lãnh đạo kiến nghị, kháng nghị những thiếu sót, vi phạm pháp luật của CQĐT, Tòa án và khắc phục nguyên nhân nảy sinh tội phạm. Một số KSV chưa làm hết trách nhiệm trong các khâu nghiệp vụ được phân công, còn nể nang, ngại va chạm; chưa nhận thức đầy đủ giữa yêu cầu không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội với việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Công tác tổ chức cán bộ còn chưa thật sự hợp lý và khoa học.

Về biên chế cán bộ, KSV trực tiếp làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vừa thiếu, lại không cân đối giữa khối lượng công việc với lực lượng KSV hiện có dẫn đến tình trạng quá tải ở một số bộ phận thực hiện hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm án hình sự. Trong khi đó, để thực hiện chủ trương tinh giản biên chế của Đảng và Nhà nước đặt ra là đến năm 2021 ngành Kiểm sát phải giảm 10% tổng biên chế bằng 1.586 người [125]. Theo thống kê của Vụ Tổ chức cán bộ VKSND tối cao, tính đến năm 2015, tổng số biên chế của VKSND các cấp có 15.860 người. Trong đó,

biên chế, số lượng, cơ cấu cụ thể là: Tại VKSND tối cao có 920 người; VKSND cấp cao có 450 người; VKSND cấp tỉnh có 4.153 người; VKSND cấp huyện có 10.337 người).
[xem Bảng 1.6 - Phụ lục]

Tổng số biên chế cán bộ, KSV của Vụ 2 VKSNDTC có 34 người, bao gồm 12 người là Kiểm sát viên cao cấp, 04 KSV trung cấp, 1 KSV sơ cấp, 01 Kiểm tra viên cao cấp, 06 Kiểm tra viên chính, 10 chuyên viên; tổng số biên chế của Vụ 7 có 22 người, bao gồm 01 Kiểm sát viên VKSNDTC, 06 KSV cao cấp, 03 KSV trung cấp, 03 KSV sơ cấp và 07 chuyên viên. Đối với VKSND cấp tỉnh, có 63 phòng nghiệp vụ (Phòng 2) và 63 phòng nghiệp vụ (Phòng 7) VKSND cấp tỉnh được phân công nhiệm vụ THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm sơ thẩm án hình sự về trật tự xã hội, với tổng số biên chế có 1.806 cán bộ. Trong đó, có 893 KSV trung cấp, 32 Kiểm tra viên chính, 462 KSV sơ cấp; 278 chuyên viên, còn lại 141 là cán bộ ngạch công tác khác. Bộ phận hình sự ở cấp huyện là 4.273 người, trong đó KSV trung cấp là 465 người, KSV sơ cấp là 1.980 người, chuyên viên và cán bộ ngạch công tác khác là 1.634 người. [xem Bảng 1.7 - Phụ lục]

Qua phân tích các số liệu trên, tác giả nhận thấy cán bộ, KSV làm nhiệm vụ THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng còn thiếu so với số lượng án thụ lý, giải quyết hàng năm và không có KSV chuyên trách làm hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích. Tình trạng một KSV được giao THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm một số lượng vụ án lớn dẫn đến quá tải về công việc xảy ra phổ biến ở các VKSND địa phương có lượng án hình sự nhiều nên khó có thể đáp ứng yêu cầu về chất lượng hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích.

Công tác tuyển dụng, quy hoạch, sử dụng, sắp xếp và bổ nhiệm cán bộ, KSV ở một số VKS địa phương còn chưa khoa học và hợp lý. Thực tế trong thời gian vừa qua ở một số VKS các cấp, do chế độ đãi ngộ và thu nhập thấp, điều kiện tiêu chuẩn tuyển chọn KSV lại khắt khe nên chưa thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng, tâm huyết với Ngành, dẫn đến chất lượng đầu vào KSV ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu công tác, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi, vùng sâu khó khăn. Bên cạnh đó, một số VKSND các cấp chưa tuân thủ triệt để quy chế tuyển dụng của Ngành trong quá trình thi và xét tuyển; công tác quy hoạch cán bộ chưa được quan tâm đúng mức và chưa có chiến lược dài hạn; việc bố trí, sử dụng và

bổ nhiệm cán bộ, KSV còn chưa cân đối và hợp lý từ đó làm ảnh hưởng nhất định tới chất lượng, hiệu quả công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp của Ngành nói chung và hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

- Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và việc thực hiện quan hệ phối hợp còn có những hạn chế nhất định.

Lãnh đạo một số VKS phân công KSV giải quyết vụ án chưa phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác; việc trực tiếp chỉ đạo giải quyết án chưa sâu sát hoạt động của KSV, không bám sát tiến độ giải quyết án nên hiệu quả chỉ đạo còn hạn chế và chưa kịp thời. Việc phân công KSV trong các khâu THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm nhiều khi chưa bảo đảm tính thống nhất và chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ, không mang tính chuyên sâu mà thường xuyên thay đổi việc phân công nhiệm vụ, không mang tính ổn định. Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong đơn vị, giữa cấp trên, cấp dưới có lúc chưa được thường xuyên, chặt chẽ.

Việc thực hiện quan hệ phối hợp giữa CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án trong công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án cố ý gây thương tích đôi khi còn thiếu chặt chẽ; có lúc, có nơi còn thể hiện “quyền anh, quyền tôi” trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài những nguyên nhân trên, vấn đề hợp tác quốc tế trong việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này chưa được quan tâm, chú trọng; cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành KSND còn thiếu và chưa hiện đại; chính sách đãi ngộ, điều kiện làm việc chưa tốt cũng ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thời gian vừa qua.

Kết luận chương 3

Qua khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ năm 2007 đến năm 2016 trong Chương ba của luận án đã rút ra một số kết luận sau:

- Bằng những số liệu thống kê và qua việc phân tích, đánh giá cụ thể trong các khâu công tác của quá trình tố tụng giải quyết vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã làm rõ thực trạng các hoạt động THQCT và kiểm sát

điều tra, như: Thực trạng THQCT và kiểm sát khởi tố vụ án, khởi tố bị can; trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn; trong hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng; trong hoạt động THQCT và kiểm sát việc khám xét, thu giữ vật chứng; thực trạng trong hoạt động kiểm sát việc kết thúc điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, ... và thực trạng hoạt động THQCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm, như: Thực trạng THQCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; trong THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa hình sự sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động THQCT, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để đưa ra nhận xét, đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thực tiễn thời gian vừa qua. Đồng thời, chỉ ra nguyên nhân khách quan và chủ quan của hạn chế, tồn tại, vướng mắc đó để làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp cụ thể ở chương bốn của luận án. Mặt khác, còn giúp cho KSV nhận thức được vấn đề này để có thể phát huy những mặt tích cực và rút kinh nghiệm, tránh mắc phải những tồn tại, thiếu sót, vi phạm trong quá trình giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thời gian tới.

Chương 4

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC Ở VIỆT NAM

4.1. Yêu cầu của các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trên cơ sở những kết quả đạt được cũng như những mặt còn hạn chế, khó khăn, vướng mắc của VKSND trong việc giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thời gian qua, đòi hỏi các giải pháp, kiến nghị đưa ra phải đúng với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các giải pháp, kiến nghị đó phải bám sát được với thực tiễn và cơ bản giải quyết được những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Bên cạnh đó, phải đảm bảo phù hợp với quan điểm phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người nói riêng, đó là:

Một là, phù hợp và thể hiện định hướng cải cách tư pháp về chính sách hình sự, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền con người trong tố tụng hình sự, góp phần chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không gây oan, sai cho người vô tội.

Hai là, phải trên cơ sở cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, các quy định của pháp luật hiện hành và xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam về: Cơ chế kiểm soát quyền lực; chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; bảo đảm nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền và trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; bảo đảm quá trình giải quyết vụ án hình sự được khách quan, kịp thời và đạt hiệu quả. Tiếp tục duy trì và phát huy những ưu điểm vốn có của cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, mối

quan hệ giữa CQĐT, Viện kiểm sát nhân dân và TAND; phải xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án cố ý gây thương tích; bảo đảm những nguyên tắc của pháp luật quốc tế về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền tự do dân chủ của công dân.

Ba là, hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích của VKSND phải đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này và góp phần cùng với CQĐT và Tòa án phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh mọi hành vi cố ý gây thương tích, bảo đảm các quyết định và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có căn cứ, tuân thủ quy định pháp luật. Không để xảy ra các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam, bị khởi tố điều tra, truy tố, xét xử oan, sai khi giải quyết vụ án.

Bốn là, các giải pháp, kiến nghị đưa ra phải dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam. Đồng thời, các giải pháp, kiến nghị đưa ra phải xuất phát từ những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thời gian qua. Đặc biệt, các giải pháp, kiến nghị này phải nhằm tháo gỡ, khắc phục, giải quyết những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực tế để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở nước ta hiện nay và trong những năm tới.

Các yêu cầu trên là cơ sở, nền tảng và là các yếu tố trực tiếp ảnh hưởng, tác động đến hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đồng thời là căn cứ để tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

4.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

4.2.1. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

- Khác với các loại tội phạm khác được quy định trong BLHS, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm không chỉ chiếm tỷ lệ cao nhất cả về số lượng tội phạm và cả về số lượng bị can, bị cáo so với các tội phạm được quy định trong Chương XII BLHS năm 1999 (Chương XIV BLHS năm 2015) mà còn là loại tội phạm xảy ra ở tất cả các xã phường, thị trấn trong phạm vi cả nước, đồng thời là loại tội phạm có mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến mức cao nhất là chung thân, lại đa dạng về đối tượng phạm tội...Chính vì vậy, có thể nói tất cả các VKSND cấp huyện, cấp tỉnh đều tham gia THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm. Do đó, trong thực tiễn để bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội đòi hỏi tất yếu phải tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành không chỉ trong nội bộ từng VKS mà đòi hỏi cả đối với VKS cấp trên đối với VKS cấp dưới.

Hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành được hiểu là hoạt động của Viện trưởng, Phó viện trưởng VKSND và những người có thẩm quyền trong ngành Kiểm sát nhân dân được tổ chức phân công điều hành các đơn vị và KSV, cán bộ dưới quyền thực hiện hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích nhằm bảo đảm việc phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm được tiến hành kịp thời, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Để thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thì lãnh đạo VKSND các cấp cần tập trung thực hiện một số công việc sau:

+ Phân định rõ thẩm quyền về hành chính tư pháp và thẩm quyền về tố tụng trong quản lý, điều hành của Viện trưởng đối với KSV. Đối với nhóm quan hệ về hành chính tư pháp, KSV phải tuân theo sự chỉ đạo của Viện trưởng, tính độc lập của KSV bị hạn chế. Đối với nhóm quan hệ trong hoạt động tố tụng và kiểm sát hoạt động tư pháp, cần phân định rõ nhiệm vụ nào KSV được độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, tự quyết định, tự chịu trách nhiệm; nhiệm vụ nào KSV phải báo cáo và thẩm quyền quyết định do Viện trưởng VKSND.

+ Cần có phương thức làm việc, phối hợp linh hoạt giữa cấp trên, cấp dưới và cách thức giải quyết trong những trường hợp có mâu thuẫn về quan điểm xử lý vụ án cố ý gây

thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác giữa hai cơ quan, giữa KSV với lãnh đạo phòng, lãnh đạo Viện.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong chương trình, kế hoạch công tác. Phân công, bố trí cán bộ quản lý, KSV phải “Vì việc mà chọn người”, phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của từng người; khuyến khích phát huy năng lực sở trường, tính năng động, vận dụng sáng tạo các biện pháp, cách thức thực hiện kỹ năng nghề nghiệp nhằm thực hiện nhiệm vụ trong từng vụ án, nhất là đối với các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Lãnh đạo trong từng VKSND mỗi cấp cần chú ý việc lựa chọn và phân công KSV tham gia THQCT và kiểm sát việc giải quyết vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngay từ đầu, nhất là đối với các vụ án cố ý gây thương tích phức tạp, khó khăn trong việc đánh giá chứng cứ hoặc có nhiều quan điểm khác nhau trong việc định tội danh,... lãnh đạo Viện cần trực tiếp chỉ đạo hoặc kiểm tra KSV trong việc thực hiện công tác chuẩn bị xét xử, dự thảo luận tội, đề cương xét hỏi, dự kiến những tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đảm bảo các hoạt động của KSV, các quyết định tố tụng, các kiến nghị, yêu cầu ban hành trong quá trình phối hợp với CQĐT và Tòa án đúng quy định của pháp luật. Tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để CQĐT tiến hành nhanh chóng khám phá vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ, toàn diện để truy cứu trách nhiệm người phạm tội. Hàng tuần, lãnh đạo phải yêu cầu KSV thụ lý kiểm sát điều tra vụ án báo cáo tình hình, những biện pháp tố tụng áp dụng trong hoạt động điều tra vụ án có chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật hay không, nếu có vi phạm thì cách khắc phục như thế nào; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án cố ý gây thương tích để kịp thời chỉ đạo. Các báo cáo, đề xuất của KSV phải bằng văn bản, nêu rõ quan điểm cá nhân về đánh giá chứng cứ, có tội hay không? Tội gì? Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và đường lối giải quyết vụ án. Tất cả các đề xuất của KSV trong quá trình KSĐT, kiểm sát xét xử phải được lãnh đạo phê duyệt cụ thể để đề cao trách nhiệm cá nhân. Thường xuyên hoặc bất thường kiểm tra hồ sơ vụ án của KSV để phát hiện những thiếu sót, vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục và rút kinh nghiệm chung trong công tác.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của VKSND cấp trên đối với VKSND cấp dưới trong việc giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

+ Định kỳ hàng năm theo chỉ thị công tác của Viện trưởng VKSND tối cao, VKSND cấp tỉnh, VKSND tối cao thành lập các đoàn kiểm tra nghiệp vụ THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án hình sự nói chung đặc biệt là các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc kiểm tra nghiệp vụ tập trung vào những vụ án đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, các vụ án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn có những quan điểm khác nhau, thông qua đó phát hiện vi phạm pháp luật TTHS và việc áp dụng BLHS. Căn cứ vào kết quả kiểm tra và tùy theo mức độ vi phạm có thể yêu cầu VKS cấp dưới rút kinh nghiệm hoặc báo cáo Viện trưởng đề kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

+ Đối với các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được dư luận xã hội quan tâm, sau khi TAND cấp huyện, TAND cấp tỉnh xét xử sơ thẩm vẫn có nhiều quan điểm khác nhau được phản ánh qua báo chí, truyền thông, VKSND cấp trên nếu xét thấy cần thiết phải xem xét lại quan điểm truy tố và thực tiễn xét xử thì yêu cầu VKSND cấp dưới cung cấp hồ sơ và báo cáo kết quả THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm thông qua đó để phát hiện vi phạm của VKSND cấp dưới. Nếu có phát hiện vi phạm nghiêm trọng pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật hình sự và đang trong thời hạn kháng nghị phúc thẩm thì yêu cầu VKSND cấp dưới kháng nghị. Trong trường hợp đã hết 15 ngày kháng nghị của VKSND cấp dưới nhưng trong thời hạn 30 ngày thuộc thẩm quyền kháng nghị của VKSND cấp trên thì VKSND cấp trên ban hành kháng nghị phúc thẩm. Trường hợp hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm thì đề nghị VKSND cấp cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm để kịp thời khắc phục vi phạm.

4.2.2. Kiện toàn công tác tổ chức cán bộ trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Các văn kiện của Đảng, trong đó có Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu rõ việc đổi mới công tác tổ chức và cán bộ là một trong những biện pháp đặc biệt quan trọng để VKSND có thể làm tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp [3]; Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra chủ trương

“Nghiên cứu thực hiện thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp”
[5]. Yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Trước sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, cùng với diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm và thực tế ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực của cán bộ, KSV thực hiện nhiệm vụ THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự nói chung, các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng vẫn còn dễ xảy ra các vụ án oan, sai trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy, cần phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác tổ chức cán bộ với các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần thực hiện tốt công tác tuyển dụng cán bộ, Kiểm sát viên. Cần xác định rõ cán bộ, Kiểm sát viên là những người làm việc trong môi trường đặc thù, với áp lực công việc cũng như yêu cầu, đòi hỏi về trách nhiệm rất cao. Chính vì vậy, trong quá trình thi, tuyển dụng cán bộ, trước hết cần cải cách phương thức thi tuyển để có thể lựa chọn được những người có trình độ chuyên môn tốt, có khả năng về tin học, ngoại ngữ, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, không bị cám dỗ, vụ lợi cá nhân. Để đảm bảo được các tiêu chuẩn, điều kiện này, đòi hỏi VKSND các cấp phải thông báo công khai, rộng rãi về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và nhu cầu tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng; khi tuyển dụng phải chú trọng đến công tác sơ tuyển, bảo đảm người được tuyển dụng không bị khiếm khuyết về hình thể, không nói lắp, nói ngọng, có khả năng tư duy, phân tích tốt, có khả năng diễn thuyết, hùng biện. Công tác tuyển dụng phải công khai, công bằng và trên nguyên tắc thi tuyển hoặc xét tuyển phải có số dư hơn số dự định tuyển dụng để lựa chọn người có trình độ, năng lực chuyên môn; kiên quyết loại bỏ các yếu tố tiêu cực trong thi tuyển. Thực hiện việc tuyển đủ biên chế được giao, bảo đảm có chất lượng. Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu ưu tiên tuyển thẳng vào Ngành không qua thi tuyển đối với những người có bằng Tiến sĩ luật, hoặc tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh có bằng tốt nghiệp loại giỏi.

Đồng thời, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cũng như mở rộng phạm vi, đối tượng thi tuyển để thu hút được người có năng lực, có trình độ chuyên môn giỏi, tâm huyết vào Ngành.

Thứ hai, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ, KSV. Công tác quy hoạch cán bộ phải được thực hiện thường xuyên và có tính chiến lược dài hạn nhằm tạo nguồn cán bộ, KSV cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của Ngành, đảm bảo được tính liên tục, kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt, chấp

vá trong công tác cán bộ. Muốn vậy, phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng KSV, cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Ngành, của từng đơn vị. Quá trình bố trí, sử dụng phải tính tới sự phù hợp về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của từng cán bộ, KSV, bảo đảm tính khoa học, hợp lý trong việc bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời, VKSND các cấp cần chủ động rà soát đội ngũ cán bộ, KSV làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX án trật tự xã hội để đánh giá năng lực thực tế thông qua việc giải quyết các vụ án được phân công. Trường hợp người nào để xảy ra nhiều vụ án bị hủy, trả điều tra vì thiếu chứng cứ, không bảo vệ được cáo trạng đã truy tố, án bị Tòa án tuyên không phạm tội do thực hiện không đầy đủ trách nhiệm trong hoạt động nghiệp vụ thì lãnh đạo Viện cần phải chuyển họ tới vị trí công tác khác hoặc tinh giản biên chế theo quy định.

- *Thứ ba*, thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh tư pháp của VKSND. Hằng năm, VKSND các cấp căn cứ vào chỉ tiêu số lượng KSV, các ngạch đã được phân bổ cho từng cấp để tiến hành việc bổ nhiệm KSV. Đối với các đơn vị làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX án hình sự phải chủ động xây dựng kế hoạch đưa cán bộ dự thi chức danh KSV kịp thời bổ sung vào các đơn vị, bộ phận còn thiếu, tránh tình trạng không phải KSV nhưng vẫn tham gia thực hiện các hoạt động tố tụng. Việc tổ chức thi tuyển chức danh KSV cần giao cho hai cơ sở đào tạo của Ngành để tổ chức ôn thi và tổ chức thi nhằm bảo đảm chặt chẽ, nghiêm túc, từ đó mới đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong việc bổ nhiệm các chức danh KSV và lựa chọn được những người có trình độ, năng lực chuyên môn, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt vào ngành KSND.

Thứ tư, Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần chủ động trong việc tăng cường, điều động và bố trí hợp lý cán bộ, KSV của Vụ THQCT và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội (Vụ 2), Vụ THQCT và kiểm sát xét xử (Vụ 7) - VKSND tối cao; Phòng 2, Phòng 7 của VKSND cấp tỉnh và Bộ phận hình sự của VKSND cấp huyện; trong đó, cần tập trung lực lượng cán bộ, KSV có chuyên môn nghiệp vụ cao trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

4.2.3. Thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên

- Thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, KSV. Từ trước đến nay, việc cải cách bộ máy Nhà nước nói

chung, cải cách các cơ quan tư pháp nói riêng trước hết phải bắt đầu từ vấn đề con người, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *“Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sang, vàng càng luyện càng trong”* [42]. Chính vì vậy, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống là đòi hỏi có tính thường xuyên, liên tục đối với người cán bộ kiểm sát. Do đó, KSV phải nhận thức được tính chính trị trong hoạt động của mình, phải luôn nắm vững chủ trương, chính sách Đảng và Nhà nước để từ đó vận dụng vào công tác nghiệp vụ kiểm sát. Việc rèn luyện ý thức chính trị phải đi đôi với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ kiểm sát. Hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án hình sự là hoạt động nhạy cảm, KSV hàng ngày, hàng giờ tiếp xúc với những mặt trái của xã hội, nhiều đối tượng khác nhau, nhiều cám dỗ vật chất. Nếu KSV không rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp sẽ rất dễ bị mua chuộc, lôi kéo và sẽ đi đến vi phạm pháp luật.

- Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án có ý gây thương tích, đòi hỏi các cơ sở đào tạo của ngành KSND cần đổi mới nội dung, phương pháp, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tăng cường kỹ năng công tác nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu các khâu nghiệp vụ về định tội danh, về quyết định hình phạt và kỹ năng THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đồng thời, phải chủ động trong việc biên soạn, xây dựng Tập bài giảng chuyên sâu về hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX đối với loại tội phạm này dưới dạng chuyên đề để dùng làm tài liệu học tập, nghiên cứu cho học viên; về phương pháp giảng dạy cần kết hợp thuyết giảng với trao đổi tương tác giữa giảng viên với học viên, kết hợp giảng dạy lý luận với báo cáo thực tế về các vụ án có ý gây thương tích điển hình, trọng điểm được dư luận quan tâm. Mặt khác, các cơ sở đào tạo của Ngành cần phối hợp chặt chẽ với các Vụ nghiệp vụ của VKSND tối cao với VKSND cấp cao và VKSND các địa phương để tổng kết, nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện lý luận về tội có ý gây thương tích; về công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự; phân biệt tội có ý gây thương tích với các loại tội phạm khác ... Bên cạnh đó, khi về học tập tại trường, Kiểm sát viên làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích cần được cập nhật những kiến thức và quy định mới trong các lĩnh vực, đặc biệt là việc tiếp cận và nắm bắt những thủ đoạn phạm tội mới đối với loại tội phạm này.

- Viện kiểm sát nhân dân các cấp phải tạo mọi điều thuận lợi, động viên KSV phải có ý thức tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện đảm bảo đáp ứng yêu cầu về xây dựng đội ngũ Kiểm sát viên *“Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”*. Hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án hình sự là lĩnh vực công tác đặc thù, phải nghiên cứu rất nhiều nguồn văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, ngoài ra trong từng vụ việc cụ thể còn phải nghiên cứu nhiều văn bản quy định về chủ trương, chính sách, chế độ... do Đảng và Nhà nước ban hành, trong khi đó hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên thay đổi. Vì vậy, ngoài kiến thức cơ bản được đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo, bắt buộc cán bộ, KSV phải luôn tự tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu nhằm cập nhật, nắm vững hệ thống các văn bản pháp luật mới; tự học hỏi kỹ năng, kinh nghiệm của ĐTV, Kiểm sát viên, Thẩm phán có thâm niên công tác để tổng hợp, tích lũy kinh nghiệm cho bản thân.

- Ngoài việc cử cán bộ, KSV đi học tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Ngành theo quy định, VKSND các địa phương cần chủ động trong việc tự đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, KSV của mình ngay tại địa phương bằng các hình thức như: Lãnh đạo VKSND các địa phương giao cho các cán bộ, KSV có kinh nghiệm hướng dẫn, kèm cặp cho các KSV mới vào ngành; hoặc thành lập các tổ cán bộ, KSV do một Phó viện trưởng làm Tổ trưởng để chuyên theo dõi, thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho KSV của đơn vị; phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Ngành để mở lớp các lớp bồi dưỡng ngay tại địa phương theo từng khâu công tác chuyên sâu hoặc bồi dưỡng chuyên sâu từng loại tội cụ thể mà VKS địa phương thấy cần thiết. Bên cạnh đó, VKSND các cấp định kỳ phải tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có ý gây thương tích bị oan, sai; tập hợp những kỹ năng, kinh nghiệm để xây dựng thành các chuyên đề nghiệp vụ nhằm phổ biến, tuyên truyền hàng năm cho cán bộ, KSV của đơn vị.

4.2.4. Đổi mới và nâng cao chất lượng các biện pháp nghiệp vụ của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội phạm cố ý gây thương tích là một trong những loại tội phạm phức tạp, khó điều tra, xử lý. Vì vậy, trong quá trình THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các

vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Kiểm sát viên cần tập trung vào một số nội dung, phương pháp sau:

- Phân công những KSV có chuyên môn, kinh nghiệm, có bản lĩnh trực tiếp THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra của ĐTV, hoạt động xét xử của HĐXX tại phiên tòa. Kiểm sát viên được phân công nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tình tiết, tài liệu, chứng cứ được thu thập để kết luận việc xác minh, làm rõ những dấu hiệu tội phạm cố ý gây thương tích.

- Trong công tác giám định, khi thấy có mâu thuẫn về kết quả giám định của các cá nhân, tổ chức giám định khác nhau, thì KSV đề nghị Giám định viên, cơ quan giám định giải thích rõ ràng về quá trình tiến hành giám định, về hồ sơ và những căn cứ thực tiễn cũng như cơ sở khoa học của kết luận giám định. Đồng thời, phải kết hợp nghiên cứu, đánh giá sự phù hợp hay mâu thuẫn của kết quả giám định với các chứng cứ khác. Sau đó, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ quyết định sử dụng kết quả giám định của cá nhân hay tổ chức giám định nào. Việc sử dụng kết quả giám định nào phải căn cứ vào tính pháp lý, tính khoa học, tính khách quan và sự phù hợp của kết luận giám định với những chứng cứ khác.

- Trong công tác kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Sau khi nhận quyết định khởi tố kèm theo tài liệu liên quan, VKS phải phân công KSV khẩn trương nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để khẳng định việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can là có căn cứ và đúng pháp luật không cũng như hướng giải quyết vụ án.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong hoạt động điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: KSV phải nắm chắc các căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi và hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn theo đúng quy định của BLTTHS. Chống khuynh hướng lấy việc bắt, tạm giữ, tạm giam thay cho các biện pháp điều tra. Trước hết, phải quán triệt đầy đủ những quy định về căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bắt tạm giam. Khi nhận được các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, KSV cần nhanh chóng xem xét kỹ các tài liệu, chứng cứ khi thấy đầy đủ căn cứ pháp luật và các điều kiện áp dụng thì phải phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn. Trong quá trình kiểm sát hoạt

động điều tra, nếu thấy bị can phạm tội cố ý gây thương tích có đủ điều kiện, căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn, nhưng CQĐT không ra lệnh, thì VKS phải kiến nghị yêu cầu ra lệnh bắt, tạm giam. Phải theo dõi chặt chẽ thời hạn tạm giam không được để tình trạng giam quá hạn, không có lệnh hoặc hợp thức hóa ra lệnh tạm giam bằng việc trả đi, trả lại hồ sơ giữa hai cơ quan để kéo dài thời hạn tạm giam. Kiểm sát viên cần lưu ý, trong các vụ án cố ý gây thương tích, công tác kiểm sát việc hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn đòi hỏi VKS phải rất thận trọng. Bởi lẽ, nếu hủy bỏ hoặc thay thế các biện pháp ngăn chặn không đúng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động điều tra khác, gây dư luận xã hội không tốt. Do vậy, trong khi tiến hành hoạt động này, VKS cần căn cứ vào các quy định của BLTTHS và BLHS hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan để xem xét tính có căn cứ và tính hợp pháp để thực hiện thẩm quyền theo luật định, kiên quyết không cho tại ngoại các đối tượng chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Đối với những vụ án cố ý gây thương tích có nhiều người tham gia, xảy ra cùng với các hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ, muốn xác định được người phạm tội phải phân hóa đối tượng, vận động thuyết phục quần chúng nhân dân ủng hộ, giúp đỡ cơ quan bảo vệ pháp luật; ngoài việc xem xét hành vi phạm tội cố ý gây thương tích, phải xem xét cả hành vi gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ để áp dụng biện pháp ngăn chặn cho chính xác, có căn cứ pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị tham gia xét xử, KSV được phân công THQCT và kiểm sát xét xử vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi, dự thảo luận tội trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững nội dung vụ án, hệ thống chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án cố ý gây thương tích. Nắm vững và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong công tác THQCT, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, BLTTHS, Quy chế THQCT, kiểm sát xét xử vụ án các vụ án hình sự. Đối với những vụ án do VKSND cấp trên THQCT và kiểm sát điều tra phải đảm bảo đủ thời gian cho Kiểm sát viên VKS cấp dưới nghiên cứu hồ sơ vụ án, thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử.

Trong quá trình THQCT, kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, KSV cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nội dung sau đây:

+ Nhận thức đúng và đầy đủ nội dung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được pháp luật quy định, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia tố tụng trong vụ án hình sự nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc yêu cầu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, đó là: “...*nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác*” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đó là: “...*nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”, cũng như các Nghị quyết của Quốc hội về nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự [05].

+ Kiểm sát viên phải thường xuyên nghiên cứu, cập nhật thông tin, nắm vững các quy định của pháp luật, nhất là các quy định của BLHS, Bộ luật TTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành; chú trọng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, vốn kiến thức xã hội...để chủ động trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Việc xét hỏi, luận tội, tranh luận ở phiên tòa thực hiện đúng quy định của BLTTHS và hướng dẫn của ngành Kiểm sát nhân dân.

+ Trước khi tham gia phiên tòa, KSV được phân công THQCT, kiểm sát xét xử các vụ án cố ý gây thương tích phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, nắm chắc nội dung vụ án, hệ thống các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, dự kiến các vấn đề cần xét hỏi, xây dựng kế hoạch tranh luận và đối đáp tại phiên tòa. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng KSV do không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, không nắm chắc các tình tiết vụ án, dẫn đến không tranh luận hoặc tranh luận không có hiệu quả với luật sư và người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, KSV phải chủ động đưa ra các câu hỏi, tranh luận làm rõ các tình tiết của vụ án, các vấn đề mới phát sinh nếu có; xác định các nội dung liên quan để định hướng tranh luận, làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Kiểm sát viên cần lưu ý phải đưa ra những chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng đối với từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

+ Bên cạnh đó, trong quá trình THQCT, kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên toà KSV phải tập trung theo dõi mọi diễn biến của phiên toà, ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi, trả lời các ý kiến mà bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng nêu lên, nhất là những ý kiến phản bác lại nội dung luận tội của KSV để chủ động tranh luận. Đây là yêu cầu hết sức quan trọng, bởi vì kết quả quá trình thẩm vấn công khai tại phiên toà sẽ giúp KSV hệ thống lại toàn bộ các chứng cứ của vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã được kiểm tra tại phiên toà để hoàn chỉnh nội dung bản luận tội; việc ghi chép đầy đủ các ý kiến sẽ giúp cho KSV chủ động trong tranh luận, xác định đúng những vấn đề trọng tâm cần phải tranh luận để bảo vệ quan điểm truy tố, luận tội. Thực tế cho thấy, để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa thì đội ngũ KSV cần phải được trang bị các kỹ năng về xây dựng đề cương xét hỏi, xây dựng dự thảo luận tội để chủ động trong việc xét hỏi và thẩm tra tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, phân tích lập luận làm rõ sự không hợp lý trong ý kiến của Luật sư bào chữa và bị cáo đưa ra; rèn luyện kỹ năng trình bày cáo trạng, luận tội, đối đáp thể hiện sự dân chủ, khách quan và tôn trọng những người tham gia tố tụng.

4.2.5. Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo yêu cầu cải cách tư pháp

Chủ trương “Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” là một trong những vấn đề cơ bản, quan trọng trong cải cách tư pháp hình sự hiện nay ở nước ta. Các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về cải cách tư pháp xác định: VKSND phải chịu trách nhiệm chính về những oan, sai trong việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, điều tra, truy tố; phải bảo đảm việc truy tố có căn cứ, đúng pháp luật, cùng với CQĐT khắc phục những vi phạm, tồn tại trong quá trình điều tra, bảo đảm không để lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Như trên đã trình bày, các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra trong thực tiễn đa dạng, phức tạp. Chính vì vậy, để bảo đảm phát hiện kịp thời, điều tra đúng pháp luật không bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội theo yêu cầu cải cách tư pháp, cần phải tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra đối với loại án này trên các phương diện sau đây:

Thứ nhất, KSV phải bám sát quá trình điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nắm chắc tiến độ điều tra, tăng cường hơn nữa trách nhiệm cá nhân, phát huy tính chủ động của KSV trong việc giải quyết vụ án, đặc biệt là việc ban hành các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố, điều tra; đề ra các yêu cầu và trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết, hạn chế đến mức thấp nhất việc phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Việc đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra là một quyền năng quan trọng và cơ bản của KSV khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Thông qua việc đề ra yêu cầu điều tra, KSV thể hiện rõ quan điểm của mình trong việc thu thập chứng cứ; đây vừa là quyền năng, đồng thời cũng thể hiện trình độ, năng lực, bản lĩnh của KSV. Vì vậy, cần đặc biệt quan tâm đến công tác này nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả yêu cầu điều tra của KSV.

Thứ hai, VKSND phải làm tốt hơn các hoạt động kiểm sát điều tra, thực hiện đúng quy định kiểm sát điều tra ngay từ giai đoạn khởi tố vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đây là một giải pháp thiết thực, tạo điều kiện để KSV nắm được bản chất vụ việc, KSV cần phối hợp với ĐTV để xác lập định hướng điều tra, xây dựng kế hoạch điều tra cụ thể nhằm bảo đảm việc điều tra, xử lý vụ án được triệt để, đúng pháp luật; định kỳ cùng với ĐTV đánh giá kết quả điều tra, thống nhất những nội dung cần tiếp tục điều tra, thực hiện đúng tiến độ điều tra và thời hạn xử lý vụ án. Thực hiện kiểm sát điều tra ngay từ đầu cũng tạo điều kiện để CQĐT và VKS thống nhất quan điểm trong việc đánh giá chứng cứ, xác định tội danh và hướng xử lý đối với người phạm tội, khắc phục cơ bản việc đùn đẩy trách nhiệm hoặc “quyền anh, quyền tôi” trong hoạt động tố tụng hình sự.

Bên cạnh các vấn đề nêu trên, VKS các cấp cần chủ động xây dựng mối quan hệ phối hợp công tác với CQĐT, nhất là xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành. Mặt khác, cần quan tâm tăng cường hơn nữa ý thức trách nhiệm của các KSV trong việc thực hiện các quyền hạn tố tụng; tăng cường hơn nữa trách nhiệm quản lý cũng như trách nhiệm tố tụng của Viện trưởng VKSND và Thủ trưởng các đơn vị, nhất là vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra của Lãnh đạo viện đối với cán bộ, KSV. Kinh nghiệm cho thấy, ở nơi nào, lãnh đạo Viện sâu sát trong quản lý, chỉ đạo, điều hành thì ở đó chất lượng,

hiệu quả công tác được nâng lên rõ rệt. Vì vậy, để thực hiện tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra thì trước hết, các cấp lãnh đạo phải thể hiện đầy đủ nhất, tập trung nhất trách nhiệm trước công việc, nhất là công tác lãnh đạo, chỉ đạo và công tác kiểm tra đối với cán bộ, KSV và VKS cấp dưới.

Thứ ba, khi kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, KSV phải kịp thời đề ra các yêu cầu đối với hoạt động điều tra, nếu CQĐT không thực hiện hoặc thực hiện không đáp ứng yêu cầu thì VKS trực tiếp tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của luật.

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu truy nã bị can; yêu cầu áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt; yêu cầu cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết. Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì VKS phải yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành các hoạt động điều tra đúng luật; tự kiểm tra việc điều tra và thông báo cho VKS; cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra; yêu cầu thay đổi và xử lý nghiêm minh ĐTV, cán bộ điều tra có vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra.

Trường hợp CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không thực hiện hoặc thực hiện không đạt yêu cầu thì VKS phải trực tiếp tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS. Cụ thể:

- Trong giai đoạn điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, VKS cần trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu nhưng không được khắc phục hoặc trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố (khoản 7 Điều 165 BLTTHS năm 2015). So với quy định tại

khoản 2 Điều 112 BLTTHS năm 2003 thì quy định tại BLTTHS năm 2015 cụ thể hơn và tăng cường hơn trách nhiệm của VKS trong hoạt động điều tra.

Thứ tư, nâng cao trách nhiệm của VKS để việc ban hành các quyết định tố tụng trong hoạt động điều tra có căn cứ, đúng pháp luật.

- Bộ luật TTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 đều quy định VKS phê chuẩn hoặc không phê chuẩn, gia hạn hoặc không gia hạn, hủy bỏ các quyết định tố tụng của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với yêu cầu điều tra vụ án.

Đây là yêu cầu quan trọng nhất của việc tăng cường trách nhiệm công tố trong điều tra các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Các quyết định tố tụng của VKS sẽ mở ra hay kết thúc các hoạt động tố tụng của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân. Các quyết định tố tụng có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với yêu cầu điều tra vụ án sẽ góp phần đặc biệt quan trọng trong việc chống làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Đối với quyết định phê chuẩn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nhất là biện pháp tạm giam cần cân nhắc kỹ lưỡng, hạn chế áp dụng biện pháp này nếu không thực sự cần thiết.

- Thực hiện nghiêm túc quy định của BLTTHS về những trường hợp VKS thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trực tiếp ra quyết định hoặc tiến hành các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án.

+ Bộ luật TTHS năm 2015 quy định VKS ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu của HĐXX (khoản 3 Điều 153 BLTTHS năm 2015). So với quy định tại BLTTHS năm 2003, VKS được tăng thêm thẩm quyền và trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự, chuyển đến CQĐT có thẩm quyền để điều tra trong trường hợp *trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm*. Đây là nhiệm vụ quan trọng để VKS chống bỏ lọt tội phạm. Đối với những vụ án mà trước đó VKS đã có yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện, các quyết định khởi tố vụ án hình sự

của VKS phải đảm bảo căn cứ. Quá trình THQCT và kiểm sát điều tra vụ án, VKS phải chặt chẽ, nếu cần thiết phải tự mình tiến hành các hoạt động điều tra quan trọng (nếu CQĐT không tích cực), để đảm bảo kết thúc điều tra và giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, tránh trường hợp VKS ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự, nhưng sau đó vụ án không được điều tra, điều tra không đầy đủ hoặc sau đó phải đình chỉ vì không chứng minh được tội phạm.

+ Bộ luật TTHS năm 2015 quy định Viện Kiểm sát có nhiệm vụ và thẩm quyền trực tiếp quyết định khởi tố bị can trong trường hợp phát hiện có người phạm tội chưa bị khởi tố, đã yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện; trường hợp sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra, VKS phát hiện có người khác thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố thì ra quyết định khởi tố bị can và trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung (khoản 3, Điều 179 BLTTHS năm 2015). Như vậy, phạm vi các trường hợp VKS quyết định khởi tố bị can đã rộng hơn và thực hiện ngay trong quá trình CQĐT đang tiến hành điều tra vụ án, chứ không phải sau khi kết thúc điều tra, hồ sơ được chuyển sang VKS như quy định tại BLTTHS năm 2003. Quy định này cho phép VKS chủ động hơn trong việc chống bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, VKS các cấp trong quá trình THQCT và kiểm sát điều tra vụ án phát hiện được những trường hợp như đã nêu trên, có đủ căn cứ khởi tố chắc chắn phải quyết định khởi tố bị can và tích cực trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS năm 2015 để làm rõ hành vi phạm tội của người bị khởi tố.

4.2.6. Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác theo yêu cầu cải cách tư pháp

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong những năm vừa qua, có thể đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử sơ thẩm như sau:

Thứ nhất, KSV phải quán triệt, thực hiện đầy đủ nội dung nguyên tắc tranh tụng và nhận thức đúng đắn, tầm quan trọng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Trước hết để bảo đảm nguyên tắc tranh tụng công khai, dân chủ giữa KSV với bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại, đương sự khác và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và đương sự đòi hỏi KSV phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc yêu cầu của nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 "Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới", Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị "Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"; Nghị quyết số 06/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội "Về nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Chỉ thị số 09/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng VKSND tối cao "Về tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa". Việc quán triệt và thực hiện các quan điểm của Đảng, Nhà nước và của Ngành về nguyên tắc tranh tụng nhằm bảo đảm cho KSV thấy được trách nhiệm các ngành KSND trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm các quyền cơ bản của con người, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

- Kiểm sát viên nhận thức được tầm quan trọng của việc tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác không chỉ đánh giá kết quả hoạt động của cả giai đoạn điều tra, truy tố mà còn có ý nghĩa quyết định trong việc bảo đảm cho Hội đồng xét xử ra bản án, quyết định đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thứ hai, thực hiện tốt công tác chuẩn bị tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Thực tiễn THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cho thấy: Ngoại trừ một số vụ án khi xảy ra giữa bị can, bị cáo và người bị hại và gia đình của họ có những thỏa thuận, thông cảm lẫn nhau, do đó không có khiếu kiện kéo dài. Còn lại hầu hết là các trường hợp sau khi xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên không giải quyết được. Đặc biệt là các vụ án có nhiều đối tượng tham gia thực hiện tội phạm gây thương tích, tổn hại sức khỏe

cho nhiều người hoặc làm nạn nhân chết, ... thường có nhiều tình tiết phức tạp. Chính vì vậy, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, KSV cần nghiên cứu hồ sơ vụ án, kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo, tránh trường hợp để gần đến ngày xét xử mới báo cáo dẫn đến không có đủ thời gian để xử lý những vấn đề mới phát sinh.

- Xây dựng đề cương xét hỏi đầy đủ cụ thể từng câu hỏi dự kiến hỏi bị cáo (từng bị cáo), bị hại (từng bị hại) và những người tham gia tố tụng khác để sử dụng hỏi tại phiên tòa, tuyệt đối không được xây dựng đề cương xét hỏi theo kiểu đối phó để lưu vào trong hồ sơ kiểm sát.

- Xây dựng dự thảo luận tội đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo (từng bị cáo), viện dẫn đầy đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo (từng bị cáo), có lập luận chứng minh cụ thể; làm rõ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo (từng bị cáo); làm rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ dân sự của bị cáo (từng bị cáo).

- Dự kiến trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra và phương hướng giải quyết như: Bị hại rút đơn khởi kiện, bị cáo chối tội, bị cáo đổi lỗi trách nhiệm cho nhau, các tình huống gây mất trật tự tại phiên tòa, ...

Thứ ba, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Là người đại diện cho VKS thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, KSV phải theo dõi, quan sát toàn bộ hoạt động của HĐXX và những người tham gia tố tụng, những người tham dự tại phiên tòa từ đầu cho đến khi kết thúc, kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật và đề nghị khắc phục, bảo đảm cho phiên tòa được tiến hành trong sự trang nghiêm và đúng pháp luật.

- Thực hiện chức năng THQCT và trực tiếp tranh tụng, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, KSV phải nắm vững và thực hiện tất cả hoạt động sau đây:

- Kiểm sát viên phải theo dõi ghi chép đầy đủ các câu hỏi của HĐXX, câu hỏi của Luật sư, bị cáo, bị hại và những tham gia tố tụng khác và câu trả lời của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng; xem xét đánh giá các tài liệu, chứng cứ nêu do bị cáo, bị hại, Luật sư và những người tham gia tố tụng xuất trình tại phiên tòa; phát hiện những

mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, ... đặc biệt là trường hợp bị cáo chối tội, đổ lỗi cho nhau...

- Kiểm sát viên trực tiếp hỏi những vấn đề mà HĐXX chưa hỏi, sử dụng chứng cứ, sử dụng mâu thuẫn để chứng minh làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo (từng bị cáo) nhằm làm rõ toàn bộ nội dung của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo (từng bị cáo).

- Kịp thời bổ sung và hoàn thiện bản luận tội theo diễn biến tại phiên tòa.

- Lời trình bày luận tội của KSV tại phiên tòa được thực hiện trên cơ sở kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Trường hợp bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố tại phiên tòa thì Kiểm sát viên đề nghị HĐXX ra quyết định đình chỉ vụ án.

- Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa KSV có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố đối với bị cáo; trường hợp vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có nhiều bị cáo thì rút một phần hoặc quyết định truy tố đối với bị cáo nào phải nêu cụ thể.

- Luận tội đề nghị HĐXX kết tội bị cáo (các bị cáo) theo quy định của Điều 104 BLHS năm 1999 (Điều 134 BLHS năm 2015) mức hình phạt là bao nhiêu; mức bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ dân sự của bị cáo (từng bị cáo) là bao nhiêu; vấn đề xử lý vật chứng.

- Phần tranh luận, sau khi KSV trình bày lời luận tội, bước sang phần tranh luận. Để bảo vệ quan điểm truy tố thể hiện trong bản luận tội đối với bị cáo (các bị cáo) phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội, KSV cần tiến hành các hoạt động sau đây:

- + Lắng nghe, theo dõi luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo, lời tự bào chữa của bị cáo ghi chép đầy đủ, các câu hỏi của Luật sư, của bị cáo; đề nghị của Luật sư, bị cáo về các vi phạm của CQĐT trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra, đặc biệt là hoạt động hỏi cung bị can; đề nghị HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung; tuyên bị cáo không phạm tội; kết luận về tội nhẹ hơn; kết tội ở khung hình phạt nhẹ hơn; giảm mức bồi thường, giảm nghĩa vụ dân sự, ...

- + Lắng nghe luận cứ của người bảo vệ quyền lợi của bị hại, của các đương sự khác do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; ghi chép đầy đủ các câu hỏi của

bị hại và các đương sự khác; lời đề nghị của bị cáo đối với tội danh khác nặng hơn, khung hình phạt nặng hơn hay xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; miễn bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ cấp dưỡng,

+ Kiểm sát viên phải tổng hợp tất cả các câu hỏi, đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo, của bị cáo; câu hỏi, đề nghị của người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của bị hại, các đương sự khác và câu hỏi, đề nghị của bị hại và các đương sự khác.

- Kiểm sát viên trực tiếp đối đáp tất cả các câu hỏi, đề nghị, yêu cầu của Luật sư, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại, các đương sự khác và của bị hại. Đối với những câu hỏi có cùng nội dung thì tổng hợp lại và trả lời một lần.

+ Kiểm sát viên phải viện dẫn chứng cứ và lập luận có căn cứ để thừa nhận một phần hoặc bác bỏ toàn bộ ý kiến bào chữa của Luật sư, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bị hại và các đương sự khác và khẳng định lời buộc tội là có căn cứ và đúng pháp luật.

+ Trong quá trình tranh luận nếu phát sinh mâu thuẫn gây gắt, xung đột hoặc xô xát giữa bị cáo, gia đình bị cáo với bị hại và gia đình của họ thì KSV đề nghị HĐXX yêu cầu tạm dừng phiên tòa để ổn định trật tự và xử lý những người vi phạm trật tự tại phiên tòa rồi mới tiếp tục tranh luận nhằm bảo đảm phiên tòa được tiến hành trong sự nghiêm túc, đúng pháp luật.

4.2.7. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan điều tra và Tòa án nhân dân trong THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Mối quan hệ phối hợp giữa ba ngành tố tụng, đó là CQĐT và Viện kiểm sát nhân dân với TAND có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với chất lượng, hiệu quả của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án hình sự nói chung và các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Mối quan hệ này được quy định bằng pháp luật TTHS, tuy nhiên do lề lối làm việc của từng địa phương cũng có những ảnh hưởng nhất định và cũng chưa có một chuẩn mực cụ thể để đánh giá. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh và phòng, chống tội phạm có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì các cơ quan tiến hành tố tụng cần có sự phối hợp chặt chẽ và luôn có sự hỗ trợ lẫn nhau trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Việc tăng cường quan hệ phối hợp giữa CQĐT, Viện kiểm sát với TAND trong hoạt động THQCT, kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích là một trong những yêu cầu quan trọng. Trong đó, quan hệ giữa CQĐT và Viện kiểm sát là quan hệ phối hợp và chế ước nhằm mục đích bảo đảm việc phát hiện tội phạm, điều tra, truy tố, xử lý các vụ án cố ý gây thương tích kịp thời, đúng người, đúng tội. Quan hệ giữa VKSND với TAND là quan hệ phối hợp, giám sát; trong đó VKSND bên cạnh hoạt động THQCT còn kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với HĐXX và những người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử để giải quyết vụ án nhằm bảo đảm hoạt động xét xử thực hiện đúng pháp luật, không để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, bảo đảm quyền con người và thực hiện dân chủ trong tố tụng hình sự. Việc tăng cường mối quan hệ giữa ba cơ quan trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần thực hiện các nội dung sau:

Trước hết, nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án cho Điều tra viên, KSV và Thẩm phán trực tiếp THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để họ có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ phối hợp trong việc giải quyết các vụ án. Mối quan hệ này phải được quán triệt trên cơ sở chủ động của ba cơ quan, đồng thời phải được tiến hành đồng bộ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp lý và kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành cho đội ngũ Điều tra viên, KSV, Thẩm phán để đảm bảo cho họ vừa thực hiện tốt được các chức năng, nhiệm vụ được giao vừa thực hiện tốt quan hệ phối hợp trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ hai, trong quá trình phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật. Trong toàn bộ hoạt động điều tra, VKSND là cơ quan chịu trách nhiệm trong quá trình chứng minh tội phạm và các quyết định, lệnh do VKS ban hành hoặc phê chuẩn. Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm về các hoạt động điều tra, VKS không can thiệp vào việc sử dụng các chiến thuật, phương pháp điều tra và các biện pháp nghiệp vụ, nhưng VKS có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong các hoạt động điều tra và cùng chịu trách nhiệm. Sự phối hợp chặt chẽ giữa CQĐT với VKS trong hoạt động điều tra, không đồng nghĩa

hai cơ quan cùng tiến hành điều tra, mà trách nhiệm tiến hành điều tra thuộc CQĐT, còn VKSND áp dụng các quyền năng pháp lý do pháp luật quy định để kiểm sát và chế ước các hoạt động điều tra nhằm hạn chế, khắc phục các vi phạm pháp luật, kiến nghị, yêu cầu thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trong toàn bộ hoạt động xét xử, Tòa án là cơ quan chịu trách nhiệm, Tòa án xét xử bị cáo và hành vi theo tội danh mà VKS đã truy tố và Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trên nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; VKS là chủ thể buộc tội và thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa.

Thứ ba, Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa VKSND tối cao và TAND tối cao trong truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. VKS phối hợp chặt chẽ với Tòa án trong việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm. Sau phiên tòa tổ chức họp rút kinh nghiệm mời HĐXX cùng tham dự, đánh giá toàn diện về các hoạt động của KSV, Thẩm phán tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích, nêu lên những ưu điểm và những tồn tại, hạn chế của cả KSV và Thẩm phán để kịp thời khắc phục nhằm nâng cao kỹ năng thẩm vấn, tranh tụng, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Thứ tư, Viện kiểm sát cần chủ động trong xây dựng quy chế phối hợp liên ngành. Việc xây dựng quy chế phải dựa trên những nguyên tắc và các nội dung cơ bản sau: Quy chế phải phù hợp với quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành như BLTTHS, Luật tổ chức VKSND, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự, Luật Tổ chức TAND; xác định những nguyên tắc cơ bản về mối quan hệ phối hợp, trách nhiệm các chủ thể trong công tác phối hợp; thể chế hóa những quy định của BLTTHS và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động TTHS. Phần nội dung của quy chế phải quy định rõ quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện của mỗi cơ quan, Điều tra viên, KSV, Thẩm phán trong từng hoạt động tố tụng ở mỗi giai đoạn của quá trình giải quyết vụ án hình sự. Hàng tháng, quý phải thực hiện công tác giao ban giải quyết thông tin tội phạm cố ý gây thương tích và các vụ án điều tra, xét xử còn tồn đọng. Khi có sự không thống nhất về quan điểm xử lý vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, ba ngành cần bàn bạc hoặc cùng xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên để sự phối hợp công tác được chủ động, hiệu quả, tránh tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung, tình trạng khởi tố, điều tra, truy

tố, xét xử oan sai, tránh trường hợp can thiệp vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan.

Thứ năm, trong mối quan hệ giữa CQĐT và VKSND cần chú ý khắc phục hai thái cực, hoặc là quá nhấn mạnh quan hệ phối hợp mà hạn chế tính chế ước, độc lập trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên hoặc không chú trọng quan hệ chế ước, dẫn đến sự thỏa hiệp, nể nang đối với những vi phạm hoặc thể hiện “quyền anh, quyền tôi” làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc phối hợp giữa VKSND với Cơ quan điều tra và TAND trong quá trình giải quyết vụ án cố ý gây thương tích phải trên cơ sở quán triệt đầy đủ mục đích và nhiệm vụ của TTHS, đó là: phát hiện và xử lý một cách nhanh chóng, kịp thời, nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không được để oan, sai, vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân.

Thứ sáu, tăng cường công tác tổng kết kinh nghiệm và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Tội phạm cố ý gây thương tích là loại tội phạm xảy ra hàng ngày, với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, phức tạp nên gây nhiều khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý đối với loại tội phạm này. Trong khi đó đội ngũ Điều tra viên, KSV và Thẩm phán của các địa phương còn mỏng và chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về đấu tranh phòng, chống đối với tội phạm cố ý gây thương tích. Chính vì vậy, trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao cần giao cho các đơn vị trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về trật tự xã hội phối hợp với nhau tổng kết rút kinh nghiệm về loại án này nhằm phổ biến cho CQĐT, Viện kiểm sát nhân dân, TAND trong phạm vi cả nước. Mặt khác, các đơn vị thông tin tuyên truyền của mỗi ngành, mỗi cơ quan như: Trang thông tin điện tử, Tạp chí, các Báo, Truyền hình cần tổ chức, phát hành các số chuyên đề riêng nhằm đưa tin, tuyên truyền về công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người nói chung và các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giải quyết loại án này trong thời gian tới.

4.3. Một số kiến nghị về hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và tiếp tục hoàn thiện quy định về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

4.3.1. Hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự 2015 liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Hoàn thiện công tác xây dựng, hướng dẫn, giải thích pháp luật để thống nhất trong nhận thức giữa các cơ quan tiền hành tố tụng về những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội cố ý gây thương tích. Bên cạnh đó, các cơ quan liên ngành tư pháp Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, VKSND tối cao, TAND tối cao) kịp thời ban hành các văn bản liên ngành để hướng dẫn cụ thể các khái niệm tính chất mức độ, công cụ, phương tiện, ... của tội cố ý gây thương tích nói riêng, các tội phạm hình sự nói chung; về các trường hợp phải giám định, không giám định; phải có qui định chặt chẽ, buộc người bị hại phải đi giám định .v.v.

Để xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan, sai, hoặc bỏ lọt tội phạm và khắc phục những thiếu sót, vi phạm trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án cố ý gây thương tích. Theo chúng tôi các cơ quan liên ngành tư pháp Trung ương cần sớm xây dựng và ban hành một số hướng dẫn cụ thể sau đây nhằm thống nhất nhận thức các trường hợp đang còn vướng mắc. Cụ thể là:

Một là, đối với những vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng nạn nhân từ chối giám định gây khó khăn cho hoạt động chứng minh tội phạm của các cơ quan tư pháp. Theo chúng tôi, các cơ quan chức năng cần thiết phải ban hành văn bản quy định những trường hợp không cần phải giám định nhưng vẫn đưa ra xử lý hình sự. Những thương tích phải bị xử lý hình sự bao gồm: Những thương tích phải mổ hộp sọ, mổ ổ bụng, mổ lồng ngực; những thương tích gây cố tật ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày; dùng hung khí nguy hiểm tác động vào những vùng nguy hiểm trên cơ thể dễ gây tử vong; những đối tượng gây thương tích có tổ chức, mang tính côn đồ, đâm thuê, chém mướn.

Hai là, trường hợp nạn nhân từ chối giám định do bị cưỡng ép, mua chuộc... Điều tra viên, một mặt cần giải thích pháp luật và làm tốt công tác tư tưởng để bị hại yên tâm khai báo sự thật của vụ án và chấp nhận đi giám định thương tích; mặt khác phải tiến hành điều tra, xác minh, phát hiện chứng cứ chứng tỏ người gây án có hành vi cưỡng ép, mua chuộc người bị hại để làm cơ sở đấu tranh buộc người gây án phải thừa nhận hành vi của mình.

Đối với trường hợp cố ý gây thương tích dẫn đến thương tích nặng mà bằng mắt thường có thể xác định được, hoặc như trường hợp thứ nhất, thì nên áp dụng biện pháp cưỡng chế ngay (bắt tạm giam) đối với người gây án, không bắt buộc phải có kết quả giám định.

Ba là, trường hợp các kết luận giám định của các cơ quan giám định về tỷ lệ thương tật của nạn nhân có sự khác nhau đáng kể (thậm chí chênh lệch nhau quá lớn) thì đề nghị đại diện các cơ quan giám định đó thống nhất để ra kết quả giám định cuối cùng và lấy đó làm căn cứ. Hoặc có thể thành lập một tổ chức giám định pháp y cấp quốc gia gồm những chuyên gia đầu ngành về giám định pháp y, với các phương tiện tốt nhất phục vụ công tác. Trong các vụ án có các kết luận vênh (chênh lệch) nhau thì sẽ trưng cầu tổ chức này tiến hành giám định và đó sẽ là kết luận giám định cuối cùng và được coi đây là căn cứ pháp lý đánh giá tính chất mức độ hậu quả của vụ án. Bên cạnh đó, cũng đề nghị một số biện pháp nhằm hạn chế tình trạng nạn nhân đi giám định tại nhiều cơ quan giám định khác nhau.

Bốn là, trường hợp kết quả giám định tỷ lệ thương tật của cơ quan giám định có kết luận về tỷ lệ tổn hại sức khỏe "Tạm thời", "Vĩnh viễn" thì áp dụng tỷ lệ phần trăm tạm thời và tỷ lệ phần trăm vĩnh viễn do giám định pháp y tổng hợp theo phương pháp cộng lùi để xử lý. Nếu có hai kết quả giám định, thì áp dụng kết quả giám định lại để xử lý, giải quyết vụ án.

4.3.2. Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Bộ luật TTHS năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2015 đã được sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản so với BLTTHS năm 2003, trên cơ sở quán triệt tinh thần của Hiến pháp năm 2013 nhằm bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, đồng thời đã tháo gỡ từng bước những khó khăn, vướng mắc và hạn chế của BLTTHS năm 2003 về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, để thực hiện tốt BLTTHS năm 2015, trước hết các cơ quan liên ngành tư pháp Trung ương cần ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành và có bước đi, lộ trình phù hợp để thực hiện những quy định mới được đặt ra [48, tr.68]. Cụ thể là:

Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, TAND tối cao, ... kịp thời ban hành các văn bản liên ngành hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS năm 2015 về quan hệ phối hợp trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử VAHS để đảm bảo sự áp dụng pháp luật thống nhất như:

Một là, hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định về các biện pháp cưỡng chế khi cần thiết với những trường hợp bị hại từ chối giám định mới có thể khắc phục triệt để kẽ hở này, tạo điều kiện thuận lợi để xử lý nghiêm khắc đối với người phạm tội. [2, tr.287]

Hai là, hướng dẫn trường hợp VKS ra những quyết định và yêu cầu điều tra không đúng quy định của pháp luật thì cần phải giải quyết như thế nào để bảo đảm sự công bằng về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm tạo ra sự chế ước lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Ba là, hướng dẫn thống nhất thời hạn Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án, quyết định sơ thẩm và thời hạn giao quyết định cho VKS cùng cấp, VKS cấp trên trực tiếp để bảo đảm quyền kháng nghị quyết định và đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với quy định của điều 336 và 337 BLTTHS năm 2015.

Bốn là, hướng dẫn các quy định liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm. Pháp luật TTHS cần sửa đổi theo hướng HĐXX chủ yếu làm công việc của người điều khiển phiên tòa, KSV và luật sư bào chữa phải chủ động tham gia xét hỏi cũng như đưa ra các quan điểm, kiến nghị của mình khi tranh luận. Trình tự xét hỏi nên quy định KVS hỏi trước để đưa ra các chứng cứ buộc tội trước, sau đó người bào chữa hỏi về những tình tiết mang tính bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, HĐXX có quyền xét hỏi bất cứ lúc nào khi thấy có mâu thuẫn để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án.

Từ những phân tích, tác giả đề xuất sửa đổi Điều 307 Bộ luật TTHS 2015 như sau:

Điều 307. Trình tự xét hỏi

1. Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều khiển việc hỏi đúng quy định của pháp luật.

2. Khi xét hỏi từng người, *KSV hỏi trước* sau đó người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự thực hiện việc hỏi. Chủ tọa phiên tòa quyết định Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân hỏi thêm khi cần làm sáng tỏ những tình tiết vụ án.

Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.

Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản”.

3. Khi xét hỏi, HĐXX xem xét vật chứng có liên quan trong vụ án.

- *Xây dựng một điều luật riêng đảm bảo quyền kháng nghị của VKS đối với các quyết định sơ thẩm của Tòa án*

Cùng với việc hướng dẫn thực hiện (một giải pháp tình thế), về lâu dài cần có một điều luật riêng đảm bảo quyền kháng nghị của VKS đối với các quyết định sơ thẩm của Tòa án. Do thời hạn kháng nghị của VKS đối với quyết định sơ thẩm quy định tại BLTTHS năm 2015 đã rút ngắn lại so với quy định tại BLTTHS năm 2003, tác giả đề xuất xây dựng một điều luật riêng về “Giao và gửi quyết định sơ thẩm” trong BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều...: Giao gửi quyết định sơ thẩm của Tòa án

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi quyết định sơ thẩm cho bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, VKS cùng cấp, người bào chữa; gửi quyết định sơ thẩm cho bị cáo bị xét xử vắng mặt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của BLTTHS, Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, CQĐT cùng cấp, Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị cáo cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị cáo làm việc, học tập; cấp bản sao bản án hoặc trích lục bản án về những phần có liên quan cho đương sự hoặc người đại diện của họ”.

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 như đã phân tích trên cần bổ sung điều luật quy định về căn cứ kháng nghị bản án, quyết định sơ thẩm.

Kết luận Chương 4

Trong Chương bốn của Luận án tập trung giải quyết các nội dung cơ bản như sau:

1. Cơ sở để đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của VKSND trong việc giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, phải căn cứ vào yêu cầu của các giải pháp nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

2. Trên cơ sở căn cứ này để định hướng công tác và bảo đảm các giải pháp, kiến nghị đưa ra phải đúng với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; phải cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, các quy định của pháp luật hiện hành; phải đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đồng thời, các giải pháp, kiến nghị đó phải bám sát với thực tiễn khách quan và giải quyết được những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

3. Trên cơ sở yêu cầu của các giải pháp, kiến nghị, luận án đưa ra các giải pháp xuất phát từ những hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Cụ thể như: Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Kiện toàn công tác tổ chức cán bộ; thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, KSV; đổi mới và nâng cao chất lượng các biện pháp nghiệp vụ của KSV khi THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo yêu cầu cải cách tư pháp; tăng cường quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với CQĐT và Tòa án nhân dân trong THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Về kiến nghị, các cơ quan tư pháp liên ngành Trung ương trong thời gian tới, cần có hướng dẫn cụ thể việc thi hành BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật thực định và thực tiễn có liên quan đến công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự nói chung và hoạt động THQCT, kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, tác giả nhận thấy luận án đã giải quyết được những vấn đề sau:

1. Luận giải và xây dựng khái niệm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; các khái niệm có liên quan đến công tác THQCT và kiểm sát điều tra, THQCT và kiểm sát xét xử; làm rõ đối tượng, phạm vi và tính đặc thù của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

2. Nghiên cứu, phân tích làm rõ cơ sở xác định công tác của VKSND trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích nhằm làm rõ chức năng, nhiệm vụ của VKSND khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

3. Nghiên cứu và làm rõ những nội dung cơ bản của hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKSND, như: Hoạt động thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích; hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích; hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích; hoạt động KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

4. Nghiên cứu, đánh giá, phân tích, so sánh số liệu các vụ án cố ý gây thương tích xảy ra trên phạm vi toàn quốc trong 10 năm (2007- 2016), trực tiếp nghiên cứu các hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và khảo sát thực tế hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích ở một số tỉnh, thành phố để tổng kết, đánh giá những ưu điểm đạt được, những hạn chế, vướng mắc, vi phạm và rút ra nguyên nhân của những mặt ưu và nhược

điểm trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

5. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong 10 năm qua, đề xuất các nhóm giải pháp mang tính chiến lược đồng bộ, toàn diện và khả thi. Trong đó, có giải pháp mang tính đột phá, quan trọng như: Kiện toàn công tác tổ chức cán bộ trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; đổi mới và nâng cao chất lượng các biện pháp nghiệp vụ của KSV; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo yêu cầu cải cách tư pháp; nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho KSV, cán bộ của VKSND; đổi mới nội dung, phương thức thực hiện nghiệp vụ của KSV trong thực tiễn công tác.v.v.

6. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần hoàn thiện lý luận về hoạt động của VKSND trong công tác THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX các vụ án hình sự nói chung và trong THQCT và kiểm sát điều tra, KSXX sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng; góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Các nghiên cứu của luận án sẽ là nguồn tư liệu mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, có thể làm cơ sở cho việc nhận thức thống nhất pháp luật của các cơ quan tư pháp khi giải quyết loại án này. Những nội dung nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy và tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của các cơ quan tư pháp. Đặc biệt cho cán bộ, công chức làm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt:

1. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PT nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC, ngày 02/8/2013 về Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật TTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp-Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
10. Bộ trưởng Bộ Công an (2006), *Quyết định số 810/2006/QĐ-BCA, ban hành Quy trình bảo vệ phiên tòa, áp giải bị cáo, dẫn giải người làm chứng ra tòa*
11. Bộ Y tế (2014), *Thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 về Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần*, Hà Nội.
12. Lê Văn Cẩm (2014), *“Mô hình lập pháp về hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam vì con người”*, Khoa học Kiểm sát (01).

13. Nguyễn Hữu Cầu (2002), *Đặc điểm tội phạm học của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam hiện nay và các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân.
14. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2007*.
15. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2008*.
16. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2009*.
17. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2010*.
18. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2010*.
19. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2011*.
20. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2013*.
21. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2012*.
22. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2013*.
23. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2014*.
24. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2015*.
25. Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Số liệu thống kê tội phạm năm 2016*.
26. Trương Khắc Dương (2017), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn thạc sĩ

27. Nguyễn Tiến Đại (2017), *Nhiệm vụ quyền hạn của Viện kiểm sát trong kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn TP. Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Kết luận 79-KL/TW ngày 27/8/2010 “Kết luận về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án theo Nghị quyết 49 - NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
30. Hoàng Xuân Đàn (2017), *Luận án tiến sĩ luật học, “Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay”*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
31. Trần Văn Độ (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố, Kỹ yếu đề tài cấp bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, Hà Nội.
32. Nguyễn Minh Đức (2013), *Mô hình tố tụng hình sự một số nước trên thế giới*, Thông tin Khoa học Kiểm sát số 5, 6, Hà Nội.
33. Đỗ Văn Dương (1998), *Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội.
34. Lại Thị Thu Hà (2013), *Nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản*, Thông tin Khoa học Kiểm sát số 5, 6, Hà Nội.
35. Đặng Văn Hạnh (2015), *Thực hành quyền công tố trong xét xử vụ án hình sự cấp huyện từ thực tiễn tỉnh Nam Định*, Luận văn Thạc sĩ.
36. Cao Thị Thu Hằng (2014), *Tăng cường kháng nghị phúc thẩm hình sự theo Chỉ thị 03/CT-VKSTC-VPT1 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để đạt hiệu quả cao hơn*, Tạp chí kiểm sát, (13),
37. Nguyễn Thanh Hạo (2010), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự*, Đề tài khoa học cấp vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

38. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền Công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.
39. Học viện Cán bộ kiểm sát quốc gia Trung Quốc (2002), *Giáo trình Công tác kiểm sát*, Nxb pháp luật Bắc Kinh - Trung Quốc (Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội biên dịch và hiệu đính).
40. Học viện Cảnh sát nhân dân (2002), *Giáo trình Tội phạm học*, Hà Nội.
41. Tống Thị Bích Hồng (2016), *Thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án về tội mua bán người theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hà Giang*, Luận văn thạc sĩ.
42. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 293).
43. Hoàng Thanh Huyền (2002), *Điều tra các vụ án Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh của lực lượng Cảnh sát điều tra*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
44. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2003), Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP, ngày 17/4/2003 về việc *Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*.
45. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 05/11/2006 về việc *Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*.
46. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 05/11/2004 về việc *Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*.
47. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP, ngày 05/11/2004 về việc *Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba "Xét xử sơ thẩm" của BLTTHS năm 2003*.
48. Nguyễn Phi Hùng (2017), *Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội*.
49. Tống Kim Hương (2013), "*Về kiểm sát điều tra vụ án hình sự và mối quan hệ giữa kiểm sát điều tra và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự*", Tạp chí Kiểm sát (6), tr. 38-41.

50. Lý Bích Hường (2015), Hoàn thiện quy định của bộ luật TTHS về tranh luận tại phiên tòa, Luận văn thạc sỹ, Đại học luật Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Huyền, Lê Lan Chi (chủ biên), (2015), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015*, Nhà xuất bản Lao động.
52. Nguyễn Ngọc Khánh (Chủ biên) (2008), *Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
53. Phùng Đức Khiêm (2016), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Luận văn Thạc sỹ.
54. Nguyễn Hữu Khoa (2010), Chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, luận văn thạc sỹ, Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
55. Hà Như Khuê (2009), *Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên Viện KSND tối cao trong xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ.
56. Phạm Thị Thùy Linh (2012), *Quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội.
57. Đoàn Tạ Cửu Long (2015), *Hoạt động của Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Luận án tiến sỹ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
58. Lê Minh Long (2012), *Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
59. Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
60. Nguyễn Hoài Nam (2015), “*Một số ý kiến về việc xác định mối quan hệ giữa các cấp Viện kiểm sát trong tổ tụng hình sự ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Kiểm sát (13), tr. 34-38.
61. Khuất Văn Nga (1995), *Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án tiến sỹ.

62. Nguyễn Thị Kim Ngân (2016), *Thực hành quyền công tố và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, luận văn thạc sĩ, Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
63. Nguyễn Thiện Nhân (2017), *“Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
64. Nguyễn Văn Oanh (1998), *Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự*, Luận văn thạc sĩ.
65. Võ Thị Kim Oanh (2011), *Xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
66. Trần Công Phàn (2014), *Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu của tình hình mới*, Tạp chí kiểm sát, (03).
67. Nguyễn Hải Phong (2010), *Bảo đảm tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế gắn công tố với hoạt động điều tra - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước - nhánh nghiên cứu IX, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
68. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội;
69. Tôn Thiện Phương (2017), *Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ luật học, Học Viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
70. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Kỷ yếu đề tài cấp bộ.
71. Phạm Hồng Quân (2012), *Về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự*, Tạp chí KHPL.
72. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Quốc hội (1959), *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1959*, Hà Nội.
74. Quốc hội (1980), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980*, Hà Nội.

75. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.
76. Quốc hội (2002), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002*, Hà Nội.
77. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
78. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội.
79. Quốc hội (2015) *Bộ luật hình sự năm 2015*, Hà Nội.
80. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
81. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
82. Quốc hội (2002), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002*, Hà Nội.
83. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
84. Quốc hội (2013), Nghị quyết 37/2012/QH13 ngày 23/11/2013 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013.
85. Quốc hội (2013), Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo.
86. Đinh Văn Quế (2017), *Bình luận Bộ luật hình sự năm 2015 - Phần thứ hai - Các tội phạm (Chương XIV)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
87. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (Đồng chủ biên), (2010) *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Nguyễn Tiến Sơn (2009), *Phân biệt thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát, (09).
89. Nguyễn Tiến Sơn (2010), *Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát nhân dân*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
90. Trịnh Duy Tám (2006), *Bàn về vai trò của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Tạp chí Nghề Luật, (04).
91. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
92. Lê Hữu Thê (2008), *“Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án*

hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

93. TS Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Dương, Nông Xuân Trường (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nhà xuất bản tư pháp.
94. Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Dương, Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
95. Bùi Văn Thịnh (2014), “*Một số quy định của pháp luật liên quan đến việc xác định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Điều 104 Bộ luật hình sự*”, Tạp chí Tòa án (14), tr. 29-31.
96. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
97. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
98. Trường Đại học luật Hà Nội (2012), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
99. Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Đào tạo nghiệp vụ kiểm sát - Tập 3*, TP. Hồ Chí Minh.
100. Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Đào tạo nghiệp vụ kiểm sát - Tập 4*, TP. Hồ Chí Minh.
101. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Tập 1*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
102. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Tập 2*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
103. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
104. Trường ĐTBĐNV kiểm sát TP. Hồ Chí Minh (2013), *Tập bài giảng Chương trình Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu Một số kỹ năng THQCT, KSĐT, KSXX sơ thẩm tội Giết người và tội Cố ý gây thương tích*.

105. Trung tâm văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
106. Nguyễn Quang Tuấn (2016), *Kiểm sát điều tra vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn Thạc sĩ.
107. Nguyễn Anh Tuấn (2015), *Kiểm sát hoạt động xét xử sơ thẩm VAHS (Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn tỉnh Hòa Bình)*, Luật văn thạc sĩ.
108. Nguyễn Thị Tuyết (2014), “*Một số vướng mắc, bất cập trong truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 9.
109. Đào Trí Úc, Phạm Hữu Nghị (Đồng chủ biên), (2009), *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Bách khoa, Hà Nội.
110. Ủy ban tư pháp của Quốc hội (2012), *Tài liệu hội thảo về Mô hình tổ tụng hình sự*, Huế.
111. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2015), Nghị quyết số 951/NQ-UBTVQH13, ngày 28 tháng 5 năm 2015 - *Về việc Phê chuẩn Quyết định của Viện trưởng VKSNDTC về bộ máy làm việc của VKSNDTC*, Hà Nội.
112. Viện khoa học kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự*, Nxb. Văn hoá dân tộc, tập 1.
113. Viện khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Tư pháp.
114. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Hoàn thiện mô hình tổ tụng hình sự Việt Nam đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp - kinh nghiệm CHLB Đức”*, Hà Nội.
115. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố* (Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 của Viện trưởng VKSNDTC), Hà Nội.

116. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Quy chế thực hành quyền công tố, kiểm xét xử vụ án hình sự* (Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng VKSNDTC), Hà Nội.
117. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và KSXX các vụ án hình sự* (Ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSND tối cao).
118. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Quy chế công tác THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự*. (Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng VKSND tối cao).
119. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2011-2020*. (Ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-VKSTC-V9, ngày 12/3/2013 của Viện trưởng VKSND tối cao), Hà Nội.
120. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật TTHS năm 2003*, Hà Nội.
121. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Tờ trình số 09/TTr-VKSTC-V8 ngày 07/4/2014 về dự án Luật tổ chức VKSND (sửa đổi)*.
122. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Tờ trình số 09/TTr-VKSTC-V8 ngày 07/4/2014 về dự án Luật tổ chức VKSND (sửa đổi)*.
123. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010, về việc Hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ điều tra bổ sung*, Hà Nội.
124. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003*, Hà Nội.

125. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - V15 (2016), *Số liệu thống kê biên chế cán bộ hiện tại thực hiện công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành Kiểm sát nhân dân*.
126. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Giới thiệu một số nội dung của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết triển khai thi hành*, Hà Nội.
127. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên (2014), *Nguồn hồ sơ-Phòng thống kê*.
128. Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2012), *Nguồn hồ sơ - Phòng thống kê*.
129. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (2008), *Nguồn hồ sơ-Phòng thống kê*.
130. Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội (2010), *Nguồn hồ sơ-Phòng thống kê*.
131. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định (2013), *Nguồn hồ sơ-Phòng thống kê*.
132. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình (2014), *Nguồn hồ sơ-Phòng thống kê*.
133. Viện Khoa học Kiểm sát (1998), *Hệ thống tư pháp hình sự một số nước Châu Á*, Hà Nội.
134. Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
135. Võ Khánh Vinh chủ biên (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
136. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*. Nxb Công an nhân dân.
137. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*, Tập 1, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
138. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*, Tập 2, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
139. Trịnh Minh Vũ (2013), *Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tỉnh Lâm Đồng trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án có ý gây thương tích*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Cảnh sát nhân dân.
140. Đào Việt Yên (2016), *Thực hành quyền công tố trong điều tra các tội phạm về ma túy từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn Thạc sĩ.

II. Tài liệu tiếng Anh

141. Prof. Byung-Sun Cho, College of Law, Chongju University, Korea, Prof. Tom Ginsburg, School of Law, University of Chicago (2010), *Research Report on the Organization and Operation of the Korean Judicial System*.
142. Dr Despina Kyprianou (2008) “Comparative Analysis of Prosecution Systems (Part II): The Role of Prosecution Services in Investigation and Prosecution Principles and Policies”, *Cyprus and European Law Review*, 6.
143. Jorg - Martin Jehle (2005), *The Function of Public Prosecution from a Europe Comparative Perspective - How international Research can Contribute to the Development of Criminal Justice*.
144. Makhachkala L. G. Ibragimov (2005), *"Murder and trauma or harm to another's health - viewed from the perspective of crime victim."*
145. Assoc. Prof Luke Nottage, University of Sydney, GS. Kent Anderson, Australian National University, Prof. Makoto Ibusuki, Seijo University (2010), *Research Report on the Organization and Operation of the Judicial System of Japan*.
146. Dr. Simon Butt, University of Sydney (2010), *Research Report on Organization and Operation of the Indonsia Justice System*.
147. Assoc. Prof. Vivienne Bath, University of Sydney, Assoc.Prof Sarah Biddulph, University of Melbourne (2010), *Research Report on the Organization and Operation of the Judicial System of the People's Republic of China*.
148. William E. Buttler, Pennsylvania State University (2010), *Research Report on the Organization and Operation of the Judicial System of the Russian Federation*.
149. William E Buttler (2010) “Japan Final Report”, *Research studies on the organization and functioning of the justice system in five selected countries (China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation)* for United Nations Development Program, Vietnam, UNDP, Vietnam.

III. Tài liệu trên internet:

150. [Www.ykhoa.net/yhocphothong/phapy/giamdinhthuongtat.htm](http://www.ykhoa.net/yhocphothong/phapy/giamdinhthuongtat.htm)-Bài viết:
 “Khoảng trống” trong giám định thương tật. Truy cập ngày 4/5/2017.
 [Www.http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc](http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc). Truy cập ngày 7/8/2017.
151. [Www.http://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail](http://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail). Truy cập ngày 15/8/2017.
152. <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/249> ngày 3/8/2016. Vũ Việt Hùng, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp.* Truy cập ngày 2/8/2017.
153. <https://luathinsu.wordpress.com/2011/10/21/ban-ve-vai-tro-cua-kiem-sat-vien-tai-phen-toa-xet-xu-so-tham-vu-an-hinh-su>. Truy cập ngày 3/8/2017.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên Tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
01	Bài báo: Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	Tác giả	Tạp chí Kiểm sát (ISSN 0866-7357), số 14 năm 2014 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao	2014
02	Bài báo: Một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	Tác giả	Tạp chí Kiểm sát (ISSN 0866-7357), số 15 năm 2014 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao	2014
03	Bài báo: Một số ý kiến về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong Dự thảo Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017)	Tác giả	Tạp chí nghiên cứu lý luận, nghiệp vụ, khoa học (ISSN 1859-4220) Số 4 năm 2017 của Trường Học viện Cảnh sát nhân dân	2017
04	Bài báo: Một số vấn đề về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn truy tố.	Tác giả	Tạp chí nghiên cứu lý luận, nghiệp vụ, khoa học (ISSN 1859-4220) Số 7 năm 2017 của Trường Học viện Cảnh sát nhân dân	2017

PHẦN PHỤ LỤC

Bảng 1.1. Số liệu thống kê so sánh tình hình tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội phạm khác trên địa bàn cả nước từ năm 2007 đến năm 2016

Năm	Tổng số vụ phạm tội	Trộm cắp		Cố ý gây thương tích		Lừa đảo		Cướp giật		Giết người				Tham ô	
		Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	số người chết	số người bị thương	Số vụ	Tỉ lệ %
2007	65773	42464	53,63	7209	10.9604	6234	9.47805	4795	7.29023	2267	3.4467	2166	299	690	1.04906
2008	64714	42843	53,35	7067	10.9204	6478	10.0102	4501	6.95522	2341	3.61746	2287	319	635	0.98124
2009	70880	49726	57,05	7285	10.2779	7276	10.2652	4610	6.50395	2245	3.16733	2193	291	449	0.63347
2010	62842	39688	50,55	7612	12.1129	7157	11.3889	4856	7.72732	2328	3.70453	2254	278	425	0.6763
2011	73012	37576	40,1	7941	10.8763	7233	9.90659	6501	8.90402	2418	3.31178	2384	284	687	0.94094
2012	71559	42403	47,17	8266	11.6911	6999	9.78074	5336	7.45678	2634	3.68088	2578	301	326	0.45557
2013	74134	43616	46,58	8777	11.8394	6666	8.99183	5911	7.9734	2537	3.42218	2464	311	315	0.42491
2014	76245	46103	48,73	8692	11.4001	6631	8.69696	6167	8.0884	2544	3.33661	2489	301	318	0.41708
2015	77503	43654	44,69	7638	9.8551	6454	8.32742	6212	8.01517	2568	3.31342	2492	321	322	0.41547
2016	70852	27571	38.91	7167	10.1056	2329	3.28713	3232	4.56162	1308	1.8461	1067	211	275	0.38813
Tổng số	707.514	41.5644	65.29	77.654	12.2188	63.457	9.97901	52.121	8.19678	23.190	3.64767	22.374	2.916	4.642	0.70783

Nguồn: Cục Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Bảng 1.2. Thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn cả nước từ năm 2007 đến năm 2016

Năm	GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA							GIAI ĐOẠN TRUY TỐ							GIAI ĐOẠN XÉT XỬ					
	Tổng số		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Đề nghị truy tố	Tổng số		VKS đình chỉ		VKS tạm đình chỉ		Trả hồ sơ điều tra bổ sung	Tổng số thụ lý		Xét xử		Trả hồ sơ ĐTBS/tuyên không tội (Vụ)	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Vụ	Bị can	Vụ	Bị cáo	Trả hồ sơ ĐTBS	Tuyên không tội
2007	7209	9659	665	784	784	683	8658	5981	8895	170	293	24	28	131	6444	9496	5331	7750	504	2
2008	7067	9867	696	825	884	671	9182	6119	9418	202	342	18	26	101	6657	10223	5543	8419	492	7
2009	7285	10385	712	895	886	345	9023	6224	9636	166	262	13	20	98	6330	9811	5435	8316	398	5
2010	7612	11190	816	917	969	719	9778	6429	10432	146	246	11	17	57	6223	10438	5002	8130	300	4
2011	7941	11552	875	953	1096	810	10089	6655	10670	212	321	17	17	81	6623	10776	5634	9003	293	1
2012	8266	12533	874	1129	1098	722	11090	7191	11892	225	371	9	15	81	7510	12458	6440	10475	279	1
2013	8777	13212	1003	1317	1289	753	12025	7328	12431	215	344	17	28	74	7996	13618	6677	11262	275	5
2014	8692	12980	1130	1460	1179	694	12104	7455	12442	219	386	9	13	69	8229	13859	6687	11188	295	3
2015	7638	10910	1085	1465	1087	551	10029	6404	10283	186	274	14	20	77	7288	12017	5953	9710	203	4
2016	7167	9649	1072	1273	1205	441	9072	5772	9320	220	304	14	29	76	6533	10602	5330	8500	214	2
Tổng số	77.654	111.937	8.928	11.018	10.477	6.389	101.050	65.558	105.419	1.961	3.143	146	213	845	69.833	113.298	52.702	92.753	3.253	34

Nguồn: Cục Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Bảng 1.3. Thống kê hoạt động kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ năm 2007 đến năm 2016

Năm	Số đối tượng	Bắt khẩn cấp		Bắt quả tang		Bắt tạm giam		Bắt truy nã	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2007	80	17	21.25	11	13.75	47	58.75	5	6.25
2008	80	24	30.00	7	8.75	40	50	9	11.25
2009	80	16	20.00	12	15.00	42	52.5	10	12.50
2010	80	19	23.75	9	11.25	46	57.5	6	7.50
2011	80	25	31.25	8	10.00	33	41.25	14	17.50
2012	80	21	26.25	13	16.25	37	46.25	9	11.25
2013	80	30	37.50	12	15.00	27	33.75	11	13.75
2014	80	27	33.75	8	10.00	32	40	13	16.25
2015	80	29	36.25	13	16.25	35	43.75	3	3.75
2016	80	33	41.25	18	22.50	38	47.5	19	23.75
Tổng	800	241	30.13	111	13.88	339	42.375	99	12.38

Nguồn: Nghiên cứu hồ sơ 800 đối tượng phạm tội cố ý gây thương tích từ năm 2007 đến 2016

Bảng 1.4. Thống kê hoạt động kiểm sát hỏi cung bị can và ghi lời khai người làm chứng trong hoạt động điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ năm 2007 đến năm 2016

Năm	Số vụ nghiên cứu	Kiểm sát hoạt động hỏi cung						Kiểm sát ghi lời khai người làm chứng					
		KSV trực tiếp hỏi cung		Kiểm sát hỏi cung trực tiếp		Kiểm sát hỏi cung gián tiếp		Kiểm sát trực tiếp ghi lời khai		Kiểm sát gián tiếp ghi lời khai		Yêu cầu khắc phục vi phạm	
		Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Vụ	Tỉ lệ	Vụ	Tỉ lệ	Vụ	Tỉ lệ
2007	70	9	12.86	20	28.57	41	58.57	9	12.86	54	77.14	11	15.71
2008	70	7	10.00	21	30.00	42	60.00	10	14.29	49	70.00	13	18.57
2009	70	12	17.14	19	27.14	39	55.71	12	17.14	45	64.29	15	21.43
2010	70	16	22.86	17	24.29	37	52.86	13	18.57	43	61.43	16	22.86
2011	70	14	20.00	22	31.43	34	48.57	13	18.57	41	58.57	16	22.86
2012	70	10	14.29	25	35.71	35	50.00	11	15.71	37	52.86	17	24.29
2013	70	11	15.71	22	31.43	37	52.86	15	21.43	35	50.00	16	22.86
2014	70	17	24.29	24	34.29	29	41.43	14	20.00	34	48.57	18	25.71
2015	70	25	35.71	27	38.57	18	25.71	19	27.14	33	47.14	20	28.57
2016	70	40	57.14	20	28.57	10	14.29	19	27.14	30	42.86	22	31.43
Tổng cộng	700	161	23.00	217	31.00	322	46.00	135	19.29	401	57.29	164	23.43

Nguồn: Nghiên cứu 700 hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích từ năm 2007 đến 2016

**Bảng 1.5. Thống kê kiểm sát hoạt động khám xét trong điều tra các vụ án
cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ năm 2007 đến năm 2016**

Năm	Số vụ nghiên cứu	Số vụ tiến hành khám xét						
		Tổng số vụ	Khám xét khẩn cấp			Khám xét theo thủ tục thông thường		
			Số vụ CQĐT tiến hành	Số vụ VKS có kiểm sát	Tỉ lệ %	Số vụ CQĐT ra lệnh	Số vụ VKS phê chuẩn	Tỉ lệ %
2007	60	39	28	28	100	11	9	81,82
2008	60	41	30	30	100	10	8	80
2009	60	34	25	25	100	9	8	88,89
2010	60	38	27	27	100	9	9	100
2011	60	35	26	26	100	11	9	81,82
2012	60	36	26	26	100	10	8	80
2013	60	42	32	32	100	12	11	91,67
2014	60	45	35	35	100	13	11	84,62
2015	60	71	56	56	100	18	17	94,44
2016	60	75	59	59	100	19	17	89,47
Tổng cộng	600	456	344	344	100	122	107	87,70

*Nguồn: Nghiên cứu 600 hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích
từ năm 2007 đến 2016*

Bảng 1.6. Số liệu thống kê biên chế cán bộ, Kiểm sát viên thực hiện công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành Kiểm sát nhân dân

STT	Các chức danh pháp lý	Biên chế tại Viện KSND tối cao	Biên chế tại Viện KSND Cấp cao	Biên chế tại Viện KSND cấp tỉnh	Biên chế tại Viện KSND cấp huyện
1	<i>Kiểm sát viên Viện KSNDTC</i>	18			
	<i>Kiểm sát viên cao cấp</i>	128	108	63	
2	<i>Điều tra viên Cao cấp</i>	35			
3	<i>Kiểm tra viên Cao cấp</i>	36			
4	<i>Kiểm sát viên Trung cấp</i>	33	137	2.540	1.499
5	<i>Điều tra viên Trung cấp</i>	42			
6	<i>Kiểm tra viên Chính</i>	105		32	02
7	<i>Kiểm sát viên sơ cấp</i>	59	68	672	6.215
8	<i>Điều tra viên sơ cấp</i>	12			
9	<i>Kiểm tra viên</i>	118		361	472
10	<i>Viên chức khác</i>	334	137	685	2.404
TỔNG SỐ	15.860	920	450	4.253	10.337

Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao

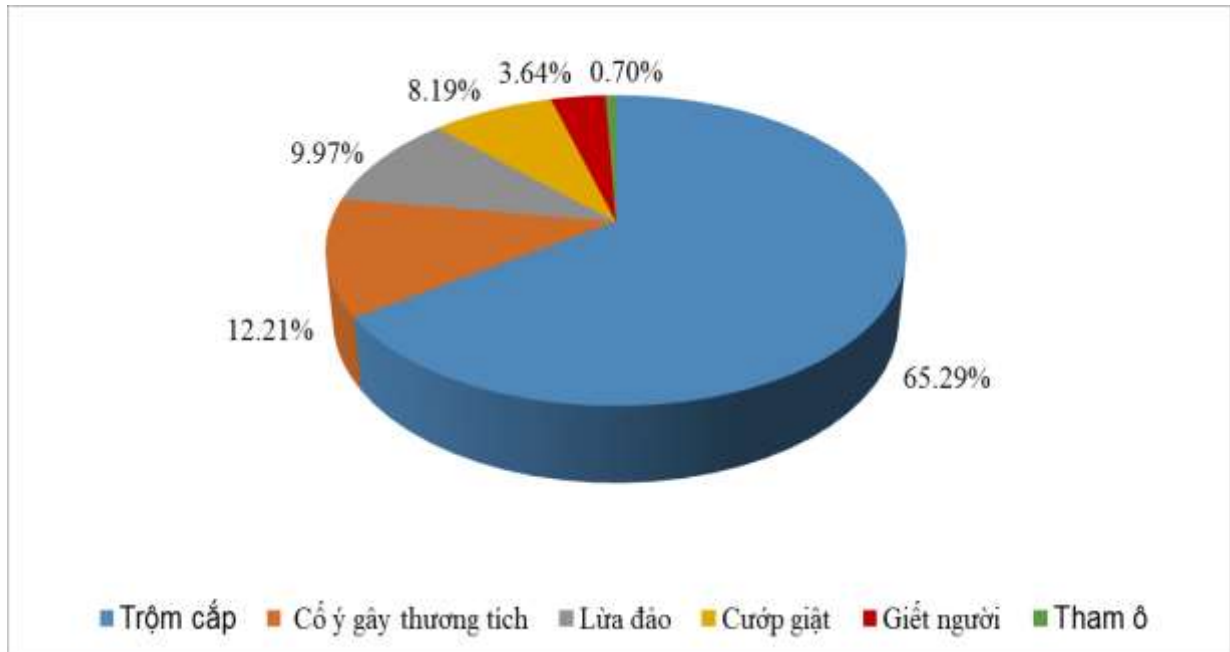
Bảng 1.7. Số liệu thống kê biên chế cán bộ thực hiện công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người

STT	Các chức danh pháp lý	Biên chế tại Vụ 2 VKSND tối cao	Biên chế tại Vụ 7 VKSND tối cao	Biên chế tại VKSND cấp tỉnh	Biên chế tại VKSND cấp huyện (Bộ phân hình sự)
1	<i>Kiểm sát viên VKSNDTC</i>	12	01		
2	<i>Kiểm sát viên Cao cấp</i>	01	06		
3	<i>Kiểm sát viên Trung cấp</i>	04	03	893	465
4	<i>Kiểm tra viên Chính</i>	06		32	02
5	<i>Kiểm sát viên sơ cấp</i>	01	03	462	1.980
6	<i>Kiểm tra viên</i>		2	278	192
7	<i>Viên chức khác</i>	10	7	141	1.634
TỔNG SỐ	6.135	34	22	1.806	4.273

Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao

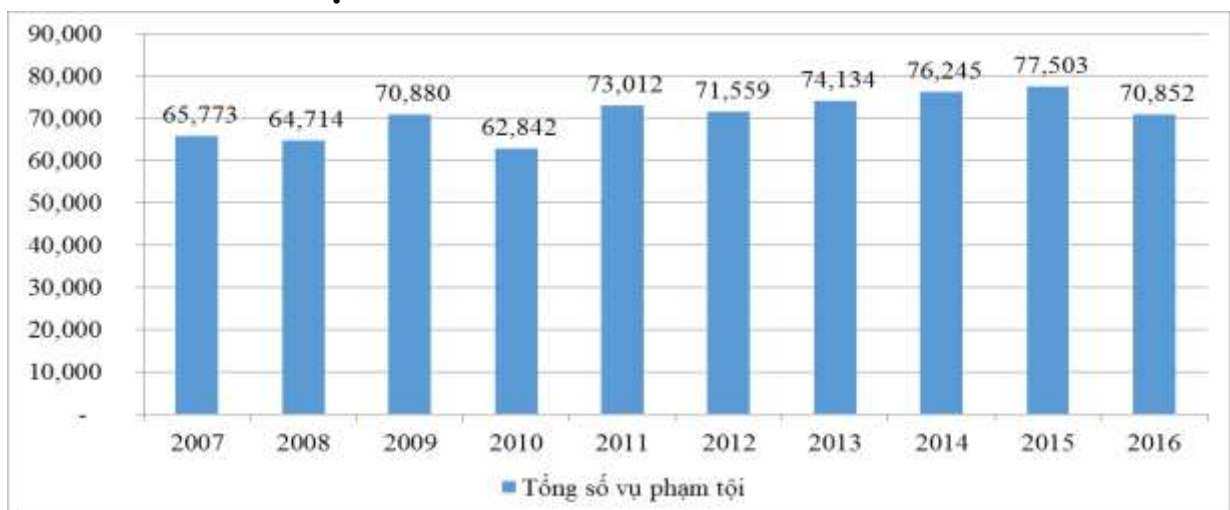
PHẦN PHỤ LỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1: Tình hình tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác so với một số tội phạm khác trên địa bàn cả nước từ năm 2007 đến năm 2016



Nguồn: Cục Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Biểu đồ 1.2: Tổng số vụ phạm tội: Trộm cắp, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, lừa đảo, cướp giật, giết người, tham ô trên địa bàn cả nước từ năm 2007 đến năm 2016



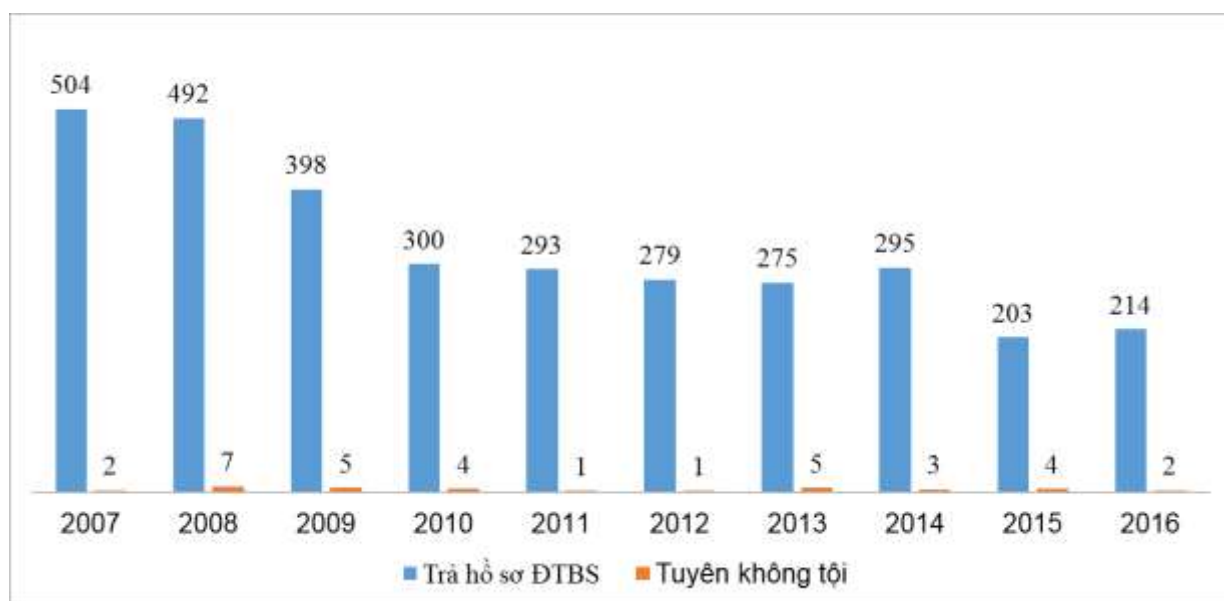
Nguồn: Cục Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Biểu đồ 1.3: Tình hình tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn cả nước từ năm 2007 đến năm 2016



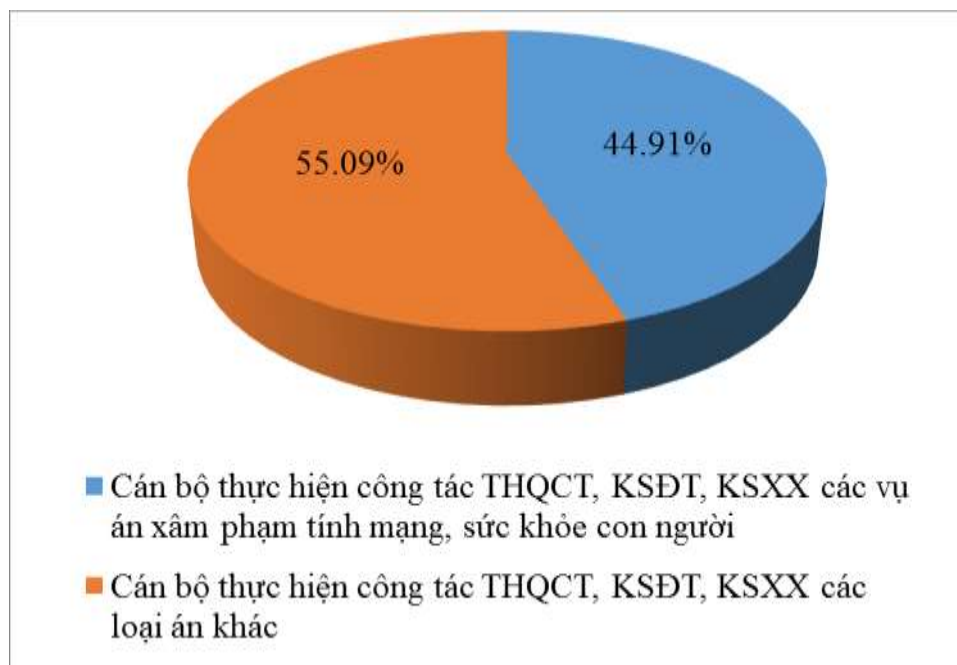
Nguồn: Cục Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Biểu đồ 1.4: Số lượng vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung và Tòa án tuyên không phạm tội trên địa bàn cả nước từ năm 2007 đến năm 2016



Nguồn: Cục Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Biểu đồ 1.5: Thực trạng cán bộ làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án trật tự xã hội so với tổng số cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân



Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ - Viện kiểm sát nhân dân tối cao